LỀU VỊT

Ngay từ buổi sớm tinh mơ, ngoài cửa lều đã rộn lên những tiếng "vít vít" của đàn vịt con. Trong cái vây quây thành hình bầu dục rộng bằng hai cái nong, một đàn ba trăm con vịt mới bóc trứng chừng ba bốn ngày, lông và mỏ còn vàng suồm suộm, đứng chen chúc trong vây, con nào con nấy tròn xoe xoe, y như những cái trứng vàng hươm biết cử động. Nghe tiếng vịt kêu, ông cụ Tư càng mạnh tay khuấy đều đôi đũa cả to gộc, những hạt cơm ngâm nước to phềnh cùng những cánh bèo tấm trong nồi bắn cả lên ngực áo, lên chòm râu đã gần bạc trắng của ông cụ. Khi ông cụ lệnh khệnh từ trong lều chui ra, lũ vịt dường như đã ngửi thấy hơi cơm, chúng đổ xô cả về một phía và cùng há mỏ kêu lên rộn rã...

Ông cụ vục hai bàn tay xù xì to bản vào cái thúng, vốc những vốc cơm to, vẩy vẩy lên mình lũ vịt con, khéo léo như người gieo mạ. Lũ vịt tranh nhau ăn, ăn chưa hết đám này đã lại bổ nháo bổ nhào sang đám khác. Lắm con lập cập bị đàn xô đẩy, ngã chỏng chơ cứ huơ mãi đôi chân bé xíu và hai cái cánh ngắn cũn, không sao lật mình trở dậy được.

VŨ THỊ THƯỜNG

Trích "Vợ chồng ông lão chăn vịt"

Chú giải

– *Lập cập* : vội vã một cách khó nhọc.

– *Ngã chỏng chơ* : ngã ngửa, chân giơ lên trời.

Hướng dẫn đọc

Phát âm đúng các tiếng có phụ âm *l* : *lều, lập cập, lũ vịt.*

thuongmaitr

Tìm hiểu bài

1. Đàn vịt con mới nở trông đẹp và đáng yêu như thế nào ?

2. Động tác chuẩn bị thức ăn và cho vịt ăn của ông cụ Tư được miêu tả bằng những từ ngữ nào ? Qua các từ ngữ đó, em thấy tinh thần làm việc của ông cụ ra sao ?

* Học thuộc lòng đoạn : "Ông cụ vục hai bàn tay ... trở dậy được".

TIẾT 52

CỨU MUỐI

Đám mây đen to và nặng bay ngang qua bầu trời. Nó dừng lại, ngay trên đầu làng. Mặt trời bỗng dưng biến mất và nắng như tấm màn mỏng nhà ai đang căng phơi bị cuốn ngay lại. Trời âm u.

- Cứu muối, bà con ơi !

truongxua.vn

- Cứu muối ! - Nhiều tiếng kêu theo vang trên các khoảnh đồng.

Tiếng chân người chạy thình thịch, dồn dập trên đường làng. Người vác trang, bồ cào, người phên liếp, thúng mủng vội vã chạy ra đồng. Tôi cũng chạy theo rất nhanh.

Đồng muối lúc này nom thật lạ mắt, cứ loang loáng như gương. Trên những ô nề, muối đã bắt đầu kết tinh ; đã nhìn thấy những hạt muối tươi lấm tấm nổi lên giữa những vùng nước mặn đang bắt đầu đóng váng. Mọi người hối hả lấy trang cào muối vun lại thành đống ở mỗi góc ruộng rồi lấy phên liếp che lên trên. Tôi cũng nhặt lấy một cái trang và bắt đầu cào muối. Mùi nắng nồng gặp mưa bốc lên mặn chát. Tôi thấy người nóng rực, mồ hôi toát ra.

Những hạt mưa to và nặng bắt đầu rơi xuống như ai ném đá, nghe rào rào. Mặt đất bốc hơi ngùn ngụt. Nhưng chỉ một lúc sau mưa tạnh ngay. Nắng bừng lên chói chang vàng rực. Mọi người lại vội vã bỏ phên liếp che đậy trên các ruộng ra để lấy nắng. Một chị phụ nữ nhìn tôi cười, hỏi :

- Em là con nhà ai mà đến giúp chị chạy muối thế này ?

- Em là cháu bác Tự. Em về làng nghỉ hè.

NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ
Trích "Cánh đồng bờ biển"

Chú giải

– *Ô nề* : từng ngăn nhỏ ở sân phơi trên đồng muối, ngăn này được láng xi măng. Người ta đổ nước biển (đã cô lại gọi là nước chạt) phơi để cho muối kết tinh.

– *Bồ cào* : dụng cụ có răng, có cán dài dùng để cào muối.

– *Váng* : màng mỏng đóng trên mặt chất lỏng.

– *Kết tinh* : biến từ thể lỏng sang thể rắn. Ý trong bài : hạt muối hình thành từ nước mặn trên ô nề.

thuongmaitr

Hướng dẫn đọc

Đoạn "Cứu muối, bà con ơi !.... bốc hơi ngùn ngụt" : đọc với giọng hơi nhanh, thể hiện sự khẩn trương.

Tìm hiểu bài

1. Khi sắp mưa, cảnh trời có những nét gì khác thường ?

2. Cảnh người khẩn trương chạy đi cứu muối được miêu tả bằng những chi tiết nào ?

3. Người ta cứu muối bằng cách nào ? Vì sao các việc đó phải làm hối hả ?

* Ôn các bài học thuộc lòng ở Tiết 46, 48, 50.

Mưa xuống rất nhanh sẽ làm tan nhiều hạt muối đã tối đây kết tinh sau nhiều ngày phơi nắng trên ô nề

TIẾT 53

QUA CẦU SÔNG ĐUỐNG

Qua cầu sông Đuống - ban đêm
Điện nhà máy Gỗ, máy Diêm sáng ngời
Tưởng đâu sông Đuống ngủ rồi
Mà câu quan họ ghẹo người vẫn sang
Nhà cao ngó xuống sông vàng
Công nhân mấy tốp chừng đang học bài
Cửa vuông mở rộng khung trời
Giữa đêm mà vẫn thấy đời sáng sao !

NGÔ QUÂN MIỆN

Chú giải

– *Cầu sông Đuống* : cầu bắc qua sông Đuống trên đường quốc lộ số 1, cách Hà Nội hơn 10 km. Ở vùng này có nhiều nhà máy.

truongxua.vn

– *Ngó xuống* : nhìn xuống.

Hướng dẫn đọc

Đọc giọng vui, nhịp điệu nhẹ nhàng.

Tìm hiểu bài

1. Câu thơ "Điện nhà máy Gỗ, máy Diêm sáng ngời" nói lên điều gì ?

2. Các hoạt động ghi lại trong đoạn thơ "Tưởng đâu ... học bài" cho thấy cuộc sống ở vùng sông Đuống ra sao ?

3. Tìm những từ cùng nghĩa hoặc gần nghĩa với từ *ghẹo*, từ *ngó*.

* Học thuộc lòng bài thơ.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tiếng Việt 4

TẬP HAI

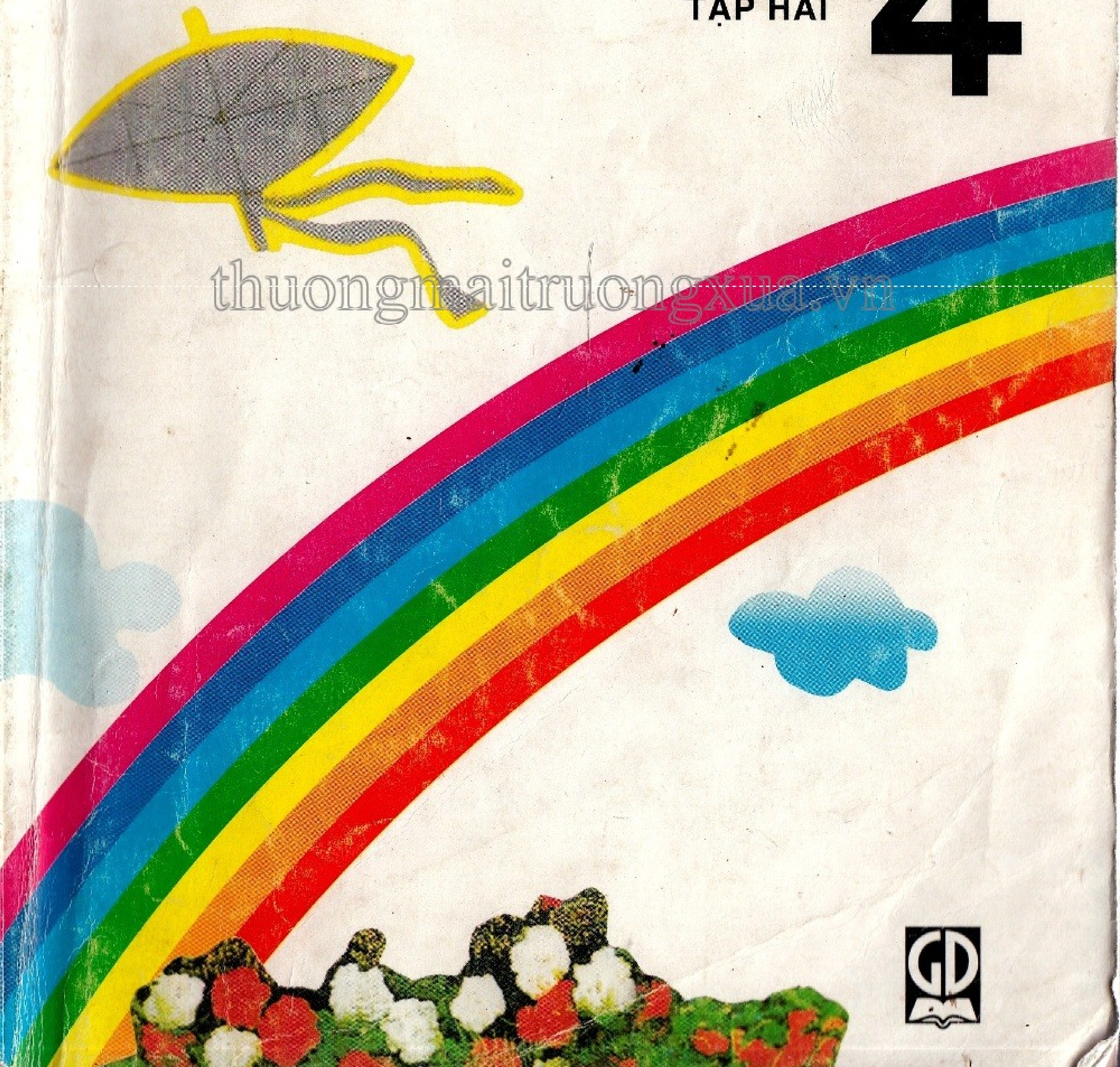

thuongmaitruongxua.vn

GIỮ ĐÊ

... Mưa rả rích đêm ngày. Mưa tối tăm mặt mũi. Mưa thối đất thối cát. Trận này chưa qua, trận khác đã tới, ráo riết hung tợn hơn. Tưởng như biển có bao nhiêu nước, trời hút lên, đổ hết xuống đất liền.

Đội trưởng Ngoạn vùng ra ngoài điếm canh.

Kinh hoàng quá, nước lênh láng khắp mọi nơi. Ngoài xa, đường nhựa đã ngập, ba bốn cái ôtô chết đứng trong nước. Hai trung đoàn bộ đội được điều động cấp tốc tới, lội bì bõm qua đồng xếp đá vào chân đê, chỗ bị dòng nước xói thẳng vào.

Khúc đê bây giờ chỉ còn là một nét đỏ nhờ, mỏng mảnh bên mênh mông sóng nước. Dòng sông đổ như thác, đỏ lừ, xoáy nước sâu hút hình phễu, kêu oằng oặc, sùng sục, đánh vào chân đê.

Tiếng mưa rơi lộp độp, tiếng chân người chạy lép nhép. Mọi người ngạc nhiên thấy một chiếc com-măng-ca lấm bê lấm bết. Chủ tịch huyện vừa nhảy xuống đất cùng với một người nữa tùm hum trong cái áo bạt. Quần xắn tới bẹn, áo mưa cộc, mũ cối ròng ròng nước rìa vành, hai con mắt chủ tịch huyện trũng sâu : ông đã lặn lội cả tuần nay trên các tuyến đê.

MA VĂN KHÁNG

Trích "Mưa mùa hạ"

Chú giải

– *Kinh hoàng* : sợ hãi, hoảng hốt.

– *Tùm hum* : thấp sụp xuống, che kín cả người.

thuongmaitr

Hướng dẫn đọc

Phát âm đúng các từ ngữ : *lênh láng, lặn lội, lấm bê lấm bết ; oàng oạc, sùng sục.*

Tìm hiểu bài

1. Tác giả đã dùng những từ ngữ nào để miêu tả các trận mưa dữ dội ?

2. Cảnh con đê bị đe dọa giữa "mênh mông sóng nước" được miêu tả cụ thể như thế nào ?

3. Để chống lụt do mưa gây nên, con người đã làm gì ? Những chi tiết nào cho thấy điều đó ?

TIẾT 55

BUỔI CHỢ TRUNG DU

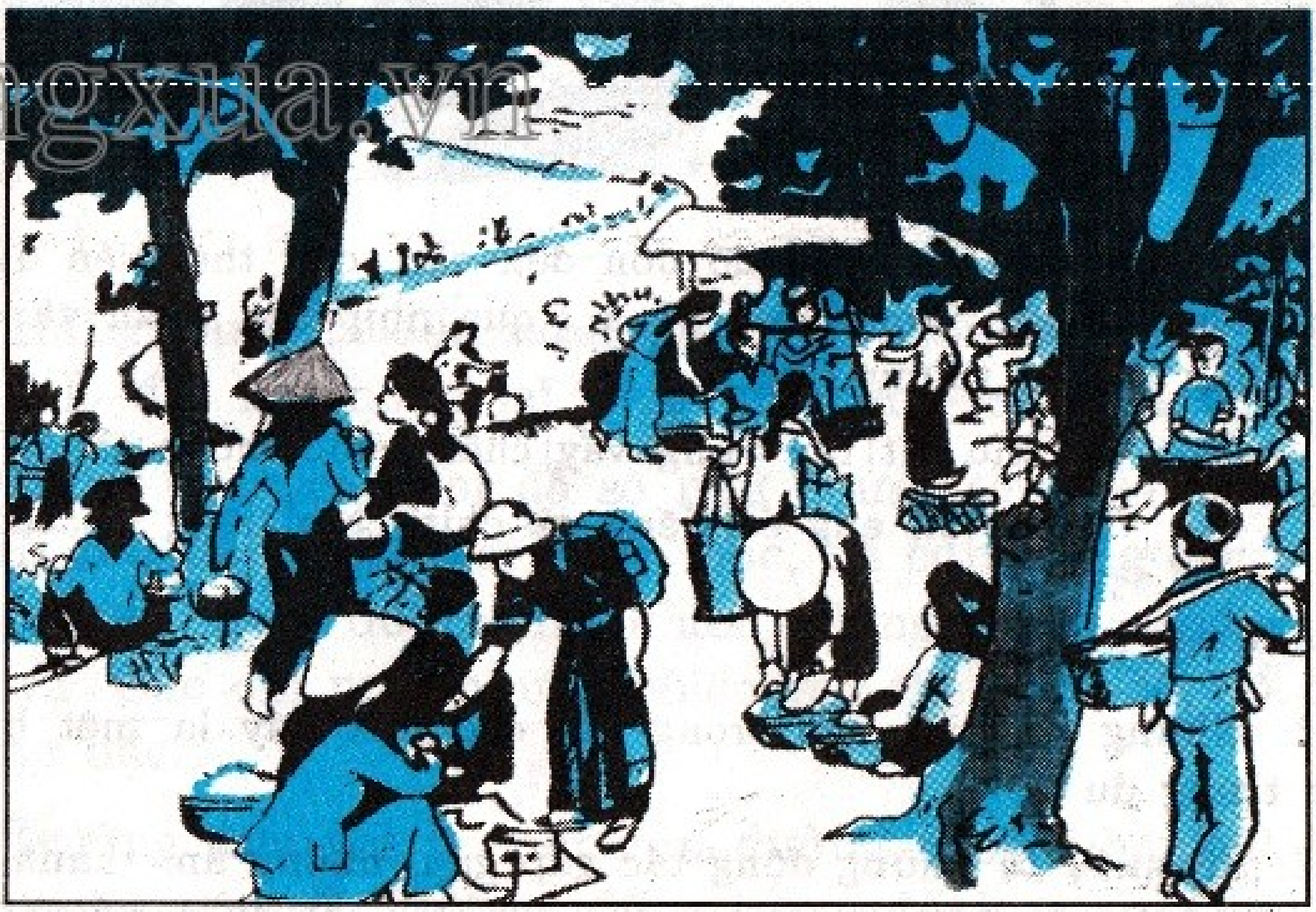

truongxua.vn

Mặt trời cuối thu nhọc nhằn chọc thủng màn sương từ từ nhô lên ngàn cây trên dãy núi đồi lẹt xẹt. Bầu trời

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LÊ CẬN (Chủ biên)
NGUYỄN HUY ĐÀN - NGUYỄN BÙI VỢI - NGUYỄN TÚ SINH
HOÀNG VĂN THUNG - ĐỖ QUANG LƯU - NGUYỄN CÓ
LƯU ĐỨC KHÔI - ĐỖ LÊ CHẨN

Tiếng Việt

4

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ mười chín - Chỉnh lí năm 1994)

ruongxua.vn

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

dần dần tươi sáng. Tất cả thung lũng đều hiện màu vàng. Hương vị thôn quê đầy vẻ quyến rũ ngào ngạt mùi lúa chín.

Từ các làng xóm, từ các ấp trại, từ các túp nhà linh tinh trên sườn đồi, người và gồng gánh, thúng mủng và bị quai, tay nải và ba lô nữa, lũ dài, lũ ngắn dồn lên mấy con đường lớn. Vai kĩu kịt, tay vung vẩy, chân bước thoăn thoắt. Tiếng lợn eng éc, tiếng gà chíp chíp, tiếng vịt cạc cạc, tiếng người nói léo xéo. Thỉnh thoảng lại điểm những tiếng ăng ẳng của con chó bị lôi sau sợi xích sắt, mặt buồn rầu, sợ sệt...

Khoảng bảy giờ sáng, trên đồi đã đông nghìn nghịt. Màu nâu, màu chàm, màu ka ki, các thứ quần áo trà trộn dưới bóng cây. Không ai nói to, cũng không ai nói nhiều. Nhưng luồng phát âm của hàng nghìn cái miệng đủ làm cho cả khu rừng ầm ầm.

NGÔ TẤT TỐ

thuongmaitr

Hướng dẫn đọc

Đọc đoạn văn tả người đổ dồn đến chợ, cần thể hiện được động tác gấp gáp, âm thanh ồn ã... qua nhịp câu ngắn và các từ tượng thanh, tượng hình.

Ví dụ : Vai kĩu kịt | tay vung vẩy | chân bước thoăn thoắt |

Tiếng lợn eng éc | tiếng gà chíp chíp | tiếng vịt cạc cạc | ...

Tìm hiểu bài

1. Những chi tiết nào trong bài cho biết đây là một buổi chợ trung du ?

2. Để miêu tả những động tác gấp gáp, những âm thanh ồn ã của người và vật trên đường đến chợ, tác giả đã dùng những từ ngữ nào ? Nhịp điệu câu văn ở đoạn này ra sao ?

3. Bài văn có mấy đoạn ? Mỗi đoạn, ý nói gì ?

NGÀY HỘI ĐUA VOI Ở TÂY NGUYÊN

Hằng năm, cứ đến mùa xuân, tiết trời ấm áp thì đồng bào Ê-đê, Mơ-nông lại tưng bừng mở hội đua voi.

Hàng trăm con voi đồ sộ như những tảng đá xám nục nịch kéo đến. Mặt trời chưa mọc, bà con trong các buôn đã nườm nượp đổ ra. Kẻ khua chiêng trống, người thổi tù và. Các chị mặc những chiếc váy thêu rực rỡ, cổ đeo vòng bạc.

Trường đua voi là một con đường rộng, phẳng lì, dài hơn năm cây số. Chiêng khụa, trống đánh vang lừng. Voi đua từng tốp mười con dàn hàng ngang ở nơi xuất phát. Trên lưng mỗi con ngồi hai chàng "man-gát". Người ngồi

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập VŨ DƯƠNG THUỴ

Biên soạn :

LÊ CẬN	(Chủ biên)
NGUYỄN HUY ĐÀN	(Tập đọc)
NGUYỄN BÙI VỢI	–
NGUYỄN TÚ SINH	–
ĐỖ QUANG LƯU	(Từ ngữ)
HOÀNG VĂN THUNG	(Ngữ pháp)
NGUYỄN CÓ	(Chính tả)
LƯU ĐỨC KHÔI	(Tập làm văn)

Biên soạn chỉnh lí (1994) :

NGUYỄN HUY ĐÀN	(Tập đọc)
HOÀNG VĂN THUNG	(Từ ngữ - Ngữ pháp)
ĐỖ LÊ CHẨN	(Chính tả - Tập làm văn)

Biên tập chỉnh lí :
HOÀNG PHÙNG

Biên tập tái bản :
NGUYỄN THANH HẢI

Biên tập kĩ thuật :
TRẦN THU NGA

Trình bày bìa :
VÕ TÁ HÙNG

Minh họa :
TRẦN VĂN THỌ

Sửa bản in :
VƯƠNG THỊ TRÌNH

Chế bản :
PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

4(V)(075) / GD-04 1205/69-03 Mã số : 1H412t4

thuongmaitr

TẬP ĐỌC

Chủ đề ĐẤT NƯỚC

(Tiếp theo)

TIẾT 35

TRONG CƠN LỐC BIỂN

Khoảng nửa đêm, chúng tôi giật mình nhỏm dậy, người nôn nao và dường như có ai giật mạnh chiếc giường bạt. Bên ngoài trời tối như bưng. Bóng tối quánh lại, dày đặc như cái chảo đen khổng lồ úp chụp xuống. Gió rít từng cơn hất tung nước biển lên sàn rạt rạt. Con tàu lắc lư, dềnh lên, dập xuống. đoạn 1

phía trên cổ, có vuông vải đỏ thắm ở ngực. Người ngồi trên lưng mặc áo xanh da trời. Trông họ rất bình tĩnh vì họ thường là những người phi ngựa giỏi nhất trong các cuộc săn trâu bò rừng.

Đến giờ xuất phát, chiêng trống nổi lên thì cả mười con voi lao đầu chạy. Cái dáng lầm lì, chậm chạp thường ngày bỗng dưng biến mất. Cả bầy hăng máu phóng như bay. Bụi cuốn mù mịt. Những chàng "man-gát" phải rất gan dạ và khéo điều khiển cho voi mình về trúng đích. Những chú voi chạy đến đích trước tiên đều ghìm đà, huơ vòi chào khán giả đã nhiệt liệt cổ vũ, khen ngợi chúng.

Ngày trước, hội đua voi có khi kéo dài đến hai ba ngày. Đó là một dịp vui chơi và trổ tài huấn luyện, điều khiển voi của đất Tây Nguyên thượng võ.

LÊ TẤN

thuongmaitr

Chú giải

– *Man-gát* : người điều khiển voi đua.

– *Buôn* : làng của đồng bào Tây Nguyên.

Hướng dẫn đọc

– Đọc nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả : "Hàng trăm con voi *đồ sộ* như những tảng đá xám *nục nịch* kéo đến. Mặt trời chưa mọc, bà con trong các buôn đã *nườm nượp* đổ ra...".

– Đọc với giọng sôi nổi đoạn tả cuộc thi : "Đến giờ xuất phát... trúng đích".

Tìm hiểu bài

1. Bài văn có thể chia làm mấy đoạn ? Mỗi đoạn, ý nói gì ?
2. Đồng bào Tây Nguyên hưởng ứng cuộc đua voi ra sao ?

3. Cuộc đua voi diễn ra sôi nổi như thế nào ? Các từ ngữ *lao đầu chạy, hăng máu, phóng như bay, bụi mù mịt*, diễn tả ý gì ?

* Học thuộc lòng đoạn : "Đến giờ xuất phát ... Tây Nguyên thượng võ".

3) Cuộc đua voi diễn ra rất quyết liệt khí khí rất hào hùng sôi nổi

TIẾT 57

NHÀ BÁC HỌC VÀ BÀ CON NÔNG DÂN

Hôm ấy, tiến sĩ nông học Lương Định Của đi cùng một số cán bộ xuống xem xét tình hình nông nghiệp ở Hải Hưng.

Ngồi trên ô tô, bác Của chăm chú nhìn các xã viên hợp tác đang cấy trên những thửa ruộng ngay ven đường. Bác dừng xe lội xuống ruộng nói chuyện với chị đội trưởng sản xuất. Bác nói :

truongxua.vn

- Bà con nên cấy ngửa tay để rễ mạ ăn nông, cây lúa dễ phát triển. Lúc cấy cần dăng dây cho thẳng hàng thì sau này mới dùng được cào cải tiến để làm cỏ sục bùn. Phải đắp lại bờ cho chu đáo. Làm ruộng không có bờ vùng, bờ thửa thì cũng chẳng khác gì nấu cơm trong một cái nồi thủng đáy.

Một số bà con xã viên chăm chú nghe, nhưng cũng có người nói bâng quơ :

- Ối dào ! Các ông ấy đi ô tô thì biết gì đến việc cày cấy ! Việc ta ta làm.

Vẫn giữ thái độ bình thản, nhà nông học giảng giải thêm cho chị đội trưởng vài vấn đề cần thiết để cải tiến kĩ thuật rồi chỉ đống mạ để đầu bờ, bác nói tiếp :

Thuyền trưởng Thắng, hai tay ghì chặt vô-lăng, đôi mắt nhìn xoáy về phía trước. Chốc chốc, anh liếc nhìn vào la bàn và tấm hải đồ. Gió vặn khung gỗ buồng lái răng rắc. Con tàu chao đảo, có khi nghiêng hẳn về một bên nhưng nó vẫn đè sóng lướt tới.

Mình đẫm mồ hôi, Thắng quay lại phía chúng tôi nói, giọng ồm ồm :

- Cơn lốc biển đấy, các anh ạ ! Độ vài giờ là nó tan thôi. Tệ thật, tôi chỉ lo đơn vị "tăng" của các anh không kịp tham gia chiến dịch tấn công vào thành phố.

Biển vẫn gào thét. Gió vẫn từng cơn đẩy nước dồn ứ lại, rồi đột ngột giãn ra. Con tàu vẫn lặn hụp như con cá kình giữa muôn nghìn lớp sóng. Thuyền trưởng Thắng vẫn điềm tĩnh chỉ huy đoàn tàu vượt cơn lốc dữ.

Mờ sáng hôm sau, đơn vị chúng tôi tập kết đúng địa điểm và thời gian quy định.

thuongmaitr

ĐINH KÍNH

Chú giải

– *Lốc* : cơn gió xoáy mạnh.

– *Vô-lăng* : bánh lái dùng để điều khiển tàu, xe.

– *La bàn* : dụng cụ xác định phương hướng, có một kim nam châm luôn luôn chỉ phương bắc–nam.

– *Hải đồ* : bản đồ đi biển.

– *Cá kình* : một giống cá biển rất to, rất dữ tợn.

Hướng dẫn đọc

– *Nôn nao* : đọc đúng phụ âm *n* (*nao* khác *lao* : đâm lao thì phải theo lao).

– Giọng đọc cần làm nổi bật từng ý. Ví dụ : "Bóng tối quánh lại / dày đặc như cái chảo đen khổng lồ / úp chụp xuống".

Tìm hiểu bài

1. Đoàn tàu biển chở hàng gì và chở đi đâu ?

2. Trên biển, con tàu gặp cơn lốc dữ dội như thế nào ?

3. Vì sao thuyền trưởng Thắng quyết đưa đoàn tàu vượt qua cơn lốc biển ? Chi tiết nào nói lên quyết tâm đó ?

TIẾT 36

ĐI TÀU TRÊN SÔNG VON-GA

Tôi còn nhớ rất rõ những ngày thu vô cùng đẹp đẽ ấy. Suốt từ sáng đến tối, tôi với bà tôi đứng trên boong tàu, dưới bầu trời trong sáng, giữa đôi bờ sông Von-ga được mùa thu thêu lên một màu vàng óng như hai dải lụa. Con tàu màu gạch tươi đi ngược dòng sông, bánh lái uể oải khuấy động mặt nước xanh sẫm. Nó kéo theo ở đầu sợi dây cáp dài một chiếc xà lan xám trông giống như con bọ đất. Mặt trời lững lờ di chuyển trên sông, cảnh vật đổi mới từng giờ, từng phút. Những ngọn đồi xanh giống như những nếp gấp lộng lẫy trên bộ y phục sang trọng của mặt đất ; hai bên bờ sông, các thành phố và làng mạc nom xa như những chiếc bánh. Thỉnh thoảng có chiếc lá thu vàng bập bềnh trên mặt nước.

- Cháu nhìn xem, đẹp chưa kìa ! - Chốc chốc bà tôi lại nhắc lại và đi từ thành tàu bên này sang thành tàu bên kia, nét mặt rạng rỡ, đôi mắt rưng rưng vì vui sướng.

M.GOR-KI

Trích "Những ngày thơ ấu"

Chú giải

Von-ga : một con sông lớn của nước Nga. (tin-sô cũ)

3/ Đứng ngồi không yên một chỗ mà chốc chốc lại đi tới

- Không nên dùng lạt tre buộc mạ : mạ sẽ bị gẫy lưng thân.

Vừa nói bác vừa cúi xuống vơ một nắm rạ trên bờ ruộng, thoăn thoắt buộc lại một lúc hơn mười bó mạ. Xong, bác nhìn các xã viên, cười cởi mở :

- Nào, ai cấy nhanh nhất xin mời đến đây cấy thi với tôi nào !

Thấy bác vui tính, đám con gái nhận lời ngay. Họ cử một cô cấy giỏi nhất ra thi tài.

Bác Của bảo cô gái :

- Nào xem kĩ thuật cũ và kĩ thuật mới đằng nào thắng, nghe !

Thế là cuộc thi bất ngờ bắt đầu. Chỉ ít phút sau, bác đã bỏ xa cô gái hàng mấy thước. Chẳng những bỏ xa mà bác lại cấy rất thẳng, rất đều. Mọi người theo dõi cuộc thi không ngớt những lời trầm trồ, thán phục.

NGUYỄN HOÀI GIANG

Chú giải

– Tiến sĩ nông học Lương Định Của quê ở tỉnh Sóc Trăng. Ông nghiên cứu kĩ thuật trồng trọt mới, lai tạo được nhiều giống cây trồng cho năng suất cao.

– *Nông học* : khoa học về trồng trọt, chăn nuôi.

– *Hải Hưng* : nay đã chia thành hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên.

Hướng dẫn đọc

Cần thể hiện rõ giọng nói của các nhân vật :

– Giọng nghi ngờ của một xã viên : "Ối dào ! Các ông ấy đi ô tô thì biết gì đến việc cày cấy...".

– Giọng vui vẻ, cởi mở của bác Lương Định Của : "Nào, ai cấy nhanh nhất xin mời đến đây cấy thi...".

Tìm hiểu bài

1. Những chi tiết nào trong bài cho biết nhà bác học Lương Định Của rất gần gũi với bà con nông dân ?

2. Ông đã hướng dẫn kĩ thuật mới về việc cấy lúa như thế nào ?

**3. Vì sao bà con nông dân có người vẫn tỏ thái độ thờ ơ với những điều ông hướng dẫn ?

4. Bằng những việc làm cụ thể nào, nhà bác học đã làm cho bà con nông dân thật sự tin vào lời nói của mình ?

TIẾT 58

PÁP-LỐP

Páp-lốp nổi tiếng là người làm việc nghiêm túc, bảo đảm giờ giấc và rất nghiêm khắc với bản thân. Những người làm việc với ông kể lại rằng : hằng ngày cứ thấy Páp-lốp tới phòng làm việc, thay quần áo xong và ngồi vào chỗ là y như chuông báo hiệu bắt đầu giờ làm việc.

110 nước nga về mùa thu tả cây hai bên đôi bờ có màu vàng ối trải dài dưới nắng trong như hai dải lụa óng mượt mềm mại

– *Cáp* : dây bện bằng nhiều sợi kim loại, mỗi sợi lại bện bằng nhiều sợi nhỏ xoắn cùng chiều với nhau, chịu được sức kéo lớn.

– *Y phục* : áo quần.

Hướng dẫn đọc

Phát âm đúng thanh ngã (~) trong các từ sau : *lững lờ, lộng lẫy, rạng rỡ.*

Tìm hiểu bài

1. Vì sao tác giả ví đôi bờ sông Von-ga về mùa thu như hai dải lụa màu vàng óng ?

**2. Câu "Những ngọn đồi xanh giống như những nếp gấp lộng lẫy trên bộ y phục sang trọng của mặt đất" gợi lên hình dáng và màu sắc của các ngọn đồi như thế nào ?

3. Cảnh đẹp trên sông về mùa thu làm cho người bà của tác giả xúc động ra sao ?

* Học thuộc lòng : "Tôi còn ... bập bềnh trên mặt nước"

thuongmaitr

TIẾT 37

LUÔNG PHA-BANG

Máy bay vừa bay lên trả lại một vùng tĩnh mạc trên đồng cỏ tranh, người đứng dưới đường băng lại nghe tiếng mõ trâu ở một bụi lau nào gần đấy. Một con gà trong đồi cất tiếng gáy trưa. Không biết gà rừng hay gà nhà. Những bánh xe lam đưa khách rời sân bay sang phố nghe rào rạo, xa xa qua cầu Nậm-khan.

Đến lúc trông lên thấy nhà hai bên đường, mới biết đã vào thành phố. Ở dưới sông Mê-kông, sông Nậm-khan trông lên phố cũng không thấy nhà, chỉ thấy bụi tre trúc,

cây dừa, đôi chỗ một bậc dốc xuống bến như bất cứ làng nào ven sông. Đến khi thấy thấp thoáng chỏm tháp nhọn vàng ngôi chùa đỉnh núi Phu-xi, mới biết đấy đã là Luông Pha-bang.

Luông Pha-bang, thành phố trong những vườn dừa và trong bóng xanh rờn vườn chùa những cây chăm-pa, cây chăm-pi. Con sông Nậm-khan ra đến đấy còn làm duyên nũng nịu, uốn mình một quãng rồi mới chịu hòa vào Mê-kông. Ở Luông Pha-bang, trông phía nào cũng thấy triền núi chi chít những nương lúa xanh nhạt dưới bóng mây, thấy những ngôi chùa năm lần mái nghiêng lên nhau...

TÔ HOÀI
Trích "Hoa hồng vàng song cửa"

Chú giải

– *Luông Pha-bang* : tên thành phố đã từng là kinh đô của nước Lào.

– *Tĩnh mạc* : vắng vẻ, yên lặng.

– *Xe lam* : xe có ba bánh cao su, chạy bằng động cơ, thường dùng để chở người, chở hàng ở trong và ven thành phố.

– *Chăm-pa* : hoa đại. *Chăm-pi* : hoa ngọc lan. Hai loại hoa này thường được trồng ở chùa hoặc lăng, miếu.

Hướng dẫn đọc

– Phát âm đúng các danh từ riêng : Luông Pha-bang, Nậm-khan, Mê-kông, Phu-xi.

– Toàn bài đọc với âm điệu trầm nhẹ, chậm rãi ; ngắt câu, ngắt đoạn đúng.

Tìm hiểu bài

1. Trong đoạn một, đoạn hai của bài, những chi tiết nào cho thấy thành phố Luông Pha-bang có nhiều nét phong cảnh của làng quê ?

uongxua.vn

Một lần có người phàn nàn với bà hàng xóm của Páp-lốp rằng đồng hồ của bà ta sai, bà này quả quyết :

- Không thể nào sai được ! Đồng hồ của tôi ngày nào cũng lấy lại theo giờ đi làm của giáo sư Páp-lốp. Cứ thấy giáo sư ra khỏi cửa là tôi biết còn kém mười phút nữa mới tới giờ làm việc.

Páp-lốp có tác phong làm việc rất thận trọng. Các thí nghiệm của ông thường được lặp lại rất nhiều lần trên các động vật trước khi áp dụng cho người. Ông thường nói với học trò của mình :

- Thí nghiệm càng đầy đủ bao nhiêu thì càng hạn chế được hậu quả đáng buồn bấy nhiêu. Mỗi việc làm của chúng ta đều có quan hệ đến cái sống, cái chết của mỗi con người...

NGỌC TẤN – LÊ QUANG LONG
Trích "Cuộc sống và sự nghiệp"

thuongmaitr

Chú giải

I-van Pê-tơ-rô-vích Páp-lốp (1849 – 1936) là nhà sinh học vĩ đại của nước Nga. Páp-lốp đã sáng lập ra học thuyết nổi tiếng về hoạt động thần kinh cao cấp ở người và động vật. Ông đã đóng góp cho nền y học thế giới nhiều công trình nghiên cứu có giá trị.

Hướng dẫn đọc

– Phát âm rõ các tiếng có vần *iêm : nghiêm túc, thí nghiệm.*

– Chú ý nhấn giọng ở các từ ngữ thể hiện giờ giấc và cách làm việc rất thận trọng của Páp-lốp : *y như ... không thể nào ... càng đầy đủ bao nhiêu thì càng...*

Tìm hiểu bài

1. Câu đầu bài nêu những đức tính tốt đẹp nào của giáo sư Páp-lốp ?

2. Chi tiết nào chứng tỏ giáo sư Páp-lốp làm việc rất đúng giờ ?

3. Vì sao giáo sư Páp-lốp thường nhắc nhở học trò của mình phải làm thật đầy đủ các thí nghiệm khoa học ?

* Ôn lại các bài học thuộc lòng ở Tiết 53, 56.

TIẾT 59

CÂU ĐỐ

1.
Mẹ bò dưới đất
Ấp ổ trứng tròn
Chẳng thấy nở con
Mà toàn là củ.

(Đố là cây gì ?)

uongxua.vn

2.
Có miệng nói, có tai nghe
Chỉ nằm một chỗ không hề đi đâu
Chúng tôi mỗi đứa một đầu
Giúp cho người gặp gỡ nhau chuyện trò.

(Đố là cái gì ?)

3.
Mắt to, miệng rộng, đuôi dài
Vờn múa rất tài, ai cũng phải khen
Nghe hồi trống giục đã quen
Người chen chân đến đứng xem vui vầy.

(Đố là gì ?)

4.
Sông gì tên gọi đã xanh
Sông gì không nhuộm mà quanh năm hồng ?

2. Câu "Con sông Nậm-khan ra đến đấy còn làm duyên nũng nịu, uốn mình một quãng rồi mới chịu hòa vào Mê-kông", gợi tả gì ?

3. Núi, sông, cây cối, chùa chiền làm cho Luông Pha-bang có vẻ đẹp riêng như thế nào ?

TIẾT 38

ĂNG-CO VÁT

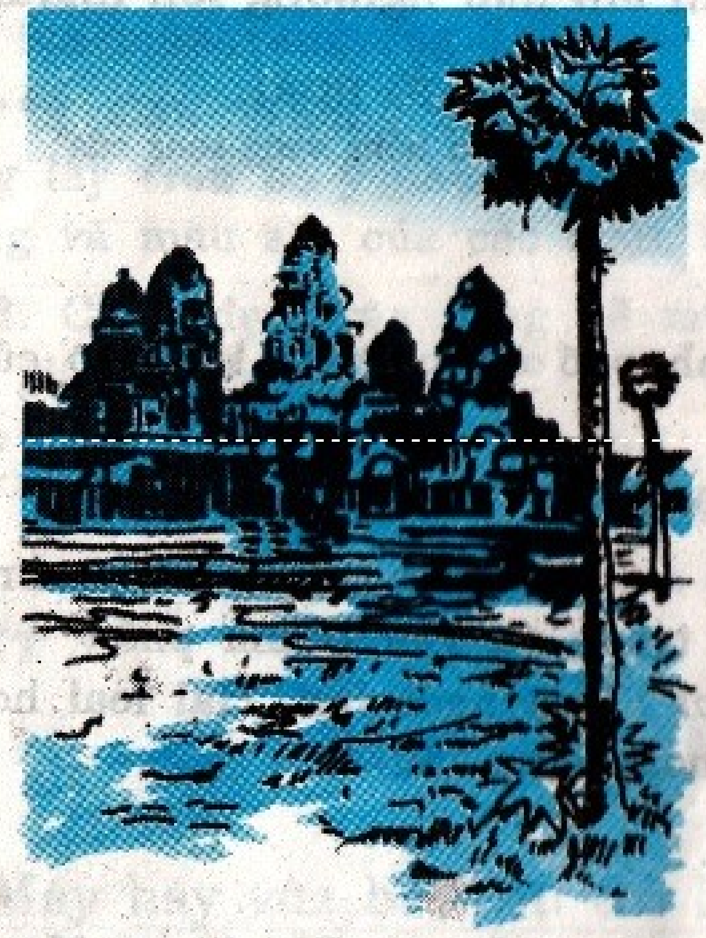

Ăng-co Vát là một công trình kiến trúc và điêu khắc tuyệt diệu của nhân dân Khơ-me, được xây dựng lên từ đầu thế kỉ XII.

Khu đền chính gồm ba tầng với những ngọn tháp lớn. Muốn thăm hết khu đền chính phải đi qua ba tầng hành lang dài gần 1.500m và có thể rẽ vào thăm 398 gian phòng. Suốt cuộc dạo xem kì thú đó, du khách sẽ cảm thấy như lạc vào thế giới của nghệ thuật chạm khắc và kiến trúc cổ đại Khơ-me.

Đây, những cây tháp lớn được dựng bằng một thứ đá ong và bọc ngoài bằng đá nhẵn. Đây, những bức tường buồng nhẵn bóng như mặt ghế đá, hoàn toàn được ghép bằng những tảng đá lớn đẽo gọt vuông vức và lựa ghép vào nhau kín khít như xây gạch vữa.

Toàn bộ khu thành đền quay về hướng tây. Lúc hoàng hôn, Ăng-co Vát thật huy hoàng. Mặt trời lặn, ánh sáng

chiếu soi vào bóng tối cửa đền. Những ngọn tháp cao vút ở phía trên, lấp loáng giữa những chùm lá thốt nốt xòa tán tròn vượt lên hẳn những hàng muỗm già cổ kính. Ngôi đền cao với những thềm đá rêu phong, uy nghi kì lạ, càng cao càng thâm nghiêm dưới ánh trời vàng, khi đàn dơi bay tỏa ra từ các ngách đá.

PHONG CHÂU – HOÀNG HUYỀN
NGUYỄN QUANG VINH
"Những kì quan trên thế giới"

Chú giải

– *Kiến trúc* : nghệ thuật xây dựng nhà cửa, thành lũy, ...

– *Điêu khắc* : nghệ thuật chạm trổ trên gỗ, đá...

– *Du khách* : người khách đi chơi xa ; khách du lịch.

– *Thốt nốt* : cây cùng họ với dừa, thân thẳng và cao, lá hình quạt, chặt cuống cụm hoa thì hứng được một chất nước ngọt dùng để chế đường.

truongxua.vn

– *Cổ kính* : xưa, cũ và có vẻ trang nghiêm. Ý trong bài : lâu đời.

– *Thâm nghiêm* : sâu kín, gợi vẻ uy nghiêm.

Hướng dẫn đọc

– Đọc rõ các số : *1.500* (m), *398* (gian phòng).

– Nhấn giọng ở các từ ngữ miêu tả vẻ đẹp của ngôi đền : *nhẵn bóng, lấp loáng, cổ kính, uy nghi.*

Tìm hiểu bài

1. Đền Ăng-co Vát là công trình kiến trúc và điêu khắc của nước nào, có từ bao giờ ?

2. Đền Ăng-co Vát có kiến trúc độc đáo ra sao ?

3. Khi mặt trời lặn, cảnh ngôi đền (*những ngọn tháp, những thềm đá*) có vẻ đẹp như thế nào ?

* Học thuộc lòng : "Toàn bộ ... ngách đá".

1/ Nước Cam-pu-chia có từ thế kỉ XII bị bỏ quên hàng trăm năm đã được sửa chữa lại để khách du lịch đến

Sông gì mà có chín rồng
Sông gì lấp lánh chiến công đời Trần ?

(Đố là tên những con sông nào ?)

Chú giải

– **Ấp** : ủ ấm bằng hơi ấm của thân thể mình (như gà ấp trứng, mẹ ấp con).

– **Đầu** : (trong bài) điểm tận cùng của sợi dây hoặc cái sào, cái que.

– **Rồng** : chữ Hán là *long* – như "long" trong cụm từ "kinh đô Thăng Long", "vịnh Hạ Long".

Hướng dẫn đọc

Đọc riêng từng câu đố để tiện giảng giải.

Tìm hiểu bài

1. Đọc rõ các câu đố hai, ba lần.

2. Suy nghĩ kĩ về những đặc điểm của đồ vật, con vật hoặc cây cối... được nêu ra trong câu đố để giải đáp từng phần rồi tổng hợp lại thành câu trả lời chung.

Ví dụ : Câu đố 1

– Cây này đứng, leo hay bò ?

– Củ của nó giống cái gì ? Nhiều hay ít ?

– Vậy nó là cây gì ?

3. Sông ở nước ta thường có tên gọi bằng chữ Hán. Ở câu đố số 4 :

– *Xanh* chữ Hán là *Lam*.

– *Đỏ* chữ Hán là *Hồng*.

– *Rồng* chữ Hán là *Long*.

Từ sự đối chiếu đó, ta có thể suy ra tên gọi các con sông trong câu đố này.

thuongmaitr

TIẾT 60

TỤC NGỮ VỀ THỜI TIẾT

1. Nhiều sao thì nắng, vắng sao thì mưa.
2. Quạ tắm thì ráo, sáo tắm thì mưa.
3. Thâm đông, hồng tây, dựng may
   Ai ơi đợi đến ba ngày hãy đi.
4. Tháng bảy heo may
   Chuồn chuồn bay thì bão.
5. Cơn đằng đông, vừa trông vừa chạy,
   Cơn đằng nam, vừa làm vừa chơi.
6. Gió bắc hiu hiu, sếu kêu trời rét.
7. Bao giờ cho đến tháng ba,
   Hoa gạo rụng xuống, bà già cất chăn.

Chú giải

tuongxua.vn

- *Ráo* : khô.
- *Thâm đông* : phía đông trời u ám.
- *Dựng may* : gió heo may bắt đầu thổi.
- *Heo may* : gió hơi lạnh và khô, thổi về mùa thu.

Hướng dẫn đọc

Đọc rõ các từ cùng vần với nhau trong các câu tục ngữ trên.

Tìm hiểu bài

bầu trời vắng sao

1. Khi trời sắp mưa, cảnh vật thiên nhiên có gì đặc biệt ?

chim sáo tắm

Ngoài những nhận xét nêu ở câu 1 và 2, em còn biết những câu tục ngữ nào dự đoán về mưa nữa không ?

2. Câu tục ngữ 3 đúc kết kinh nghiệm về thời tiết của nhân dân miền nào ? Họ làm nghề gì ?

dự báo có bão đó là kinh nghiệm về thời tiết của nhân dân miền Duyên Hải, họ làm nghề đánh cá bão to đối với nghề này rất tai hại

Chủ đề NHÂN DÂN

TIẾT 39

TRÊN ĐƯỜNG CHIẾN DỊCH

Bộ đội lặng lẽ đi trong bóng chiều loang lổ một vài ánh hoàng hôn. Khói và bụi bám vào những cành bị đốt và những lá bị thiêu co quắp, rũ rượi. Cảnh vật càng mờ mờ. Trên mấy nhà sàn buồn tênh, ba bốn bà ké nhìn ra, nhớ những ngày vui các đồng chí đóng tại nhà mình. Các em bé giơ ngón tay nhỏ xíu chỉ trỏ. Giữa tiếng sắt của vó lừa ngựa, tiếng súng lách cách, bộ đội tiến quân không nói nửa lời. Trời tối hẳn. Hai bên đường, hết lớp này đến lớp nọ, đoàn dân công đi phục vụ, dừng lại nép sau những gậy cao tua tủa, sừng sững như những cột dây thép trông xa sít lại. Hôm sau, pháo binh hồi hộp chờ dân công. Dân công đã đến. Toàn là anh em Tày tuổi trên dưới bốn mươi. Dăm chị phụ nữ thẹn thò. Một anh nói :

- Các chị, các anh đi với pháo binh thì vất vả lắm đấy !

Các anh không nói gì. Các chị mỉm cười. Một chị cười rũ.

- Các chị cười gì chúng tôi thế ?

- Không biết tiếng Kinh đâu !

Chị úp mặt vào lưng bạn mà cười.

NGUYỄN HUY TƯỞNG
Trích "Kí sự Cao Lạng"

Chú giải

– *Chiến dịch :* chỉ các trận đánh diễn ra trên một chiến trường, trong một thời gian theo kế hoạch và nhằm mục đích nhất định.

– *Loang lổ* : có nhiều vết màu khác nhau.

– *Rũ rượi* : rối bù và xõa xuống. Ý trong bài : lá quăn, héo rũ xuống.

– *Bà ké* : bà già người dân tộc ít người ở Việt Bắc.

Hướng dẫn đọc

– Phát âm rõ : *loang lổ, co quắp, rũ rượi.*

– Đọc các câu dài : "Trên mấy nhà sàn... tại nhà mình" ; "Giữa tiếng sắt của vó lừa ngựa... không nói nửa lời" ; "Hai bên đường... sít lại" ; cần nghỉ hơi đúng chỗ ở các dấu phẩy.

Tìm hiểu bài

1. Bộ đội lên đường hành quân vào lúc nào ? Tại sao các anh lại hành quân vào thời điểm đó ?

2. Câu văn nào nói lên tình cảm của các bà ké đối với anh bộ đội ?

3. Cảnh bộ đội và dân công đi chiến dịch được miêu tả bằng những chi tiết nào ?

truongxua.vn

TIẾT 40

NHỮNG BÔNG HOA TÍM

Cồn cát cao trên kia là chỗ cô Mai nằm nghỉ. Những cây dương đang độ lớn vây quanh mộ cô. Hôm trước mẹ dắt Nhi ra thăm mộ, mẹ đọc hàng chữ đỏ khắc trên bia :

"Nguyễn Thị Mai, dân quân, hi sinh ngày 10-10-1968". Mẹ không nói gì cả. Nhi cảm thấy bàn tay mẹ siết chặt lấy bàn tay nhỏ bé của Nhi. Ngày ấy, mẹ cùng cô Mai ở chung tiểu đội dân quân. Đêm nào mẹ cũng đi tuần trên bãi.

3. Câu tục ngữ 5 cho biết khi nào thì mưa đến gấp ? Khi nào thì mưa đến chậm ?

4. Vì sao câu tục ngữ 7 lại nói đến bà già mà không nói người khác ?

* Học thuộc lòng cả bài.

TIẾT 61

MỘT NGÀY Ở ĐÊ BA

Sáng sớm, sương phủ dày như nước biển. Đỉnh Đê Ba nổi lên như một hòn đảo. Sương tan dần. Các chóp núi lần lượt hiện lên. Sương lượn lờ dưới các chân núi như những dải lụa. Cả thung lũng như một bức tranh thủy mạc. Làng mới định cư bừng lên trong nắng sớm. Những sinh hoạt đầu tiên của một ngày bắt đầu. Thanh niên ra rừng gỡ bẫy gà, bẫy chim. Phụ nữ quây quần giặt giũ bên những giếng nước mới đào. Em nhỏ đùa vui trước nhà sàn. Các cụ già trong làng chụm đầu bên những ché rượu cần. Các bà, các chị sửa soạn khung cửi dệt vải.

Buổi trưa, trời xanh ngắt, cao vòi vọi. Nắng to nhưng không gay gắt. Gió từ đồng bằng miền biển thổi lên mát mẻ, dễ chịu. Buổi trưa trong làng thường vắng. Đồng bào đi làm ruộng, làm rẫy tập thể đến chiều mới về.

Rừng chiều Đê Ba nổi lên sừng sững. Nắng nhạt dần làm sáng lên những cụm bông lau trong gió. Trên những bắp ngô, mớ râu non trắng như cước... Sương lam nhẹ bò trên các sườn núi. Mặt trời gác bóng, những tia nắng hắt lên các vòm cây...

thuongmaitr

Buổi tối ở làng thật vui. Lớp thanh niên ca hát, nhảy múa. Tiếng chiêng, tiếng cồng, tiếng đàn tơ-rưng dìu dặt vang lên.

ĐÌNH TRUNG

Chú giải

– *Đê Ba :* tên một làng ở Tây Nguyên.

– *Định cư :* ở lại hẳn một chỗ để làm ăn sinh sống, không di chuyển khi nơi này khi nơi khác.

– *Tranh thủy mạc :* tranh vẽ bằng mực tàu (màu đen), không dùng các màu khác. Ý trong bài : một bức tranh đơn sơ mà đẹp.

Hướng dẫn đọc

Giọng đọc nhẹ nhàng thể hiện tình yêu cảnh vật thiên nhiên của đất nước.

tuongxua.vn

Tìm hiểu bài

1. Em hãy nêu những hình ảnh miêu tả cảnh buổi sáng ở Đê Ba (cảnh sương phủ, sương tan, làng mới bừng lên trong nắng...).

2. Buổi trưa, buổi chiều cảnh vật thiên nhiên ở Đê Ba có những thay đổi gì ?

3. Cuộc sống của đồng bào miền núi ở những làng định cư vui vẻ như thế nào ?

TIẾT 62

TIẾNG ĐÀN BA-LA-LAI-CA TRÊN SÔNG ĐÀ

(Trích)

Trên sông Đà
Một đêm trăng chơi vơi

Những người già trong làng kể lại rằng : chiều nào, cô Mai cũng ra cồn cát đó với một khẩu súng trường. Và trên nền cát trắng tinh, nơi ngực cô Mai tì xuống đón đường bay của giặc, mọc lên những bông hoa tím. Ngày chiếc máy bay bốc cháy đâm đầu xuống biển cũng là ngày cô Mai hi sinh... Những bông hoa ấy vừa nở, mùi thơm bay về tận làng làm nôn nao cả lòng người những buổi chiều như chiều nay.

Lũ trẻ ngồi im nghe các cụ già kể chuyện. Hôm sau chúng rủ nhau ra cồn cát cao tìm những bông hoa ấy. Lúc về, tay đứa nào cũng đầy một nắm hoa. Nhi gọi mẹ ríu rít :

– Mẹ ơi, những cồn cát cao sau làng, chỗ nào cô Mai cũng tì ngực xuống để bắn máy bay. Con thấy toàn hoa là hoa !

TRẦN NHẬT THU

thuongmaitr

Chú giải

– *Dương :* cây phi lao.

– *Dân quân :* lực lượng vũ trang địa phương, không thoát li sản xuất, được tổ chức ở nông thôn để bảo vệ làng xóm.

– *Hi sinh :* chết vì lí tưởng cao đẹp.

– *Tiểu đội :* đơn vị nhỏ nhất của quân đội.

Hướng dẫn đọc

– Phát âm rõ phụ âm *n* trong *nôn nao*, phụ âm *s* trong *siết chặt tay* (khác *nước chảy xiết*).

– Đọc với giọng kể chuyện nhỏ nhẹ đoạn : "Những người già... như chiều nay".

Tìm hiểu bài

**1. Vì sao khi đến thăm mộ cô Mai, mẹ của Nhi lại "siết chặt lấy bàn tay nhỏ bé của Nhi" mà không nói gì ?

2. Cô Mai đã tham gia chiến đấu và hi sinh như thế nào ?

3. Vì sao mùi thơm của hoa tím nở trên những cồn cát sau làng làm nôn nao lòng người ?

* Học thuộc lòng đoạn : "Những người già... những buổi chiều như chiều nay".

TIẾT 41

MẸ

(Trích)

Con bị thương, nằm lại một mùa mưa
Nhớ dáng mẹ ân cần mà lặng lẽ
Nhà yên ắng. Tiếng chân đi rất nhẹ
Gió từng hồi trên mái lá ùa qua.

Nhớ vườn cây che bóng kín sau nhà
Trái chín rụng suốt mùa thu lộp độp
Những dãy bưởi sai, những hàng khế ngọt
Nhãn đầu mùa chim đến bói lao xao...

Con xót lòng, mẹ hái trái bưởi đào
Con nhạt miệng có canh tôm nấu khế
Khoai nướng, ngô bung ngọt lòng đến thế
Mỗi ban mai tỏa khói ấm trong nhà.

BẰNG VIỆT

truongxua.vn

Chú giải

– *Yên ắng* : cũng có nghĩa như *yên lặng, yên tĩnh.*

– *Bói* : cây mới ra quả mùa đầu tiên (cam mới *bói*). Ở đây, "chim đến bói" ý nói : chim đến tìm ăn quả đầu mùa.

Tôi đã nghe tiếng Ba-la-lai-ca
Một cô gái Nga mái tóc màu hạt dẻ
Ngón tay đan trên những sợi dây đồng.

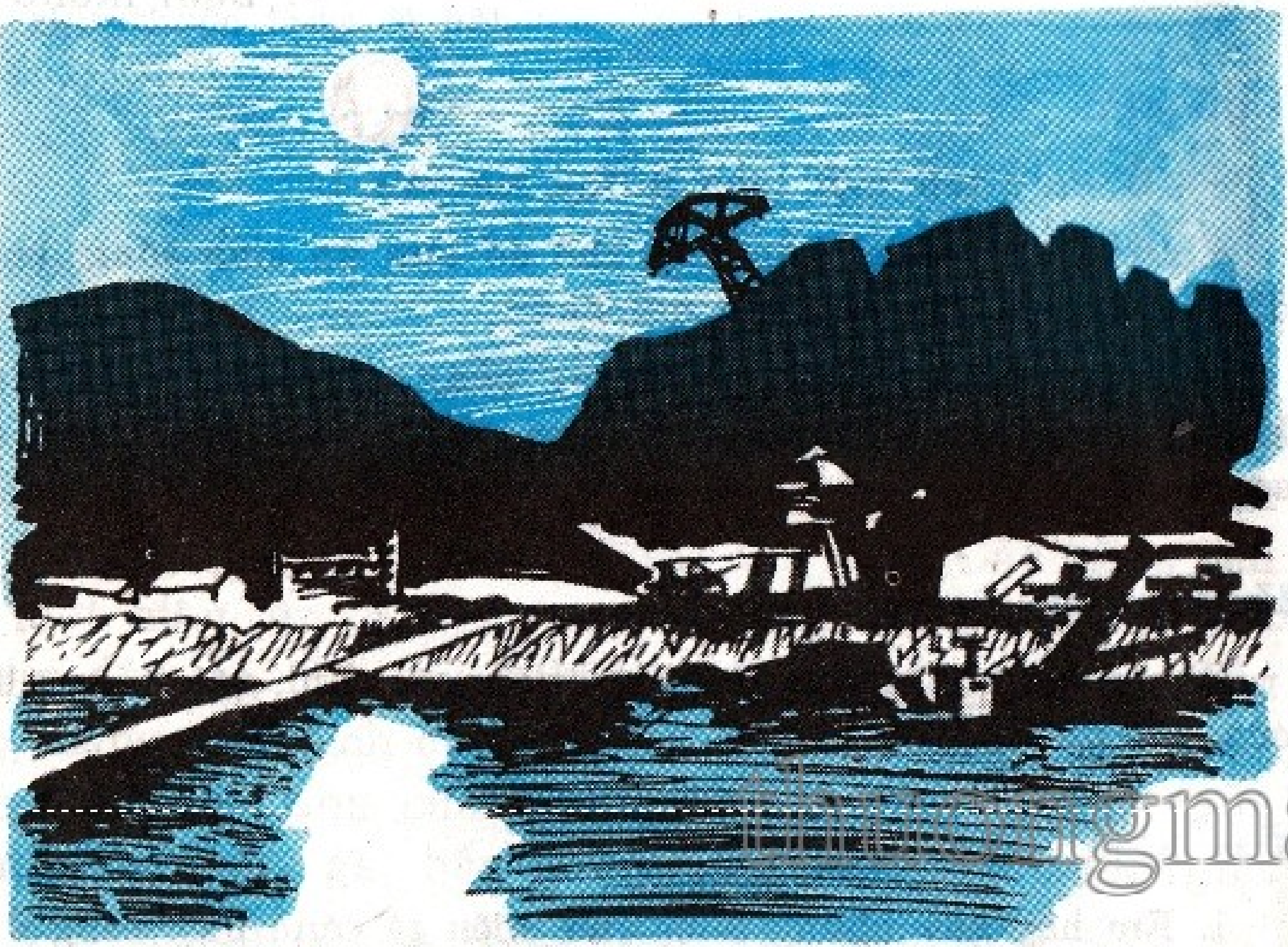

Lúc ấy
Cả công trường say ngủ cạnh dòng sông
Những tháp khoan nhô lên trời ngẫm nghĩ
Những xe ủi, xe ben sóng vai nhau nằm nghỉ
Chỉ còn tiếng đàn ngân nga
Với một dòng trăng lấp loáng sông Đà.
Ngày mai
Chiếc đập lớn nối liền hai khối núi
Biển sẽ nằm bỡ ngỡ giữa cao nguyên
Sông Đà chia ánh sáng đi muôn ngả
Từ công trình thủy điện lớn đầu tiên.

QUANG HUY

Chú giải

– *Đàn Ba-la-lai-ca :* tên một loại đàn của dân tộc Nga.

– *Sông Đà :* con sông chảy qua tỉnh Hòa Bình. Trên sông này, tại khu vực thị xã Hòa Bình các chuyên gia Liên Xô (trước đây) đã giúp ta xây dựng một công trình thủy điện lớn.

Hướng dẫn đọc

– Toàn bài đọc với giọng nhẹ nhàng, tươi vui.

– Chú ý ngắt hơi sau những dòng thơ ngắn (2, 3 tiếng) xen kẽ với những dòng thơ dài :

Trên sông Đà
Một đêm trăng chơi vơi ...
Lúc ấy
Cả công trường say ngủ cạnh dòng sông ...
Ngày mai
Chiếc đập lớn nối liền hai khối núi ...

ruongxua.vn

Tìm hiểu bài

1. Cảnh công trường thủy điện sông Đà yên lặng trong đêm trăng được miêu tả bằng những chi tiết nào ?

2. Những câu thơ nào miêu tả cô gái Nga và tiếng đàn của cô quyện trong cảnh trăng nước sông Đà ?

3. Trong cảnh đẹp ấy, nhà thơ hình dung thấy sự thay đổi của sông Đà như thế nào ?

* Học thuộc lòng đoạn thơ.

Thể thái độ của bà mẹ ân cần và lặng lẽ nhà yên ắng tiếng chân đi rất nhẹ

Hướng dẫn đọc

Bài thơ diễn tả niềm xúc động của anh thương binh khi nhớ lại hình ảnh bà mẹ chiến sĩ đã chăm sóc anh ; nên đọc với giọng nhẹ nhàng, thong thả. Chú ý ngắt nhịp đúng các câu :

Nhà yên ắng / Tiếng chân đi rất nhẹ (3/5)
Những dãy bưởi sai / những hàng khế ngọt (4/4)
Khoai nướng / ngô bung / ngọt lòng đến thế (2/2/4)

Tìm hiểu bài

1. Anh thương binh nhớ những gì ở ngôi nhà của bà mẹ chiến sĩ ?

2. Khu vườn của bà mẹ có những nét gì đặc biệt ?

3. Bà mẹ chiến sĩ đã chăm sóc anh như thế nào ? Những từ xưng hô nào thể hiện lòng kính mến bà mẹ của anh ?

* Học thuộc lòng đoạn thơ.

TIẾT 42

thuongmaitr

BẮT GIẶC LÁI MĨ

Một cái phản lực kéo đuôi khói cực dài. Nó dính đạn rồi định chuồn ra biển. Từ cái máy bay đang sa, cái dù bật ra nhỏ như tóp chanh.

Cái dù to dần. Nó bằng cái vung nồi, bằng cái mẹt. Thằng giặc lái lợi dụng chiều gió, muốn tháo ra biển đây. Bắt giặc lái làng nước ôi !

Dân quân chạy đầy đường, đủ thứ vũ khí : đinh ba, dao phát, cuốc, súng... tất cả đều hoa lên với những tiếng gào thét dữ dội. Hai cái F4 cứ vòng sát chung quanh thằng giặc lái y hệt hai con quạ bị mổ mất ổ trứng. Kệ. Mày cứ gầm, cứ rú. Chúng ông nhất định không bỏ mồi.

Chiếc dù bay bay đỏ sẫm màu máu chó. Đã trông rõ cả hình thằng người cong cong như con nhện độc cựa quậy, giãy giụa giữa những sợi tơ loang loáng. Nó bay chênh chếch, tưởng như chỉ vài khúc sào tre là chọc tới được. Trông thế mà vẫn cao hàng trăm mét.

– Nhanh chân lên anh chị em ơi ! Nó ra biển mất.

Dân quân Hải Vinh từ mọi xóm đổ ra, vẫn chạy thục mạng như cái cảnh cả làng đi đập chó dại.

CHU VĂN
Trích "Đất mặn"

Chú giải

– *Đang sa :* đang rơi xuống.

– *Tóp chanh :* miếng chanh đã vắt hết nước, quắt lại.

– *Đinh ba :* vũ khí bằng sắt, đầu có ba mũi nhọn.

– *Dù :* phương tiện khi xòe ra giống cái ô lớn, lợi dụng sức cản của không khí để làm chậm tốc độ rơi của người hay vật từ trên cao xuống.

uongxua.vn

Hướng dẫn đọc

– Đọc rõ các từ : *cựa quậy, giãy giụa.*

– Giọng đọc vui, hào hứng.

Tìm hiểu bài

1. Cái dù của tên giặc lái Mĩ rơi từ trên cao xuống được miêu tả bằng những hình ảnh nào ?

**2. Nhà văn tả tên giặc lái Mĩ từ dù rơi xuống "như con nhện độc cựa quậy, giãy giụa giữa những sợi tơ loang loáng". Cách tả ấy nói lên điều gì ?

3. Cảnh dân quân đi bắt giặc lái Mĩ khẩn trương, sôi nổi ra sao ?

* Ôn lại các bài học thuộc lòng ở Tiết 36, 38, 40, 41.

TIẾT 63

TỤC NGỮ VỀ ĐẠO ĐỨC CỦA NHÂN DÂN TA

1. Uống nước nhớ nguồn.
2. Chim có tổ, người có tông.
3. Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.
4. Cái nết đánh chết cái đẹp.
5. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.
6. Đói cho sạch, rách cho thơm.
7. Chết trong còn hơn sống đục.
8. Thương người như thể thương thân.
9. Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.

Chú giải

– *Nguồn* : nơi dòng suối, dòng sông bắt đầu.

– *Tông* : họ hàng (tổ tông : ông cha của họ nhà mình).

– *Sóng cả* : sóng lớn.

– *Nết* : thái độ, cách nói năng, cử chỉ tốt đã thành thói quen.

– *Chết trong* : ý nói chết trong sạch, chết mà giữ được tiếng tốt.

– *Tàu* : chuồng nuôi ngựa. Ý trong bài : những con ngựa trong cùng một đàn.

thuongmaitr

Hướng dẫn đọc

Chú ý ngắt các vế đối trong từng câu tục ngữ.

Tìm hiểu bài

1. Câu tục ngữ 1, 2 ý nói gì ?
2. Câu tục ngữ thứ 3 khuyên em điều gì ?
3. Các câu 4, 5, 6, 7 đề cao những đức tính nào của con người ?
4. Các câu 8, 9 khuyên em điều gì ?

TIẾT 64

PHONG CẢNH PÁC BÓ

... Thấm thoắt đã một năm trời xa Tổ quốc, đặt chân lên dải đất quê hương, lòng chúng tôi chẳng khỏi bồi hồi. Mỗi bước đi thấy trong người ấm áp hơn lên. Chỉ vừa mới đi thêm mấy bước chân, mà trước đó thì hãy như còn ở rất xa, lúc này lại thấy như đã ở gần nhà.

Vùng này, núi đất xen với núi đá, địa thế hiểm trở – những chùm nhà nhỏ của đồng bào Nùng nằm thưa thớt giữa những nương ngô trên sườn núi hay bên những thửa ruộng nhỏ dưới thung lũng – sương trắng từng dải đọng trên các đầu núi. Khung cảnh Pác Bó hiện ra trước mắt như một bức tranh thủy mạc.

Chúng tôi vừa đi vừa ngắm núi non, đất nước. Chẳng bao xa, tôi đã nhận ra Bác đang ngồi trên một phiến đá. Sau bao năm xa nước, hoạt động từ Đông sang Tây, Bác đã trở về góc rừng hoang vắng này của Tổ quốc với bộ quần áo chàm giản dị, rất tự nhiên trong vai một ông già người Nùng. Gần chỗ Bác ngồi, dưới chân những khối nhũ đá nhấp nhô, hình thù kì dị, nước từ khe núi chảy ra đọng lại trong vắt.

Bác trỏ dòng nước rồi nói :

– Đây là suối Lê-nin.

Trèo qua một quả núi đá không cao lắm, lách người đi hết một đám lau rậm thấy hiện ra một cửa hang. Trong hang ẩm lạnh không có đồ đạc gì ngoài chiếc sàn nằm làm bằng những cành cây nhỏ gác ngang gác dọc.

VÕ NGUYÊN GIÁP

Trích "Từ Pác Bó đến Tân Trào"

(Hữu Mai ghi)

uongxua.vn

TIẾT 43

THỢ RÈN

(Trích)

thuongmaitr

Giữa trăm nghề, làm nghề thợ rèn
Ngồi xuống nhọ lưng, quệt ngang nhọ mũi
Suốt tám giờ chân than mặt bụi
Giữa trăm nghề, chọn nghề thợ rèn.

Làm thợ rèn mùa hè có nực
Quai một trận nước tu ừng ực.
Hai vai trần bóng nhẫy mồ hôi
Cũng có khi thấy thở qua tai.

Làm thợ rèn vui như diễn kịch
Râu bằng than mọc lên bằng thích
Nghịch ở đây già trẻ như nhau
Nên nụ cười nào có tắt đâu.

KHÁNH NGUYÊN

31/ Đó là một nghề khỏe vui có ích cho xã hội

Chú giải

– *Tu :* uống nhiều liền một mạch bằng cách ngậm trực tiếp vào miệng chai hay vòi ấm mà hút.

– *Quai búa :* vung búa lên cao rồi giáng mạnh xuống.

Hướng dẫn đọc

Trong bài có nhiều ý hóm hỉnh, vui ; cần đọc nhấn giọng ở một số từ ngữ để làm rõ sắc thái đó :

Ngồi xuống *nhọ lưng*, quệt ngang *nhọ mũi*
Quai một trận nước *tu ừng ực*
Hai vai trần *bóng nhẫy* mồ hôi
Cũng có khi thấy *thở qua tai*.

Tìm hiểu bài

1. Những dòng thơ nào thể hiện sự vất vả của nghề thợ rèn ?
2. Tác giả tả nghề thợ rèn một cách hóm hỉnh, vui nhộn. Những chi tiết nào nói lên điều đó ?

truongxua.vn

3. Nghề thợ rèn vất vả nhưng rất đáng yêu. Tại sao ?
4. Tìm một số từ hai tiếng trong đó có tiếng *nhọ*.

TIẾT 44

NGHỆ NHÂN BÁT TRÀNG

Em cầm bút vẽ lên tay
Đất cao lanh bỗng nở đầy sắc hoa :
Cánh cò bay lả bay la
Lũy tre đầu xóm, cây đa giữa đồng.
Con đò lá trúc qua sông
Trái mơ tròn trĩnh, quả bòng đung đưa...
Bút nghiêng, lất phất hạt mưa
Bút chao, gợn nước Tây Hồ lăn tăn.

Chú giải

Pác Bó : tên một hang núi ở huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, sát biên giới Việt – Trung ; nơi Bác Hồ sống và làm việc khi mới từ nước ngoài trở về (2–1941).

Hướng dẫn đọc

Đọc thong thả, giọng nhẹ nhàng thể hiện tình yêu phong cảnh đất nước, tình yêu lãnh tụ.

Tìm hiểu bài

1. Trở về Tổ quốc "đặt chân lên dải đất quê hương", tác giả đã có những cảm xúc gì ? Nêu những từ ngữ nói lên cảm xúc đó.

**2. Tác giả viết : "Khung cảnh Pác Bó hiện ra trước mắt như một bức tranh thủy mạc". Em hãy cho biết bức tranh thủy mạc đó vẽ lên những gì ?

3. Tìm những chi tiết thể hiện cuộc sống rất mực giản dị của Bác Hồ khi ở Pác Bó.

thuongmaitr

TIẾT 65

VIỆT BẮC

(Trích)

Ta đi, ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi
Thương nhau, chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng.
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô
Nhớ sao lớp học i tờ
Rừng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan.

Nhớ sao ngày tháng cơ quan
Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo.
Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều
Chày đêm nện cối đều đều suối xa...

TỐ HỮU

Chú giải

– *Ta – mình :* từ xưng hô biểu lộ tình cảm gắn bó giữa tác giả với đồng bào Việt Bắc.

– *Sắn lùi :* sắn nướng trong tro nóng.

– *Chăn sui :* chăn làm bằng vỏ cây sui đập giập và trải rộng ra để đắp (sui là một loại cây to, cùng họ với cây dâu).

– *Địu :* mang trẻ sau lưng trong một mảnh vải có quai đeo.

– *Tiếng mõ rừng :* tiếng mõ đeo ở cổ trâu, bò thả trong rừng.

uongxua.vn

Hướng dẫn đọc

Toàn bài đọc thong thả, êm nhẹ thể hiện tình cảm lưu luyến giữa người đi với kẻ ở.

Tìm hiểu bài

1. Trong đoạn thơ này, tác giả nhớ lại những kỉ niệm gì, trong thời gian nào, ở đâu ?

2. Câu thơ nào nói lên tình đoàn kết thương yêu nhau giữa người cán bộ kháng chiến và nhân dân Việt Bắc trong những năm kháng chiến gian khổ ?

3. Trong gian khổ, cuộc sống ở chiến khu Việt Bắc vẫn vui vẻ, sôi nổi như thế nào ?

* Học thuộc lòng đoạn thơ.

Hài hòa đường nét hoa văn
Dáng em, dáng của nghệ nhân Bát Tràng.

HỒ MINH HÀ
Trích "Nét vẽ... màu men"

Chú giải

– *Bát Tràng* : xã thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội có nghề gốm nổi tiếng.

– *Cao lanh* : loại đất sét trắng, dùng làm đồ sứ.

– *Nghệ nhân* : người chuyên làm nghề thủ công, mĩ nghệ có tay nghề cao.

– *Con đò lá trúc* : con đò dài, hẹp bề ngang, như hình lá trúc.

– *Hoa văn* : hình vẽ trang trí được thể hiện trên các đồ gốm, đồ đồng ; hình chạm khắc trên đá, gỗ, v.v...

– *Quả bòng* : cùng họ với quả bưởi.

Hướng dẫn đọc

Ngắt đúng nhịp các câu thơ :

Cánh cò / bay lả / bay la (2/2/2)
Lũy tre đầu xóm / cây đa giữa đồng. (4/4)

Bút nghiêng / lất phất hạt mưa (2/4)
Bút chao / gợn nước Tây Hồ lăn tăn. (2/6)

Tìm hiểu bài

1. Người nghệ nhân đã vẽ những hình gì lên "đất cao lanh" ?
2. Em hiểu câu thơ sau đây như thế nào ?

Bút nghiêng, lất phất hạt mưa
Bút chao, gợn nước Tây Hồ lăn tăn.

3. Hai câu thơ cuối bài khen ngợi ai, khen về điều gì ?

* Học thuộc lòng bài thơ.

thuongmaitr

TIẾT 45

NGƯỜI THỢ LẶN

Thịnh lần ra mép phao, bước xuống cái thang gỗ. Đội trưởng Tiến ra hiệu cho quay máy hô hấp rồi chụp cái mũ đồng to bằng cái nồi sứa gánh nước lên đầu Thịnh. Máy quay rè rè. Ban đầu Thịnh cảm thấy hơi tưng tức ở ngực nhưng chỉ một lúc sau, anh đã thở đều đều qua cái ống cao su dài bò loằng ngoằng trên bờ và dưới nước. Đôi chân chì nặng chình chịch kéo dần anh xuống mỗi lúc một sâu. Nước từ xanh đến trắng đục lờ mờ rồi tối sầm hẳn lại. Bên tai anh, tiếng hiệu thính viên chốc chốc lại hỏi :

- Thịnh ơi ! Tới nơi chưa ? Tới nơi chưa ?

- Sắp tới rồi. Dưới này tối như bưng ấy !

Hai chân đã đụng phải cái dầm cầu bị đánh gục xuống lòng sông ngổn ngang sắt thép. Anh thận trọng bước từng bước ngắn, hai tay sờ soạng, xác định vị trí từng khoang, từng dầm sắt. Những con hà bám vào sắt gỉ lởm chởm như gai mít và sắc như dao. Qua một lần găng tay, tay sờ vẫn thấy ráp.

Giữa hàng vạn khối nước di động, Thịnh đếm, Thịnh đo, Thịnh nhẩm tính và ghi lại tất cả bằng trí nhớ của mình để chuẩn bị cho đội bạn kích cầu lên.

VŨ THANH SƠN
Trích "Sông Đáy"

Chú giải

– *Thợ lặn :* người chuyên làm nghề lặn sâu dưới nước để làm một việc gì đó.

– *Máy hô hấp :* (ý trong bài) máy giúp cho người thợ lặn thở được dễ dàng.

TIẾT 66

VÀO HÈ

Ai xui con cuốc gọi vào hè
Cái nóng nung người, nóng nóng ghê
Ngõ trước, vườn sau um những cỏ
Vàng phai, thắm nhạt, ngán cho huê
Đầu cành kiếm bạn, oanh xao xác
Trong tối đua bay, đóm lập lòe.
May được nồm nam cơn gió thổi
Đàn ta ta gẩy khúc Nam nghe.

DƯƠNG BÁ TRẠC

Chú giải

– *Cuốc :* chim nhỏ, hơi giống gà, lông màu nâu xám hay sống ở các bụi bờ gần nước, về mùa hè hay kêu "cuốc, cuốc !".

– *Vàng phai, thắm nhạt, ngán cho huê* : (*huê :* hoa) buồn cho hoa mùa hè do nắng nhiều nên không còn tươi thắm như hoa mùa xuân nữa.

– *Oanh :* loài chim mình nhỏ bằng con sáo, lông vàng, hót hay.

– *Khúc Nam :* Nam ai, Nam bằng (hai điệu ca Huế). Ý trong bài : khúc nhạc của người nước Nam (Việt Nam).

Hướng dẫn đọc

Bài này thuộc thể thơ 8 câu, mỗi câu 7 tiếng. Câu thơ thường ngắt nhịp 4/3. Các câu : *3* và *4, 5* và *6,* đối xứng nhau cả ý lẫn lời. Khi đọc, cần chú ý các đặc điểm đó.

Tìm hiểu bài

1. Hai câu thơ đầu nêu đặc điểm gì của thời tiết mùa hè ?

2. Cảnh thiên nhiên mùa hè qua bài thơ có những nét gì đặc biệt ?

3. Hai câu thơ cuối bài cho biết thái độ của tác giả ra sao ?

* Học thuộc lòng bài thơ.

thái độ thanh thản của tác giả trước cảnh vào hè

thuongmaitr

TỪ NGỮ

TIẾT 18

KHÍ HẬU - THỜI TIẾT

I - Từ ngữ

– khí hậu, thời tiết, nắng, mưa, gió, bão, bầu trời

– chói chang, u ám ; nóng nực, rét mướt, ấm áp, mát mẻ, hanh, nồm ; tạnh, ngớt, rả rích ; dự báo, trở, chuyển, biến đổi.

– như thiêu như đốt, cắt da cắt thịt.

II - Luyện tập

A - Trả lời câu hỏi

uongxua.vn

1. *Khí hậu* là một từ ghép gốc Hán chỉ tình trạng nóng, lạnh, mưa, gió... ở một nước, hoặc một miền. Em hãy tìm một từ ghép gốc Hán khác (ở mục I) chỉ tình trạng khí hậu của từng vùng trong một thời gian ngắn.

2. *Bão* khác với *gió* như thế nào ? Tìm một từ ghép trong đó có tiếng *bão* và gần nghĩa với *bão*.

3. Tìm một từ láy (ở mục I) chỉ ánh nắng chói quá làm cho người ta nhìn lâu bị lóa mắt. Tìm một từ khác (cũng ở mục I) trái nghĩa với từ đó.

4. Tiết trời như thế nào gọi là *hanh* ? Tiết trời như thế nào gọi là *nồm* ?

B - Điền từ

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I để điền vào chỗ trống trong bài sau đây :

– *Nồi sứa:* nồi to, miệng rộng, làm bằng đất nung để đựng nước, đựng sứa.

– *Hiệu thính viên:* người làm nghề nghe và phát tín hiệu vô tuyến điện. Ý trong bài : người theo dõi và truyền đạt, chỉ dẫn hoạt động của người thợ lặn qua máy vô tuyến điện.

– *Hà:* thứ sò ở nước (mặn) sống thành mảng, bám vào đá, vào mạn thuyền...

– *Kích:* nâng vật nặng lên cao từng ít một bằng dụng cụ, bằng tay hoặc bằng máy.

Hướng dẫn đọc

– Phát âm đúng các vần :

oang : sờ soạng, khoang thuyền

oăng : loằng ngoằng

inh, ich : chỉnh chịch

– Ngắt câu đúng :

"Giữa hàng vạn khối nước di động / Thịnh đếm / Thịnh đo / Thịnh nhẩm tính...".

thuongmaitr

Tìm hiểu bài

1. Anh Thịnh lặn xuống sông để làm gì ?
2. Việc lặn xuống sông sâu vất vả như thế nào ?
3. Giữa đống sắt thép ngổn ngang của cái cầu bị đánh gục xuống lòng sông, anh Thịnh đã làm việc ra sao ?

TIẾT 46

CHIẾC XE LU

Tớ là chiếc xe lu
Người tớ to lù lù
Con đường nào mới đắp

Tớ san bằng tăm tắp
Con đường nào rải nhựa
Tớ là phẳng như lụa
Trời nóng như lửa thiêu
Tớ vẫn lăn đều đều
Trời lạnh như ướp đá
Tớ càng lăn vội vã.
Mau chóng xong đường này
Cho các bạn trồng cây
Xe cộ bon bon chạy
Rộn rịp người qua lại.
Rồi tớ lại ra đi
Cái bụng sôi ầm ì
Ngửi thấy mùi đất mới
Quãng đường xa đang đợi...
Tớ là chiếc xe lu
Đừng chê tớ lù đù.

truongxua.vn

TRẦN NGUYÊN ĐÀO

Chú giải

– *Xe lu* : xe lăn đường.

– *Lù lù* : hiện ra ngay trước mặt, chiếm khoảng không gian lớn che khuất tầm mắt (khác *lù đù* : chậm chạp, nặng nề).

Hướng dẫn đọc

Toàn bài đọc với giọng vui của xe lu tự kể về mình :

"Tớ là chiếc xe lu
Người tớ to lù lù" ...

"Rồi tớ lại ra đi
Cái bụng sôi ầm ì" ...

KHÍ HẬU CỦA NƯỚC TA

Đất nước ta trải dài từ bắc xuống nam nên... nước ta cũng mang nhiều màu vẻ khác nhau.

Ở miền Bắc, thời tiết bốn mùa luôn luôn biến đổi. Có những ngày hè ..., trời nắng... Lại có những ngày đông..., mưa phùn gió bấc như... Nhưng cũng có những ngày xuân... với nắng xuân tươi vui, và những ngày thu... hiu hiu gió thổi. Trái lại, ở miền Nam, thời tiết rất ít thay đổi : quanh năm... xanh thẳm với ánh nắng..., tiết trời hanh khô, đêm khuya mát lạnh.

Q.T

Tìm những *từ chỉ đặc điểm* khí hậu của từng mùa ở nước ta để điền vào chỗ trống trong chú thích dưới các tranh vẽ (H.1, H.2, H.3, H.4) ở các trang sau.

C – Luyện từ

1. Tìm một số từ ghép (*danh từ*) có tiếng "mưa" ghép với một tiếng khác để chỉ các kiểu mưa khác nhau (ví dụ : mưa phùn).

*2. Tìm một số từ có thể đi với từ "mưa" để làm *vị ngữ* (ví dụ : mưa *rơi*). Đặt câu với mỗi từ đó.

**3. Tìm từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong những câu tục ngữ sau đây :

– Nhiều... thì nắng, vắng... thì mưa.

– ... quầng thì hạn,... tán thì mưa.

Em hiểu ý nghĩa hai câu tục ngữ trên như thế nào ? Hãy giải thích ngắn gọn.

thuongmaitr

H.1 – *Mùa xuân...*

ruongxua.vn

H.2 – *Mùa hạ...*

Tìm hiểu bài

1. Em hãy tìm trong bài những câu thơ miêu tả hình dáng của chiếc xe lu.

2. Xe lu làm những công việc gì ? Ở đâu ?

3. Qua hình ảnh chiếc xe lu, tác giả muốn ca ngợi ai ? Ca ngợi những ưu điểm gì ?

Học thuộc lòng đoạn : "Tớ là chiếc xe lu ... Rộn rịp người qua lại".

TIẾT 47

ĐI LÀM NƯƠNG

Ở làng người Thái và làng người Xá, đến mùa đi làm nương thì trên sàn, dưới đất mọi nhà đều vắng tanh. Cả làng đều đi làm nương ; nương xa, nhiều khi lên tận ngọn suối.

Con ngựa đeo tất cả đồ đạc và nông cụ trên lưng - có khi nó còn thồ thêm một chú bé ngồi vắt vẻo bên cạnh một cái nồi to. Mấy con chó thì lon ton, loăng quăng, lúc chạy trước, lúc chạy sau.

Trên nương, mỗi người một việc, người lớn thì đánh trâu ra cày. Các cụ già nhặt cỏ, đốt lá. Mấy chú bé đi tìm chỗ ven suối để bắc bếp thổi cơm. Chẳng mấy chốc, khói bếp đã um lên. Các bà mẹ cúi lom khom tra ngô. Được mẹ địu ấm, có khi em bé vẫn ngủ khì trên lưng mẹ. Lũ chó nhung nhăng chạy sủa om cả rừng.

Những khi đi làm nương xa, chiều không về kịp, mọi người ngủ lại trong lều. Sương xuống mù mịt lạnh buốt, những bữa cơm tối, các gia đình quây quần ấm áp quanh đống củi lớn đương bùng bùng cháy.

TÔ HOÀI

Chú giải

– *Nương :* thửa đất trồng trọt ở đồi núi (nương rẫy).

– *Sàn :* ván, tre ghép lại với nhau để làm mặt nền của nhà sàn.

Nhà ở của đồng bào miền núi thường là nhà sàn (trên có sàn bằng gỗ hay tre cho người ở, dưới để trống hoặc chứa nông cụ).

– *Thồ :* chuyên chở trên lưng súc vật hoặc trên xe đạp do người đẩy.

Hướng dẫn đọc

Đọc thong thả với giọng vừa kể vừa miêu tả.

Tìm hiểu bài

1. Cảnh người dân miền núi đi làm nương được tác giả miêu tả bằng những chi tiết nào ?

2. Trên nương, mỗi người trong gia đình phải làm những việc gì ?

truongxua.vn

3. Theo em, với cách làm ăn như thế, người dân lao động miền núi có thể trở nên giàu có, sung sướng được không ? Vì sao ?

TIẾT 48

BÀI CA VỠ ĐẤT

(Trích)

Chúng ta đoàn áo vải
Sống cuộc đời rừng núi bấy nay
Đồng xanh ta thiếu đất cày
Nghe rừng lắm đất lên đây với rừng.
Tháng ngày ta góp sức chung
Vun từng luống đất cuốc từng gốc cây.

H.3 – *Mùa thu...*

H.4 – *Mùa đông...*

TIẾT 19

ÔN TẬP

1. Tìm những từ gợi tả hình dáng, màu sắc, âm thanh, và những từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau đây :

"Chợt một hôm, da trời trở... Mây chăng... Thỉnh thoảng... vài hạt mưa thưa. Mưa... hạt dần. Gió heo may bắt đầu thổi đẩy những đám mây... nước về phía Trường Sơn. Mưa... đổ. Sông Thu Bồn nước xanh... trở đục ngầu, đôi bờ rộng dần ra. Rác rều kết thành bè trôi nhanh hơn ngựa... Nước lụt chảy vào hói, ... lên các bãi dâu".

(Võ Quảng)

2. Tìm một số từ ghép (là *danh từ*) trong đó có tiếng "gió" để chỉ các loại gió khác nhau ở nước ta (ví dụ : gió chướng).

truongxua.vn

– Tìm những tiếng có thể đứng sau tiếng "gió" để làm vị ngữ trong câu.

****3.** Tìm những từ thích hợp để điền vào chỗ trống của một số quán ngữ và tục ngữ nói về thời tiết sau đây :

– ... to ... lớn

– ... bể ... nguồn

– ... táp ... sa

– ... giây ... giật

– ... thuận ... hòa

– ... đông nhay nháy, gà gáy thì...

Đường xa ta tới đây
Trên đồi cây khát nắng
Giữa hai dòng suối vắng
Đoàn ta vui cấy cày.
Bàn tay lao động
Ta gieo sự sống
Trên tầng đất khô ;
Bàn tay cần cù
Cho dù nắng cháy
Khoai trồng thắm rẫy
Lúa cấy xanh rừng ;
Hết khoai ta lại gieo vừng
Không cho đất nghỉ không ngừng tay ta.

Bàn tay ta làm nên tất cả
Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.

HOÀNG TRUNG THÔNG

thuongmaitr

Chú giải

Bài thơ được tác giả sáng tác trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Thời kì này có những đơn vị bộ đội chuyên cày cấy, trồng trọt, khai hoang ở miền núi.

Hướng dẫn đọc

Chú ý nhịp thơ dồn dập trong đoạn : "Bàn tay lao động... không ngừng tay ta".

Tìm hiểu bài

1. Vì sao anh bộ đội phải lên rừng vỡ hoang trồng lúa, khoai...?
2. Cảnh lao động ở đây được tác giả miêu tả như thế nào ?
3. Hai câu thơ cuối bài ý nói gì ?

* Học thuộc lòng đoạn thơ.

TIẾT 49

truongxua.vn

MIỀN TÂY GẶT LÚA

Những con chim pít báo hiệu mùa màng từ miền xa lại bay về. Ngoài nương rẫy, lúa đã chín vàng rực. Ở đây, mùa hái hạt bao giờ cũng trúng vào tháng mười, mười một, những ngày tháng vui vẻ nhất trong năm, và mỗi năm hạt lúa chỉ đậu trên tay người ta có một lần : tháng hai phát rẫy, tháng tư thì đốt, hạt lúa tra dưới những cái lỗ tròn đen sì chất màu mỡ của tro than. Tháng chín, tháng mười, chim pít đã rủ nhau bay về từng đàn, tiếng hót ríu rít cứ xoáy tròn trong nắng mai và gió rét căm căm.

Mỗi buổi sớm các cô gái đi ra nương, gấu váy cũng như hai ống tay áo dính đầy cỏ may và ướt đẫm sương.

QUÂN ĐỘI

I – Từ ngữ

– quân chủng, lục quân, hải quân, không quân

– binh chủng, bộ binh, pháo binh, công binh, phòng không, đại bác, xe tăng, cao xạ, tên lửa, máy bay ; trận địa, chiến trường.

– hành quân, chiến đấu, tấn công, xung phong, phòng ngự, tiêu diệt.

– dũng cảm, gan dạ, quyết chiến quyết thắng.

H.1

II – Luyện tập

A – Trả lời câu hỏi

1. Bộ phận quân đội có nhiệm vụ hoạt động trên vùng biển gọi như thế nào ? Bộ phận quân đội có nhiệm vụ hoạt động

trên không gọi là gì ? Bộ phận quân đội có nhiệm vụ hoạt động trên đất liền gọi là gì ? Bộ phận quân đội có nhiệm vụ hoạt động ở một vùng nhất định gọi chung là gì ?

2. Trang phục của bộ đội được gọi là gì ?

Vũ khí của bộ đội được gọi là gì ?

Ngành y tế trong quân đội gọi là gì ?

Huy hiệu tiêu biểu của quân đội gọi là gì ?

Cờ chính thức của quân đội gọi là gì ?

Trên trang phục của bộ đội có gắn *quân hàm* nhằm mục đích gì ?

3. Bộ đội phòng không chuyên làm nhiệm vụ gì, bằng những vũ khí nào ? (Dựa vào mục I ở trên và *xem* H.3, H.4 để trả lời)

4. Em hiểu bộ đội *hành quân* nghĩa là thế nào ? (*Xem* H.1).

truongxua.vn

H.2

Các cô đi chung quanh từng gốc cây bị đốt chỉ còn trơ lớp than đen, bàn tay thoăn thoắt cắt từng bông lúa nặng trĩu hạt lắt lẻo trên cái thân rạ khô xác. Lúa cắt bằng dao hoặc thanh nứa cật rất sắc, được chất vào gùi đeo trên lưng, đem về xếp đầy bốn góc chòi. Chiếc bàn đập lúa làm bằng một thân cây gỗ đã bóc hết vỏ. Người già, trẻ con, đông nhất là trai gái trong bản xúm lại mỗi đêm đập lúa ở từng chòi canh của từng nhà. Những bông lúa tróc hết hạt được nhả ra khỏi răng chiếc kẹp làm bằng hai thanh gỗ. Bó rơm được tung lên cao về phía sau rơi xuống giữa những đống lửa cháy bập bùng hai bên góc chòi...

NGUYỄN MINH CHÂU
Trích "Dấu chân người lính"

Chú giải

Miền Tây : vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh phía tây ; trong bài này chỉ các vùng dọc theo dãy Trường Sơn.

thuongmaitr

Hướng dẫn đọc

Đọc nhấn mạnh những từ ngữ miêu tả cảnh vật : *chim pít báo hiệu mùa màng* từ miền xa lại bay về ; *lúa đã chín vàng rực* ; *tiếng hót ríu rít* cứ xoáy tròn trong *nắng mai và gió rét căm căm*.

Tìm hiểu bài

1. Đồng bào miền Tây phát rẫy, gieo hạt, gặt lúa vào những thời điểm nào trong năm ?

2. Cảnh các cô gái lên nương gặt lúa được miêu tả bằng những từ ngữ, hình ảnh nào ?

3. Em hãy kể lại cách đập lúa của đồng bào miền Tây.

TIẾT 50

ĐI CẤY

Người ta đi cấy lấy công
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.
Trông trời, trông đất, trông mây
Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm.
Trông cho chân cứng đá mềm
Trời êm bể lặng mới yên tấm lòng.

(Ca dao cổ)

Chú giải

– *Trông* : hướng cặp mắt về một phía nào đó, nhận biết bằng mắt. Trong bài này *trông* có nghĩa là *nhìn* để đoán thời tiết ; *trông* còn có nghĩa là *mong mỏi*, ước ao (*trông mong, trông chờ*).

– *Chân cứng đá mềm* : thành ngữ. Ý trong bài : mạnh khỏe.

– *Trời êm bể lặng* : thành ngữ chỉ mưa nắng thuận hòa.

uongxua.vn

Hướng dẫn đọc

Đọc đúng nhịp 2 / 2 / 2 :

Trông trời / trông đất / trông mây /
Trông mưa / trông nắng / trông ngày / trông đêm /

Tìm hiểu bài

1. Ở đây có hai người đi cấy, một người đi cấy thuê, một người đi cấy ruộng của mình. Em có thể biết điều đó qua những câu thơ nào ?

2. Vì sao người nông dân lại phải "trông trời, trông đất, trông mây, ... trông đêm" ?

3. Bài ca dao có mấy từ "trông" ? Từ "trông" được nhắc lại nhiều lần như vậy có ý nghĩa gì ?

* Học thuộc lòng cả bài.

H.3

thuongmaitr

H.4

B – Điền từ

Tìm từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau:

ĐÁNH CHIẾM QUẬN LỊ THƯỢNG ĐỨC

5 giờ 30 phút ngày 7 tháng 8 năm 1974, trung đoàn 66 mở đợt... cuối cùng đánh chiếm quận lị Thượng Đức.

Hỏa lực của... bắn chi viện cho tiểu đoàn 8 tiếp tục mở cửa. Quả... nổ cuốn theo lớp hàng rào cuối cùng. Trung đội trưởng Chu Ngọc Oanh dẫn... lao lên. Bọn địch hốt hoảng chui vào... ngầm bắn ra như điên như dại. Từ một lô cốt ở địa thế cao bất thần xuất hiện một khẩu... nhằm đúng hướng của ta nhả đạn. Bộ đội không... lên được. Oanh đã bị thương khi qua..., nhưng anh quyết định lao lên bịt lỗ... của địch. Lợi dụng... có lợi, anh tiếp cận hỏa điểm, ném lựu đạn rồi vụt đứng dậy dùng bao cát bịt chặt lấy họng... địch. Tiếp theo là tiếng Oanh hô vang lên : "Xung phong !". Bộ đội ta xông lên. Địch hoàn toàn bị...

(Từ ngữ cần điền : *tổng tiến công, bộc phá, sư đoàn, lô cốt, trung đội, đại liên, vượt, châu mai, cửa mở, địa hình, súng, tiêu diệt*).

truongxua.vn

C – Luyện từ

Chọn và sắp xếp các từ ngữ sau đây thành từng nhóm từ gần nghĩa : *trận địa, nã, dữ dội, đánh trả, sào huyệt, xông lên, dũng cảm, chống cự, phóng, chiến trường, ác liệt, hang ổ, tiến lên, gan dạ.*

TIẾT 21

QUÂN ĐỘI

(Tiếp theo)

1. Trong quân đội, người ta còn lập ra các *binh chủng*, tức là những đơn vị được tổ chức, trang bị và có nhiệm vụ chiến

đấu theo ngành chuyên môn (ví dụ : binh chủng *công binh*). Hãy kể tên một vài binh chủng mà em biết.

2. Trong quân đội, bộ đội thường dùng những vũ khí nào ?

3. "Chiến" là tiếng gốc Hán có nghĩa là : đánh nhau bằng vũ khí và có đông người tham gia. Em hãy tìm một số từ ghép trong đó có tiếng "chiến" (chú ý : *chiến* có thể đứng trước hoặc đứng sau).

4. Đặt câu với mỗi từ ngữ sau đây để nói về hoạt động của các chiến sĩ trong quân đội : *hành quân, chiến đấu, tấn công, xung phong, tiêu diệt.*

(Chú ý : Nên đặt câu dưới hình thức kể chuyện chiến đấu của bộ đội ta)

TIẾT 22

CÔNG NGHIỆP NẶNG

thuongmaitr

I – Từ ngữ

– gang, thép, than đá, điện, máy móc, công cụ ; ngành năng lượng, công nghiệp luyện kim, công nghiệp cơ khí (chế tạo máy móc), kĩ sư, công nhân, nhà máy.

– đúc, luyện, khai thác, chế tạo, sản xuất, cung cấp, trang bị.

– sản xuất, dây chuyền.

II – Luyện tập

1. Công nghiệp luyện kim là ngành công nghiệp chế biến *quặng* (thứ đất đá có chứa kim loại) thành các *kim loại*.

– Em hãy kể một vài thứ kim loại mà em biết.

**– Kể tên một vài nơi có cơ sở luyện kim ở nước ta hiện nay.

3/ Tính chất cứng rắng-bền vững của gang và thép

Nhà máy luyện gang thép

truongxua.vn

2. Người ta dùng kim loại nào để luyện thành *thép* ? *Thép* và *gang* cần cho công nghiệp như thế nào ? Nói "có ý chí *gang thép*" là muốn so sánh ý chí với tính chất gì của gang thép ?

3. *Công cụ* và *dụng cụ* có nghĩa gần giống nhau và khác nhau như thế nào ?

4. Trong các cách dùng từ ngữ sau đây :

– *chế biến* nguyên liệu cho công nghiệp

– *chế biến* thành các sản phẩm có giá trị cao

– *sản xuất* công nghiệp

– *sản xuất* ra của cải vật chất

Em hiểu nghĩa của các từ *chế biến, sản xuất* như thế nào ?

5. Lựa chọn các từ *trang bị, thiết bị, cung cấp* để điền vào chỗ trống trong các câu sau đây cho hợp nghĩa :

... của các nhà máy cơ khí ở nước ta đang được hiện đại hóa từng bước.

Các nhà máy cơ khí ở nước ta đang được đổi mới ... để phát triển sản xuất.

Muốn phát triển sản xuất, cần phải... đầy đủ cho các nhà máy những máy móc, dụng cụ, phụ tùng, nguyên liệu và kĩ thuật cần thiết.

TIẾT 23

CÔNG NGHIỆP NẶNG

(Tiếp theo)

1. Em hãy cho biết :

a) Ngành *công nghiệp nhẹ* có nhiệm vụ sản xuất ra những sản phẩm gì ?

b) Ngành *công nghiệp nặng* có nhiệm vụ sản xuất ra những sản phẩm gì ?

2. Em hãy kể tên một số ngành, nghề chuyên môn của công nhân và kĩ sư thuộc ngành công nghiệp nặng (ví dụ : *công nhân cơ khí, kĩ sư luyện kim*, v.v...).

3. Đặt câu với mỗi từ sau đây :

công cụ, sản xuất, chế tạo.

4. Điền từ (dùng các từ *than, máy móc, thép, điện, gang)* :

a) Đúc ...

Luyện ...

Khai thác ...

Sản xuất ...

Chế tạo ...

b) Nhanh như...

Cứng như...

Đen như...

**5. Em hiểu "sản xuất dây chuyền" là sản xuất như thế nào ? "Sản xuất hàng loạt" nghĩa là thế nào ? "Sản xuất tự động hóa" là sản xuất như thế nào ?

TIẾT 24

VIỆC ĐỒNG ÁNG

I – Từ ngữ

– đồng ruộng, nương rẫy, mùa màng, lúa má, hoa màu ; nông cụ cải tiến, máy kéo, máy cày, máy bừa, máy bơm nước.

– cày bừa, gieo mạ, cấy lúa, làm cỏ, bỏ phân, tát nước, gặt hái.

– cần cù, vất vả.

– chân cứng đá mềm.

II – Luyện tập

uongxua.vn

A – Trả lời câu hỏi

1. Từ *nương rẫy* khác nghĩa từ *đồng ruộng* như thế nào ?

2. Sau vụ thu hoạch, một bác nông dân nói : "*Mùa màng* năm nay khá hơn năm ngoái". Trong câu nói đó, em hiểu *mùa màng* nghĩa là gì ?

3. *Lúa má* và *hoa màu* khác nghĩa nhau như thế nào ? Kể một vài thứ hoa màu mà em biết.

4. *Nông cụ* là đồ dùng để làm gì ? Thế nào là *nông cụ cải tiến* ?

**5. Nói về việc làm ăn của người nông dân, người ta thường dùng thành ngữ "chân lấm tay bùn". Em hãy cho biết thành ngữ ấy ý nói gì ?

B – Điền từ

Tìm từ ngữ ở mục I và một vài từ ngữ thích hợp khác để điền vào chỗ trống trong bài sau đây :

CÔNG VIỆC NHÀ NÔNG

Nông dân ta vốn có truyền thống... lao động, quanh năm quần quật với việc... việc..., hết... lại đến..., vụ nọ tiếp vụ kia không ngừng không nghỉ.

Thoạt tiên là việc... làm đất. Ruộng cạn còn khá, gặp vùng ruộng sâu mới thật là... Cùng với việc cày bừa, còn phải lo việc chọn giống, ngâm giống để... cho kịp thời vụ. Hội thi... thường mở vào dịp đầu xuân. Trai gái trong làng, trong bản sôi nổi đua tài để giành danh hiệu "kiện tướng cấy giỏi".

Lúa bén rễ rồi, lại lo đến khâu... và... , ra sức chăm bón cho lúa tốt. Khi lúa chín rộ thì bắt tay vào việc... Xóm làng bỗng trở nên rộn rã khác thường,... như ngày hội. Cho đến lúc... thu hoạch xong xuôi, bà con mới thật yên lòng.

Đ.Q

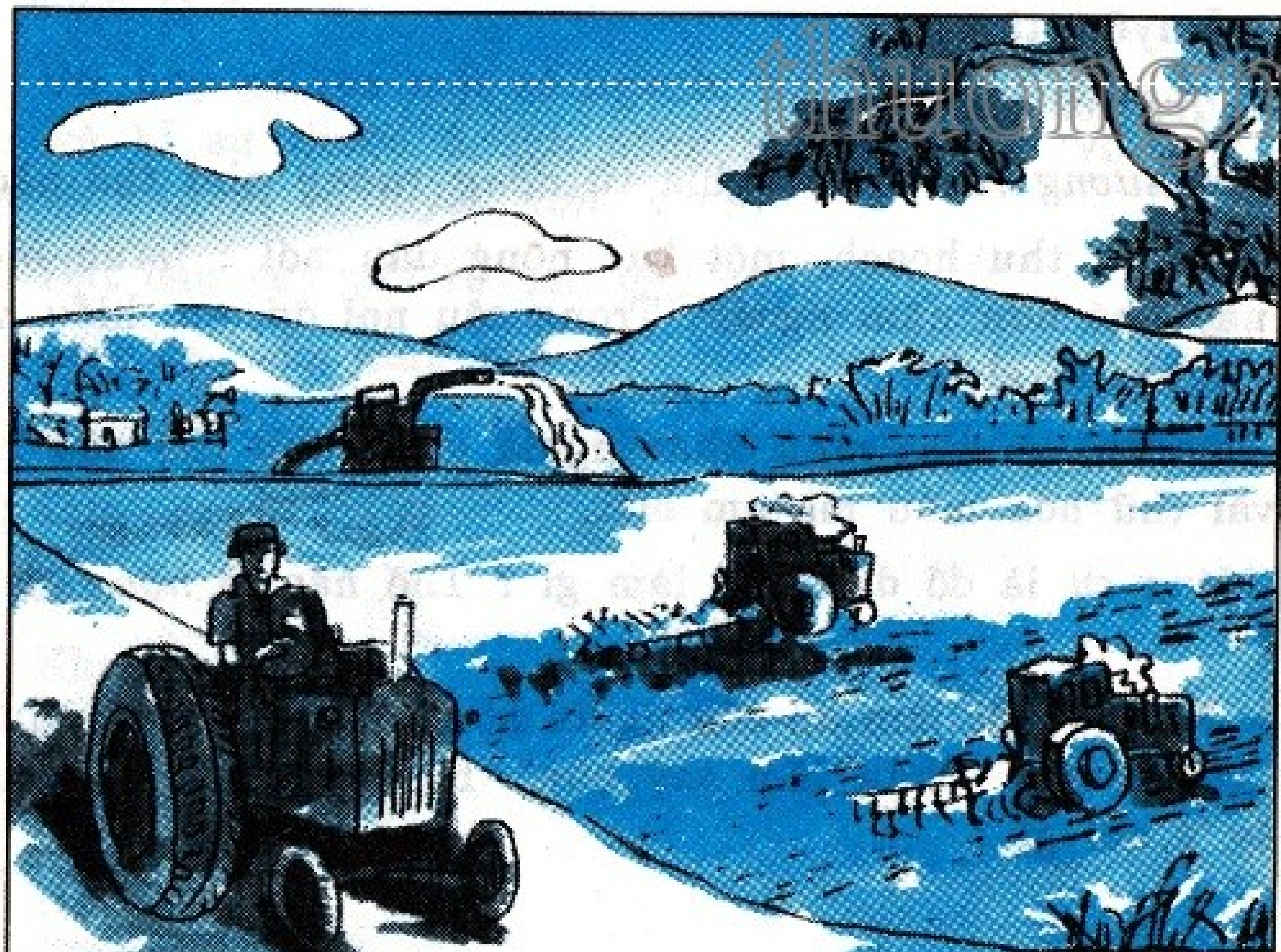

Làm ruộng bằng máy

– Tìm từ và điền vào chỗ trống trong câu sau cho đủ nghĩa (theo tranh) :

Trên đường, chú công nhân đang lái một chiếc...

Dưới ruộng, hai chiếc... đang làm đất.

Xa xa là một chiếc... đang bơm nước lên ruộng.

TIẾT 25

VIỆC ĐỒNG ÁNG

(Tiếp theo)

1. *Đồng, ruộng, nương, rẫy* là những từ đơn gần nghĩa *(danh từ)*. Em hãy đặt câu với mỗi từ đó.

Hãy ghép *đồng, ruộng, nương, rẫy* thành một số *từ ghép*.

2. *Cày, bừa, cuốc, xới* là những từ đơn. Em hãy đặt câu với mỗi từ đó.

uongxua.vn

Hãy ghép *cày, bừa, cuốc, xới* thành một số *từ ghép*.

**3. Làm việc như thế nào là *cần cù* ? Em hãy tìm một số *từ ghép* khác có tiếng "cần" (*cần* = siêng năng, chăm chỉ ; *cần* có thể đứng trước hoặc đứng sau).

4. Đọc lại đoạn thơ rồi điền những từ còn thiếu vào chỗ trống các dòng :

Đồng xanh ta thiếu ...
Nghe rừng lắm ... lên đây với rừng
Tháng ngày ta góp sức chung
... từng ..., ... từng gốc cây.

Đường xa ta tới đây
Trên đồi cây khát nắng
Giữa hai dòng suối vắng
Đoàn ta vui ...

(Hoàng Trung Thông)

TIẾT 26

ÔN TẬP

1. Đặt câu với mỗi từ sau đây (nội dung các câu kể về một trận chiến đấu của quân đội ta) :

bộ binh, xe tăng, tấn công, xung phong, gan dạ, ác liệt.

2. Đặt câu với mỗi từ sau đây để nói về hoạt động của một nhà máy :

máy móc, kĩ sư, công nhân, chế tạo, cung cấp, sản xuất.

3. Tìm từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong các *thành ngữ* (đã học) sau đây :

- Cày... cuốc...
- Chân... tay...
- Hai... một...
- Chân... đá...

** Đặt câu với mỗi thành ngữ trên để nói về công việc cày cấy của người nông dân.

thuongmaitr

TIẾT 27

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

I – Từ ngữ

– nhà khoa học, nhà bác học, phòng thí nghiệm, thư viện, phát minh, khoa học, kĩ thuật sản xuất, năng suất lao động, tài năng, anh hùng lao động.

– uyên bác, nổi tiếng, vĩ đại, khiêm tốn, nhẫn nại.

– học hỏi, nghiên cứu, sáng tạo, cống hiến.

II – Luyện tập

A – Trả lời câu hỏi

1. *Nhà khoa học* là người làm công việc gì ?

Thí nghiệm khoa học

2. Vấn đề mới được phát hiện ra để cống hiến cho khoa học và loài người gọi là *phát minh khoa học*. Em hãy nêu ví dụ về một phát minh khoa học nổi tiếng trên thế giới hoặc trong nước mà em biết (có thể tìm ví dụ trong một số truyện kể hoặc bài tập đọc đã học).

ruongxua.vn

3. *Kĩ thuật sản xuất* là phương pháp, cách thức sản xuất ra một sản phẩm gì đó (như : lúa, gạo, vải vóc, xe đạp, giấy viết v.v...) phục vụ cho đời sống của con người. Em hãy nêu một ví dụ về kĩ thuật sản xuất bằng tay (sản xuất *thủ công*) và một ví dụ về kĩ thuật sản xuất bằng máy móc (sản xuất *công nghiệp*) mà em biết.

4. Tìm một từ ghép (mục I) chỉ kết quả thực tế đạt được của một công việc lao động trong một thời gian nhất định.

**5. *Uyên bác* nghĩa là có kiến thức rộng (*bác*) và sâu *(uyên)*. Em hãy đặt một câu với từ đó.

6. Tìm một từ cùng nghĩa hoặc gần nghĩa với *cống hiến*.

B – Điền từ

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I để điền vào chỗ trống trong bài sau đây :

NHÀ BÁC HỌC

Nhà bác học thường là một nhà khoa học..., có... xuất sắc, có... to lớn vào việc xây dựng một ngành khoa học cho Tổ quốc hoặc cho nhân loại. Chúng ta đã từng được biết đến nhiều nhà... lừng danh trên thế giới như : Páp-lốp (Nga), Đác-uyn (Anh), Ê-đi-xơn (Mĩ), Pa-xtơ (Pháp), v.v... (*) Ở nước ta, tiến sĩ nông học Lương Định Của, các giáo sư bác sĩ Tôn Thất Tùng, Trần Hữu Tước, v.v... cũng là những... nổi tiếng.

Nhà bác học thường tiến hành việc nghiên cứu của mình ở..., trong... và cả ở trong thực tế muôn hình muôn vẻ. Những kết quả... của họ thường đem đến cho xã hội những... lớn lao, góp phần không ngừng đổi mới... của xã hội và nâng cao... – lao động chân tay cũng như lao động trí óc – của con người lên một cách kì diệu.

Các nhà bác học lớn còn là những con người rất mực..., cần cù, ..., không ngừng... và luôn luôn... vì hạnh phúc của loài người.

"Bác học không có nghĩa là ngừng học". Đó là câu nói ... của Đác-uyn, một trong những nhà bác học... nhất của nhân loại.

Q.L

TIẾT 28

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

(Tiếp theo)

1. Em hãy nêu một số từ chỉ các *chuyên ngành* khoa học (ví dụ : toán học, sử học...) và ghép thêm tiếng "nhà" để tạo thành từ chỉ người nghiên cứu khoa học chuyên ngành (ví dụ : *nhà toán học...*).

2. *Thí nghiệm* là làm thử (*thí*) xem có đúng không (*nghiệm*), nghĩa là làm thử để xem có đạt được kết quả đúng như dự

(*) Xem *Truyện đọc 2, Tiếng Việt 3, tập một.*

thuongmaitr

kiến của nhà khoa học không. Tìm một số từ ghép có tiếng *nghiệm* cùng nghĩa.

3. Tìm một số *động từ* chỉ công việc của một nhà khoa học. Đặt câu với mỗi từ đó (*dựa vào bài kì trước*).

4. Làm việc như thế nào là *nhẫn nại* ? Tìm một số từ cùng nghĩa hoặc gần nghĩa với *nhẫn nại*.

**5. *Bác học, bác bỏ, chú bác, đại bác* ... em hãy nói xem tiếng "bác" trong các từ ghép đó có nghĩa khác nhau như thế nào ?

TIẾT 29

HỘI HÈ - VĂN NGHỆ

I – Từ ngữ

– hội hè, liên hoan văn nghệ, hội đua thuyền, hội đua voi, hội đấu vật ; chiêng, trống, khèn, sáo, đàn.

truongxua.vn

H.1

– mở hội, ca hát, nhảy múa, biểu diễn nhạc cụ, đấu võ dân tộc.

– tưng bừng, hào hứng, du dương, réo rắt, ngân nga, phơi phới.

II – Luyện tập

A – Trả lời câu hỏi

1. *Hội hè* là những cuộc vui được tổ chức trong cả nước hoặc ở một địa phương. Em hãy kể tên một vài cuộc vui chung trong cả nước hoặc ở một vài địa phương mà em biết.

2. *Liên hoan* là cuộc vui chung được tổ chức trong một tập thể nhỏ hoặc có đông đảo người tham dự. Căn cứ vào đó, em hiểu *liên hoan văn nghệ* nghĩa là gì ?

3. Xem H.1, em cho biết các *từ* :

– chỉ người trực tiếp đấu vật với người khác.

– chỉ một hiệp đấu vật.

– địa điểm (sân bãi) diễn ra trận đấu vật.

– nơi đào tạo những người đấu vật.

4. Tên các nhạc cụ trong H.2 là gì ?

5. Những người sử dụng và biểu diễn nhạc cụ được gọi như thế nào ?

6. Những người được gọi là *nhạc sĩ* làm công việc gì ?

B – Điền từ

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I để điền vào chỗ trống trong bài sau đây :

HỘI VUI XUÂN

Hằng năm đất nước vào xuân, nhân dân ta ở khắp mọi miền cũng ... mở hội mừng xuân.

Tùy theo tục lệ từng miền, nhiều hình thức... vui chơi phong phú, độc đáo đã diễn ra sôi nổi... Nơi thì mở... đua ngựa ; nơi thì tổ chức... đấu cờ tướng ; có nơi lại... thi nấu cỗ, thi làm bánh, hoặc thi hát xướng, ngâm thơ, v.v...

thuongmaitr

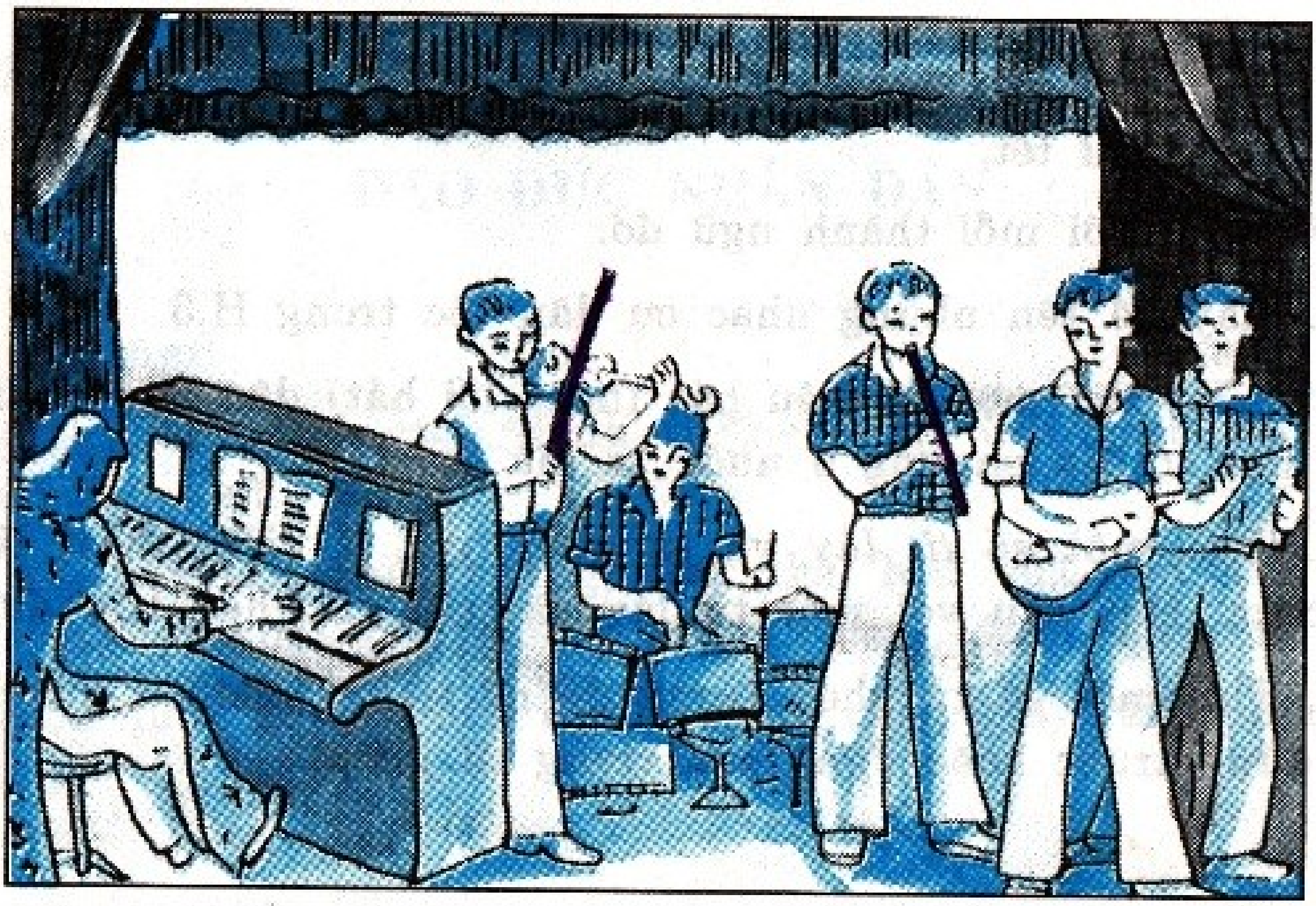

H.2

Vui hơn cả vẫn là những hình thức... quần chúng với nhiều tiết mục... dân gian và... dân tộc rất hấp dẫn, thu hút đông đảo già trẻ, trai gái trong xóm ngoài làng tham gia.

uongxua.vn

Q.T

C – Luyện từ

Tìm một số từ ghép trong đó có tiếng "hát".

** Đặt câu với mỗi từ đó ("hát" có thể đứng trước hoặc đứng sau trong từ ghép).

TIẾT 30

HỘI HÈ - VĂN NGHỆ

(Tiếp theo)

1. Tìm một tính từ thích hợp để cùng điền được vào các chỗ trống trong hai thành ngữ sau đây :

– Vui như hội.

– Vui như tết.

Đặt câu với mỗi thành ngữ đó.

2. Hãy kể tên những nhạc cụ dân tộc trong H.3.

**3. Kể tên một số điệu hát (hoặc lối hát) dân ca nổi tiếng của một số địa phương ở nước ta mà em biết.

4. Tìm một số *từ láy* và *từ ghép* gợi tả tiếng hát, tiếng nhạc cụ. Đặt câu với một từ láy và một từ ghép tìm được.

5. Tìm một số từ ghép trong đó có tiếng "nhạc" ("nhạc" có thể đứng trước hoặc đứng sau trong từ ghép).

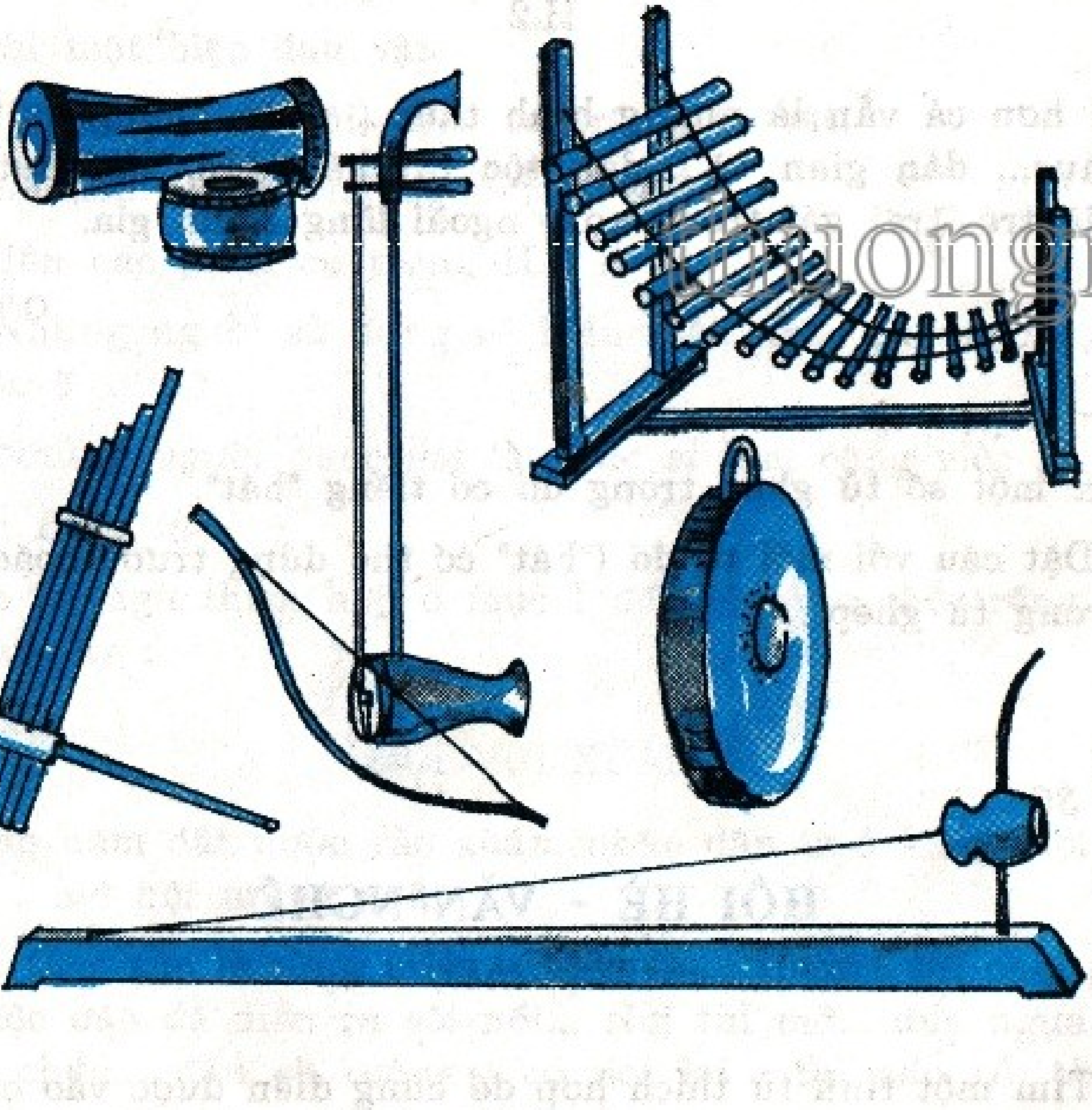

H.3

thuongmaitr

TIẾT 31

ĐẠO ĐỨC NHÂN DÂN

I – Từ ngữ

– đạo đức, phẩm cách, danh dự, nếp sống văn minh, đạo đức xã hội chủ nghĩa.

– nhân nghĩa, thủy chung, thật thà, hòa nhã, nết na, hiếu thảo ; nghèo khổ, giàu sang ; ăn ở, cư xử, đoàn kết.

– yêu nước thương nòi, như môi với răng, giấy rách phải giữ lấy lề.

II – Luyện tập

A – *Trả lời câu hỏi*

1. *Đạo đức* là những phép tắc thông thường do xã hội đặt ra, quy định cách cư xử giữa người này với người khác và giữa từng người với xã hội. Em hãy nêu một vài ví dụ về quy tắc đạo đức của con cái trong *gia đình* và của học sinh ở *nhà trường*.

2. *Phẩm cách* là tư cách tốt hay xấu của từng người trong đời sống. Em hãy đặt một câu với từ đó.

3. *Danh dự* là phần tốt đẹp chân chính trong phẩm cách, đạo đức của một con người, cái mà người đó có quyền tự hào và mọi người có nhiệm vụ phải tôn trọng. Căn cứ vào đó, hãy giải thích thế nào là "bảo vệ danh dự" của một người ?

4. *Nếp sống văn minh* hay *nếp sống văn hóa* là cách sống đã thành thói quen của những con người có văn hóa, phù hợp với một xã hội văn minh. Em hãy nêu một vài ví dụ về "nếp sống văn minh" của học sinh trong nhà trường và ở nơi công cộng.

5. *Nhân nghĩa* là có lòng thương người (*nhân*) và biết cư xử theo lẽ phải (*nghĩa*). Kẻ ăn ở *bất nhân, bất nghĩa* là người như thế nào ?

B – *Điền từ*

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I để điền vào chỗ trống trong bài sau đây :

GIẤY RÁCH PHẢI GIỮ LẤY LỀ

Nhân dân Việt Nam ta luôn luôn có ý thức giữ gìn, bảo vệ truyền thống ... tốt đẹp của ông cha từ xưa để lại. Tục ngữ Việt Nam đã có câu "..."

Người Việt Nam biết trọng ..., biết giữ gìn ... trong sạch : "*Đói cho sạch, rách cho thơm*". Dù ..., họ cũng không thay lòng đổi dạ ; cảnh ... không thể cám dỗ được họ ; kẻ thù tàn bạo cũng không khuất phục nổi họ.

Đối với Tổ quốc và đồng bào, người Việt Nam có lòng ... thắm thiết như câu ca dao từ ngàn xưa còn truyền lại :

Nhiễu điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng.

thuongmaitr

TIẾT 32

ĐẠO ĐỨC NHÂN DÂN

(Tiếp theo)

1. Tìm từ thích hợp để điền vào chỗ trống các dòng :

– Đạo đức ...

– Phẩm cách ...

– Tư cách ...

– Tác phong ...

– Tính nết ...

– Thái độ ...

– Nói năng ...

2. Đặt câu với mỗi từ sau đây :

tử tế, tốt bụng, tốt nết, hiếu thảo, nết na.

3. Tìm một số *động từ* có thể đặt trước từ "danh dự" (ví dụ : *bảo vệ danh dự*).

Đặt câu với mỗi từ ngữ đó.

4. Tìm một số từ ngữ cùng nghĩa, gần nghĩa và trái nghĩa với "thủy chung".

5. Tìm từ thích hợp để điền vào chỗ trống những câu tục ngữ sau đây :

– Tốt gỗ hơn... nước sơn.

– Cái ... đánh chết cái ...

– Thắng không ..., bại không nản.

– Cây ... không sợ chết ...

– Ở ... gặp lành.

** Em hãy giải thích ngắn gọn ý nghĩa các câu tục ngữ ở dòng 1, 3 và 4 trên đây.

tuongxua.vn

TIẾT 33

ÔN TẬP

1. Đặt câu với mỗi từ sau đây :

nghiên cứu, thí nghiệm, phát minh, cần cù, nhẫn nại, nổi tiếng.

2. Đặt câu với mỗi từ sau đây để kể chuyện về một buổi liên hoan văn nghệ :

liên hoan, ca hát, nhảy múa, biểu diễn, sôi nổi, hào hứng.

3. Tìm từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau đây :

"Páp–lốp có ... làm việc rất thận trọng. Các ... của ông thường được lặp lại rất nhiều lần trên các động vật trước khi ... cho người. Ông thường nói với ... của mình :

– ... càng đầy đủ bao nhiêu thì càng hạn chế được ... đáng buồn bấy nhiêu. Mỗi việc làm của chúng ta đều có ... đến cái sống, cái chết của mỗi con người".

(Ngọc Tấn – Lê Quang Long)

thuongmaitr

NGỮ PHÁP

Chương III

HAI BỘ PHẬN CHÍNH CỦA CÂU
CÁC TỪ LOẠI CƠ BẢN

(Tiếp theo)

TIẾT 18

CHỦ NGỮ

uongxua.vn

I – Bài học

Dùng cách đặt câu hỏi (Ai ? Cái gì ? Con gì ?) để tìm bộ phận chính thứ nhất trong các câu sau :

– Hoa viết thư cho bố.

(Ví dụ : *Ai* ? / viết thư cho bố.)

– Mặt trăng tròn / tỏa sáng rực rỡ.

– Thỏ mẹ cùng đàn con / vui múa.

Những từ ngữ nào được dùng làm bộ phận chính thứ nhất trong mỗi câu trên đây ? Nếu viết (hay nói) câu thiếu các bộ phận đó thì có thể hiểu được đầy đủ ý nêu trong câu không ?

1. *Chủ ngữ* là một trong hai bộ phận chính của câu đơn bình thường.

a) Chủ ngữ là bộ phận chính chỉ người, loài vật, đồ vật, cây cối, v.v... được nhận xét hoặc miêu tả trong câu.

– Chủ ngữ chỉ người : *Hoa* viết thư cho bố.

– Chủ ngữ chỉ loài vật : *Con mèo* đang rình chuột.

– Chủ ngữ chỉ đồ vật : *Cái bút chì của em* còn mới nguyên.

– Chủ ngữ chỉ cây cối : *Cây bàng trong sân trường* đã thay lá.

b) Chủ ngữ có thể do một từ hoặc do nhiều từ ngữ tạo thành.

Trong các câu trên, có chủ ngữ là một từ : *Hoa, con mèo ;* có chủ ngữ do nhiều từ ngữ : *cái bút chì của em, cây bàng trong sân trường.*

c) Trong câu có hai bộ phận chính (chủ ngữ và vị ngữ). Chủ ngữ là bộ phận chính thứ nhất thường đứng trước vị ngữ.

2. Câu có thể có một hoặc nhiều chủ ngữ.

a) Câu chỉ có một chủ ngữ.

thuongmaitr

Ví dụ :

– *Bến cảng Hải Phòng* rất nhộn nhịp.

– *Ánh sáng trong xanh* tỏa khắp khu rừng.

b) Câu có hai hoặc nhiều chủ ngữ.

Ví dụ :

– *Xoài thanh ca, xoài voi, xoài tượng*... đều ngon.

– *Xe lu* và *xe ca* cùng đi trên đường với nhau.

– *Thỏ mẹ* cùng *đàn con* vui múa dưới ánh trăng.

– *Chị* với *em* cùng học một trường.

c) Khi có hai hoặc nhiều chủ ngữ trong một câu, người ta thường đặt các chủ ngữ kế tiếp nhau. Giữa các chủ ngữ có thể dùng dấu phẩy để ngăn cách hay dùng một trong các từ *và, cùng, với* để nối.

GHI NHỚ

Chủ ngữ là một trong hai bộ phận chính của câu. Chủ ngữ nêu người, sự vật được miêu tả, nhận xét.

Câu thường có một chủ ngữ hoặc có thể có nhiều chủ ngữ đặt kế tiếp nhau.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Cho đoạn văn sau :

"Khu vườn nhà Loan/ không rộng lắm. Nó /chỉ bằng một cái sân nhỏ nhưng có bao nhiêu là cây. Mỗi cây /có một đời sống riêng, một tiếng nói riêng. Cây lan, cây huệ, cây hồng nói chuyện bằng hương, bằng hoa. Cây mơ, cây cải nói chuyện bằng lá. Cây bầu, cây bí nói bằng quả. Cây khoai, cây dong nói bằng củ, bằng rễ".

(Trần Mạnh Hảo)

uongxua.vn

a) Tìm chủ ngữ của mỗi câu.

b) Nêu nhận xét : câu nào có nhiều chủ ngữ, câu nào có chủ ngữ do nhiều từ ngữ tạo thành ?

2. Đặt câu có chủ ngữ là một *từ* (theo H.1 hoặc H.2).

H.1

H.2

3. Đặt một câu có chủ ngữ do *nhiều từ ngữ* tạo thành (theo H.1 hoặc H.2).

**4. Chọn từ ngữ sau đây để điền vào vị trí của chủ ngữ còn bỏ trống sao cho hợp nghĩa :

các chóp núi, những sinh hoạt đầu tiên của một ngày, làng mới định cư, sương.

... tan dần. ... bừng lên trong nắng sớm.

... lần lượt hiện lên. ... bắt đầu.

B – Ở nhà

1. Tìm các từ ngữ làm chủ ngữ của các câu trong đoạn văn sau và nói rõ mỗi chủ ngữ đó nêu người hay sự vật ?

"Biển vẫn gào thét. Gió vẫn từng cơn đẩy nước dồn ứ lại, rồi đột ngột giãn ra. Con tàu vẫn lặn hụp như con cá kình giữa muôn nghìn lớp sóng. Thuyền trưởng Thắng vẫn điềm tĩnh chỉ huy đoàn tàu vượt cơn lốc dữ".

(Đinh Kính)

thuongmaitu

2. Quan sát tranh (H.3) và đặt một câu có nhiều chủ ngữ thích hợp :

H.3

TIẾT 19

VỊ NGỮ

I – Bài học

Dùng cách đặt câu hỏi (*Làm gì ? Như thế nào ? Là ai ? Là gì ?*) để tìm bộ phận chính thứ hai trong các câu sau :

– Một con quạ khát nước.

(Ví dụ : Một con quạ *(như) thế nào* ?)

– Nó tìm thấy một cái lọ có nước.

– Nước trong lọ ít quá.

– Ăng–co Vát là một công trình kiến trúc và điêu khắc tuyệt diệu của nhân dân Khơ–me.

Những từ ngữ nào được dùng làm bộ phận chính thứ hai trong mỗi câu trên đây ? Nếu nói (hay viết) thiếu các bộ phận đó thì có thể hiểu được đầy đủ ý nêu trong từng câu không ?

uongxua.vn

1. Vị ngữ là một trong hai bộ phận chính của câu (trong kiểu câu có hai bộ phận chính).

a) Vị ngữ nói rõ hoạt động, trạng thái, tính chất hay vị trí không gian, thời gian của người, loài vật, đồ vật, cây cối, v.v... được nêu lên ở chủ ngữ.

Ví dụ :

– Con chim sơn ca *cất tiếng hót* (hoạt động).

– Rừng cây *im lặng quá* (trạng thái).

– Nền trời *xanh vời vợi* (tính chất).

– Ăng–co Vát *là một công trình kiến trúc và điêu khắc tuyệt diệu của nhân dân Khơ–me* .

b) Vị ngữ có thể do một từ, nhưng thường là do nhiều từ ngữ tạo thành.

Ví dụ :

– Bố | *về*.

– Dũng | *kể chuyện cho bố nghe*.

2. Trong kiểu câu có hai bộ phận chính, vị ngữ thường đứng sau chủ ngữ. Khi viết câu, giữa chủ ngữ và vị ngữ của câu không có gì ngăn cách.

Ví dụ :

Một con quạ / *khát nước*.
Nó / *tìm thấy một cái lọ có nước*.
Nước trong lọ / *ít quá*.
Quạ / *không uống được*.

GHI NHỚ

Vị ngữ là một trong hai bộ phận chính của câu.

Vị ngữ chỉ hoạt động, trạng thái, tính chất, vị trí để miêu tả hoặc nhận xét về người, sự vật được nêu ở chủ ngữ.

thuongmaitr

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Đặt câu :

– có vị ngữ nói về *hoạt động* của người hoặc sự vật được nêu ở chủ ngữ.

– có vị ngữ nói về *trạng thái* của người hoặc sự vật được nêu ở chủ ngữ.

– có vị ngữ nói về *tính chất* của người hoặc sự vật được nêu ở chủ ngữ.

2. Đặt câu :

– có vị ngữ do *một từ* tạo thành.

– có vị ngữ do *nhiều từ ngữ* tạo thành.

3. Tìm từ thích hợp để điền vào vị trí bỏ trống của vị ngữ các câu trong đoạn sau :

"Đêm nay anh ... ở trại. Trăng ngàn và gió núi ... lòng anh man mác ... tới trung thu và ... tới các em".

(Thép Mới)

B – Ở nhà

1. Tìm chủ ngữ, vị ngữ ở các câu của đoạn văn :

"Bình yêu nhất đôi bàn tay mẹ. Tay mẹ không trắng đâu. Bàn tay mẹ rám nắng. Các ngón tay của mẹ gầy gầy, xương xương. Bình rất thích áp hai bàn tay của mẹ lên má".

(Nguyễn Thị Xuyến)

**2. Giải thích ý nghĩa của từng *vị ngữ* trong các câu trên (vị ngữ chỉ hoạt động, trạng thái hay tính chất của người hoặc sự vật được nêu ở chủ ngữ).

TIẾT 20

uongxua.vn

DANH TỪ

I – Bài học

Cho đoạn văn sau đây :

"*Xe* chúng tôi lao chênh vênh trên *dốc cao* của *con đường* xuyên *tỉnh Hoàng Liên Sơn**. Những *đám mây* trắng nhỏ sà xuống *cửa kính ô tô* tạo nên một *cảm giác* bồng bềnh huyền ảo. Chúng tôi đạng đi bên những *thác* trắng xóa tựa *mây trời*, những *rừng cây* âm âm, những *bông hoa chuối* rực lên như *ngọn lửa*".

(Nguyễn Phan Hách)

---

* *Hoàng Liên Sơn* : tên một dãy núi ở miền Tây Bắc nước ta. *Tỉnh Hoàng Liên Sơn* : nay là hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái.

– Đoạn văn trên có các danh từ (từ in nghiêng). Những danh từ nào chỉ người, đồ vật, cây cối v.v... mà ta có thể cảm nhận được bằng giác quan (thấy, nghe, sờ được) ? Ngoài ra, những danh từ nào chỉ sự vật mà ta không cảm nhận bằng giác quan được ?

học 1. Từ chỉ người hoặc sự vật được gọi là *danh từ*.

Ví dụ :

– Võ Thị Sáu, Tiền Giang, rừng, biển, đồng bằng, nhà máy, xi–măng, v.v...

– ý nghĩ, niềm vui, v.v...

2. *Danh từ* gồm có :

– Danh từ chỉ tên gọi của một người, một địa phương... là *danh từ riêng*.

Ví dụ : Võ Thị Sáu, Tiền Giang, Pa–ri...

– Danh từ chỉ chung một loại sự vật (người, loài vật, cây cối...) là *danh từ chung*. Danh từ chung chỉ sự vật mà ta cảm nhận được bằng các giác quan là danh từ cụ thể.

Ví dụ :

– Danh từ chỉ *người* : bố, mẹ, thầy giáo, bộ đội...

– Danh từ chỉ *loài vật* : mèo, thỏ, bò, sư tử...

– Danh từ chỉ *cây cối* : na, chuối, sầu riêng, nhãn...

– Danh từ chỉ *đồ vật* : nhà, bàn học, cày, máy cày...

– Danh từ chỉ *chất liệu* : đồng, chì, đất, không khí...

GHI NHỚ

Từ chỉ người hoặc sự vật được gọi là *danh từ*. Có *danh từ riêng* và *danh từ chung*.

Danh từ chung chỉ người hoặc sự vật mà ta có thể cảm nhận được bằng giác quan là danh từ cụ thể. học

thuongmaitr

II - Luyện tập

A - Ở lớp

1. Tìm các danh từ cụ thể trong đoạn văn sau :

"Sông Hương là một đặc ân của thiên nhiên dành cho Huế, làm cho không khí thành phố trở nên trong lành, làm tan biến những tiếng ồn ào của chợ búa, tạo cho thành phố một vẻ êm đềm".

2. Đặt một câu với một *danh từ cụ thể* làm chủ ngữ.

3. Đặt một câu có danh từ cụ thể làm chủ ngữ rồi gạch dưới danh từ cụ thể đó.

B - Ở nhà

1. Tìm các danh từ cụ thể trong đoạn văn sau :

"Đột nhiên chú chuồn chuồn nước tung cánh bay vọt lên. Cái bóng chú nhỏ xíu, lướt nhanh trên mặt hồ. Mặt hồ trải rộng mênh mông và lặng sóng. Chú bay lên cao hơn và xa hơn. Dưới tầm cánh chú bây giờ là lũy tre xanh rì rào trong gió, là bờ ao với những khóm khoai nước rung rinh. Rồi những cảnh tuyệt đẹp của đất nước hiện ra : cánh đồng với những đàn trâu thung thăng gặm cỏ ; dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi".

(Nguyễn Thế Hội)

2. Đặt 2 câu với hai danh từ cụ thể trong đoạn văn trên.

TIẾT 21

DANH TỪ

(Tiếp theo)

I - Bài học

Cho đoạn văn sau :

"Dân ta có một *lòng nồng nàn yêu nước*. Đó là một *truyền thống* quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi *Tổ quốc* bị

xâm lăng thì *tinh thần* ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi *sự nguy hiểm, khó khăn*, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước.

... Lịch sử nước ta đã có nhiều *cuộc kháng chiến* vĩ đại chứng tỏ *tinh thần* yêu nước của dân ta".

(Hồ Chí Minh)

Những từ in nghiêng có phải là danh từ cụ thể không ? Những danh từ đó có cảm nhận được bằng giác quan không ?

1. Danh từ chỉ sự vật mà ta không cảm nhận trực tiếp được bằng giác quan gọi là *danh từ trừu tượng*. Sự vật trừu tượng thường là các khái niệm được cảm nhận bằng trí óc.

Ví dụ :

– Tổ quốc, tinh thần.
– cuộc kháng chiến.

2. Trong tiếng Việt, có nhiều danh từ trừu tượng là từ gốc Hán (từ Hán – Việt), và nhiều danh từ trừu tượng do ghép *việc, sự, cuộc, nỗi, lòng, điều, v.v...* với một từ khác mà tạo thành.

thuonghaitr

GHI NHỚ

Danh từ chung chỉ sự vật mà ta không thể cảm nhận được bằng giác quan là **danh từ trừu tượng.**

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống để tạo thành những danh từ trừu tượng. Em có nhận xét gì về cách tạo thành các danh từ này ?

– ... vui, ... khó khăn, ... kính yêu.
– ... buồn, ... lòng, ... đời.
– ... hi sinh, ... liên hoan, ... giận, ... thương nhớ.

2. Tìm các danh từ trừu tượng là từ gốc Hán trong đoạn văn sau :

"Ông Chu Văn An đời Trần nổi tiếng là một thầy giáo giỏi, tính tình cứng cỏi, không màng danh lợi.

Học trò theo ông rất đông. Nhiều người đỗ cao và sau này giữ những trọng trách trong triều đình".

(Phan Huy Chú)

3. Trong đoạn văn trên, những từ nào là danh từ ? Đặt câu với danh từ *tính tình*.

B – Ở nhà

1. Tìm những từ thích hợp điền vào chỗ trống để làm thành các danh từ trừu tượng :

– sự ..., niềm ..., trận ..., vẻ ...
– cuộc ..., lòng ..., điều ...
– nỗi ..., cơn ..., việc ...

tuongxua.vn

**2. Tìm 5 danh từ trừu tượng là từ gốc Hán (từ Hán – Việt). Đặt 2 câu với danh từ trừu tượng tìm được.

TIẾT 22

ĐẠI TỪ CHỈ NGÔI

I – Bài học

– Cho đoạn văn sau :

"*Cú* chẳng có tổ, *cú* phải sống trong những hốc cây tăm tối. *Quạ* không chịu học làm tổ, vì thế tổ của *quạ* rất xấu xí".

Các từ "cú ", "quạ" trong mỗi câu được lặp lại hai lần.

Từ nào có thể dùng thay thế được cho hai từ đó để khỏi phải lặp lại ?

– Những từ in nghiêng trong đoạn văn sau được dùng để chỉ *ai* và chỉ *vật* gì ?

"*Chúng tôi* ra bờ moong. Ở đây, *tôi* nhìn được toàn cảnh của công trường trong một vòng cung cực lớn hình phễu.

Dưới đáy moong, *tôi* đếm có đến chín cái máy xúc, nhác trông có thể ví *chúng* như những con vịt bầu khó tính hay động cựa, luôn luôn quay cổ từ bên này sang bên kia".

(Trần Nhuận Minh)

1. Từ dùng thay thế cho danh từ trong câu và chỉ rõ người hay sự vật cụ thể được nêu trong danh từ gọi là *đại từ*.

Ví dụ :

– Cú chẳng có tổ, *nó* phải sống trong những hốc cây tăm tối.

– "Các anh không nói gì. Các chị mỉm cười. Một chị cười rũ.

– Các chị cười gì *chúng tôi* thế ?

– Không biết tiếng Kinh đâu !

Chị úp mặt vào lưng bạn mà cười".

(Nguyễn Huy Tưởng)

2. Trong giao tiếp, người ta có thể dùng đại từ để xưng hô. Đó là *đại từ chỉ ngôi*. Các *đại từ chỉ ngôi* thường dùng là :

– Đại từ chỉ ngôi thứ nhất : *tôi, tao, chúng tôi, chúng tao* ...

– Đại từ chỉ ngôi thứ hai : *mày, chúng mày* ...

– Đại từ chỉ ngôi thứ ba : *nó, chúng nó, họ* ...

Chú ý : Các danh từ chỉ người như : *ông, bà, anh, chị, em, thầy, bạn, đồng chí* ... thường được dùng như đại từ chỉ ngôi để xưng hô, hoặc để thay thế cho tên gọi trực tiếp.

thuongmaitr

Ví dụ :

Những lời cô giáo giảng
Ấm trang vở thơm tho
Yêu thương em ngắm mãi,
Những điểm mười cô cho.

(Nguyễn Xuân Sanh)

GHI NHỚ

Đại từ dùng thay thế cho danh từ hoặc động từ, tính từ trong câu. **Đại từ chỉ ngôi** dùng để xưng hô, thay cho tên gọi khi đối thoại.

Danh từ chỉ người cũng thường được dùng trong xưng hô như đại từ chỉ ngôi.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Tìm các từ được dùng để thay thế cho một danh từ trong đoạn văn sau và cho biết những từ đó thay thế cho danh từ nào ?

"Chợt con gà trống ở phía nhà bếp nổi gáy. Tôi biết đó là con gà của nhà anh Bốn Linh. Tiếng nó dõng dạc nhất xóm. Nó nhón chân, bước từng bước oai vệ, ức ưỡn ra đằng trước. Bị chó Vện đuổi, nó bỏ chạy."

(Võ Quảng)

2. Tìm các đại từ *chỉ ngôi* trong đoạn văn đối thoại sau :

"Trời mùa thu mát mẻ. Trên bờ sông, một con Rùa đang cố sức tập chạy. Một con Thỏ trông thấy mỉa mai Rùa :

– Đồ chậm như sên ! Mày mà cũng đòi tập chạy à ?

Rùa đáp : Người

– Anh đừng giễu tôi. Anh với tôi thử chạy thi coi ai hơn ?

Thỏ vểnh tai lên tự đắc :

truongxua.vn

– Được, được ! Mày dám chạy thi với ta sao ? Ta chấp mày một nửa đường đó !"

3. Cách dùng đại từ chỉ ngôi để xưng hô trong đoạn đối thoại trên đã cho em biết thái độ của Rùa và của Thỏ đối với nhau ra sao ?

B – Ở nhà

1. Tìm đại từ và đại từ chỉ ngôi thích hợp để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau :

"Một chú khỉ con cứ nhảy qua nhảy lại lia lịa, chờn vờn trèo lên đống bí ngô. Thấy ... đi qua, ... nhe răng khẹc khẹc, ngó ... rồi quay lại nhòm người chủ, dường như muốn bảo ... hỏi giùm tại sao ... không thả mối dây xích cổ ra để ... được tự do đi chơi như ..."

(Đoàn Giỏi)

2. Trong đoạn đối thoại giữa Rùa và Thỏ (bài tập 2 ở lớp) :
– những đại từ chỉ ngôi nào được dùng ở ngôi thứ nhất ?
– những đại từ chỉ ngôi nào được dùng ở ngôi thứ hai ?

3. Trong đoạn văn ở bài tập 1 (ở nhà), câu nào dùng đại từ chỉ ngôi ?

thuongmaitu

TIẾT 23

ĐỘNG TỪ

I – Bài học

Xem xét các động từ (in nghiêng) trong những ví dụ sau đây :
– Em bé *ngủ*.
– Thợ gặt đang *cắt* lúa.
– Một con chim *bay* qua vườn rau.
– Bà con quê em vừa *xây dựng* một nhà văn hóa.

Các động từ "ngủ", "cắt", "bay", "xây dựng" nêu ý nghĩa gì trong các câu trên ?

1. Từ chỉ hoạt động hay trạng thái của người, sự vật là *động từ*.

Ví dụ :

– Em bé *ngủ* (*ngủ* : động từ chỉ trạng thái).

– Một con chim *bay* qua vườn rau (*bay* : động từ chỉ hoạt động).

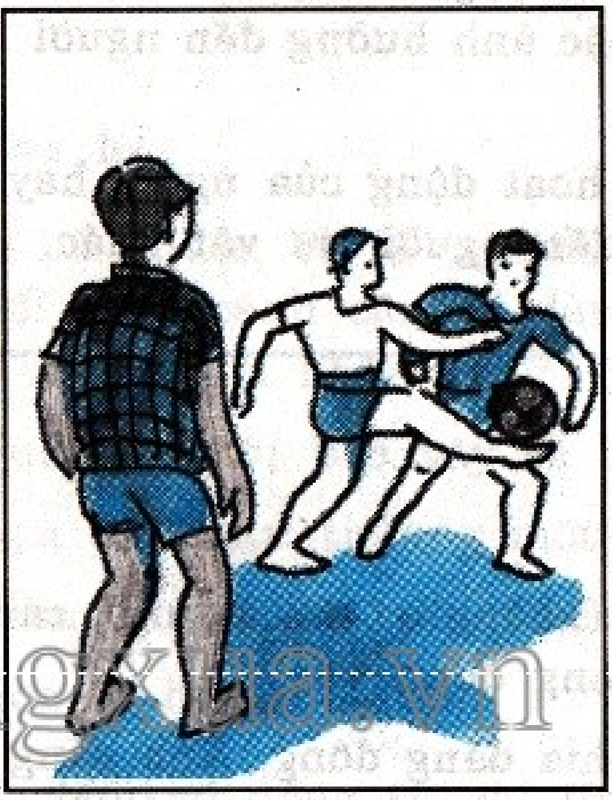

Nam *xem* đá bóng.

Nam *đá* bóng.

2. Có hai loại động từ

– Động từ chỉ trạng thái, hoạt động do người hay sự vật thực hiện, không ảnh hưởng đến người hay sự vật khác (không có đối tượng), gọi là *động từ nội động*.

Ví dụ :

(Em bé) *ngủ*.

(Một con chim) *bay* qua vườn rau.

(Nam) *xem* đá bóng.

– Động từ chỉ hoạt động của người hay sự vật thực hiện, có ảnh hưởng đến người hay sự vật khác (có đối tượng), gọi là *động từ ngoại động*.

Ví dụ :

(Thợ gặt) đang *cắt* lúa.

(Bà con quê em) vừa *xây dựng* một nhà văn hóa.

GHI NHỚ

Từ chỉ hoạt động, trạng thái được gọi là **động từ**.

– Động từ *nội động* chỉ hoạt động, trạng thái của người hay sự vật không tác động hoặc ảnh hưởng đến người hay sự vật khác.

– Động từ *ngoại động* chỉ hoạt động của người hay sự vật có tác động, ảnh hưởng đến người, sự vật khác.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Tìm các động từ nội động (không có đối tượng), các động từ ngoại động (có đối tượng) trong đoạn văn :

"Mặt trăng tròn nhô lên từ phía đằng đông. Ánh sáng trong xanh tỏa khắp khu rừng. Thỏ mẹ cùng đàn con nắm tay nhau vui múa".

2. Tìm một động từ nội động (không có đối tượng). Đặt câu với động từ đó.

3. Tìm một động từ ngoại động (có đối tượng). Đặt câu với động từ đó.

B – Ở nhà

1. Tìm các động từ nội động và các động từ ngoại động trong đoạn thơ :

Tinh mơ em trở dậy
Rửa mặt rồi đến trường
Em bước vội trên đường
Núi dăng hàng trước mặt.

2. Tìm 1 động từ nội động (không có đối tượng) và 1 động từ ngoại động (có đối tượng). Đặt câu với mỗi động từ tìm được.

TIẾT 24

ĐỘNG TỪ

(Tiếp theo)

I – Bài học

Nếu bỏ những từ in nghiêng, ý của mỗi câu sau đây có gì thay đổi ? So sánh câu có dùng *bị, được, có,* với câu lược bỏ các từ đó và nêu nhận xét :

– Quân Ngô *bị* bao vây cả ba mặt.

– Bạn em *được* thưởng một chiếc áo hoa mới.

– Chim họa mi *có* giọng hót rất hay.

– Hoa *là* học sinh giỏi.

uongxua.vn

1. Một số động từ chỉ *trạng thái chịu dụng, hưởng thụ* (của người hoặc sự vật thường được nêu ở chủ ngữ) như "bị", "được", "phải" ...

Ví dụ :

– Quân Ngô *bị* bao vây cả ba mặt.

– Bạn em *được* thưởng một chiếc áo hoa mới.

2. Động từ "có" chỉ *trạng thái tồn tại hoặc sở hữu* (của người hoặc sự vật thường được nêu ở chủ ngữ).

Ví dụ :

– Chim họa mi *có* giọng hót rất hay.

– Lớp em *có* nhiều bạn học giỏi môn Tiếng Việt.

3. Động từ "là" dùng trong câu *nêu nhận xét* hoặc *giới thiệu* (về người hoặc sự vật thường biểu hiện ở chủ ngữ).

Ví dụ :

– Rừng Tây Nguyên *là* quê hương của nhiều giống thú quý.

– Hoa *là* học sinh giỏi.

– Hôm nay *là* ngày thứ hai.

GHI NHỚ

– *Động từ* "**bị**" và "**được**" chỉ *trạng thái* tiếp thụ.

– *Động từ* "**có**" chỉ *trạng thái* tồn tại hoặc sở hữu.

– *Động từ* "**là**" được dùng trong câu giới thiệu, nhận xét, đánh giá.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Chép câu văn sau và điền động từ "bị" hoặc "được" vào vị trí thích hợp cho rõ nghĩa :

– Lời thề bất hủ của Trần Hưng Đạo đã ghi chép trong sử sách.

– Một cây gỗ dài hút vào xoáy nước.

2. Dùng các từ ngữ sau đây ghép thành câu với động từ "có" ở vị trí thích hợp :

– Thị trấn Cát Bà xinh xắn, những dãy phố hẹp.

– Các chú chim piêu, bộ lông màu xanh lục.

3. Ghép những từ ngữ cho sẵn sau đây với động từ "là" ở vị trí thích hợp để tạo thành câu giới thiệu :

– Hải âu, bạn bè của người đi biển.

– Hải âu, dấu hiệu của điềm lành.

B – Ở nhà

1. Chép lại đoạn văn sau và điền "bị", "là", "có" vào chỗ trống thích hợp cho rõ nghĩa :

thuongmaitr

"Đó ... một buổi chiều mùa hạ, mây trắng xô đuổi nhau trên cao.

Con chim sơn ca cất lên tiếng hót tự do, tha thiết đến nỗi khiến người ta phải ao ước giá mà mình ... một đôi cánh. Trải khắp cánh đồng ... nắng chiều vàng dịu và thơm hơi đất, ... gió đưa thoang thoảng lúa ngậm đòng và hương sen. Một chú nhái nấp đâu đó nhảy tõm xuống đầm làm mặt nước nổi lên những vòng sóng. Sóng ... phá vỡ rất nhanh khi lan tới những chiếc lá nổi bập bềnh trên mặt đầm".

(Đỗ Chu)

2. Đặt 3 câu với các động từ "được", "có", "là".

TIẾT 25

TÍNH TỪ

I – Bài học

– Trong đoạn văn sau đây, có những từ nào dùng để chỉ tính chất của sự vật ?

"Từ trên trời nhìn xuống, phố xá Hà Nội nhỏ xinh như mô hình triển lãm. Những ô ruộng, những gò đống, bãi bờ với những mảng màu xanh, nâu, vàng, trắng và nhiều hình dạng khác nhau gợi những bức tranh giàu màu sắc."

(Trần Lê Văn)

– "xanh um", "xanh lè", "rất xanh", có gì khác với "xanh" ?

1. Từ chỉ tính chất (màu sắc, kích thước, phẩm chất, v.v...) của sự vật được gọi là *tính từ*.

Ví dụ :

– xanh, đỏ, xanh biếc, đỏ thắm... (tính từ chỉ màu sắc).

– tròn, méo, vuông, thon... (tính từ chỉ hình thể).

– dài, ngắn, to, nhỏ... (tính từ chỉ kích thước).

tongxua.vn

– nặng, nhẹ, béo, gầy, nhiều, ít... (tính từ chỉ khối lượng, dung lượng).

– tốt, xấu, sạch, bẩn, thông minh, chăm chỉ... (tính từ chỉ phẩm chất).

v.v...

2. Có hai loại tính từ :

– Tính từ chỉ tính chất chung, tính chất không có mức độ hoặc ít có tác dụng gợi tả hình ảnh, cảm xúc.

Ví dụ :

xanh, đỏ, tròn, dài, tốt...

– Tính từ chỉ tính chất có xác định mức độ hoặc có tác dụng gợi tả hình ảnh, cảm xúc.

Ví dụ :

xanh biếc, gầy nhom, to bự...
xanh xanh, biêng biếc...

GHI NHỚ

Tính từ là từ chỉ tính chất (của người, loài vật, đồ vật, cây cối, v.v...) như : màu sắc, hình thể, kích thước, dung lượng, phẩm chất...

– Có loại tính từ chỉ tính chất chung không có mức độ.

– Có loại tính từ chỉ tính chất có xác định mức độ hoặc có tác dụng gợi tả hình ảnh, cảm xúc.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Tìm các tính từ trong đoạn văn :

"Tây Nguyên đẹp lắm. Những ngày mùa xuân và mùa thu ở đây trời mát dịu, hương rừng thoang thoảng đưa. Bầu trời trong xanh, rất đẹp. Bên bờ suối, những khóm hoa nhởn nhơ, muôn sắc đua nở : trắng, vàng, hồng, tím..."

thuongmaitr

2. Đặt câu với mỗi tính từ chỉ tính chất có xác định mức độ.

B – Ở nhà

1. Chép đoạn văn sau và làm theo yêu cầu bài tập 1 (ở lớp) :

"Mùa đông, cây vươn dài những cành khẳng khiu, trụi lá. Xuân sang, cành trên, cành dưới, chi chít những lộc non mơn mởn. Hè về, những tán lá xanh um che mát cả sân trường. Thu đến, từng chùm quả chín vàng trong kẽ lá".

2. Những tính từ nào trong bài tập 1 trên đây chỉ tính chất có xác định mức độ. Nêu tác dụng gợi tả hình ảnh của các tính từ đó.

TIẾT 26

ÔN TẬP CHƯƠNG III

I – Nội dung ôn tập

tuongxua.vn

Thứ tự	Khái niệm	Nội dung
1) *Hai bộ phận chính của câu*	**A – Chủ ngữ**	*bộ phận chính thứ nhất của câu :* – chỉ người, loài vật, đồ vật, cây cối, v.v... được nhận xét hoặc miêu tả trong câu. – do một từ hoặc nhiều từ ngữ tạo thành. – thường đứng trước vị ngữ.
	B – Vị ngữ	*bộ phận chính thứ hai của câu :* – chỉ hoạt động, trạng thái hay tính chất của người, vật... được nêu ở chủ ngữ. – do một từ hoặc nhiều từ ngữ tạo thành. – thường đứng sau chủ ngữ.

2) *Các từ loại cơ bản*	**A – Danh từ**	– chỉ *tên* của người, hoặc *tên địa phương* (danh từ riêng). – chỉ *người* hoặc *sự vật* (danh từ chung) : + chỉ sự vật cụ thể (người, loài vật, đồ vật, cây cối, chất liệu, v.v...) là danh từ cụ thể. + chỉ sự vật trừu tượng (sự vật không cảm nhận được trực tiếp bằng giác quan) là danh từ trừu tượng.
	B – Đại từ chỉ ngôi	thay thế cho danh từ để xưng hô trong giao tiếp.
	C – Động từ	chỉ *hoạt động* hoặc *trạng thái* của người hoặc sự vật (có thể tác động hoặc không tác động đến người hoặc sự vật khác). – động từ "bị", "được" chỉ trạng thái tiếp thụ. – động từ "có" chỉ trạng thái tồn tại hoặc sở hữu. – động từ "là" dùng trong câu giới thiệu, nhận xét về một người hoặc một sự vật.
	D – Tính từ	chỉ *tính chất* của người hoặc sự vật : tính chất chung không có mức độ hoặc tính chất có xác định mức độ.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Đặt câu có :

a) Vị ngữ chỉ *hoạt động* của người hoặc sự vật được nêu ở chủ ngữ.

b) Vị ngữ chỉ *tính chất* của người hoặc sự vật được nêu ở chủ ngữ.

2. Đặt một câu có danh từ. Gạch một gạch dưới danh từ trong câu ấy.

3. Đặt một câu có động từ. Gạch một gạch dưới động từ trong câu ấy.

4. Đặt một câu có tính từ. Gạch một gạch dưới tính từ trong câu ấy.

5. Đặt một câu có đại từ chỉ ngôi. Gạch một gạch dưới đại từ chỉ ngôi trong câu ấy.

B – Ở nhà

1. Tìm chủ ngữ, vị ngữ trong các đoạn văn sau :

– "Ngoài đồng, lúa đang chờ nước. Chỗ này, các xã viên đang đào mương ; chỗ kia, các xã viên đang tát nước. Mọi người đang ra sức đánh giặc hạn".

– "Tiết trời đã về cuối năm. Trên cành lê, giữa đám lá xanh mơn mởn, mấy bông hoa trắng xóa điểm lác đác".

tuongxua.vn

2. Viết các danh từ, động từ, tính từ trong 2 đoạn văn trên vào 3 cột theo mẫu sau :

Danh từ	Động từ	Tính từ

Chương IV

CÁC BỘ PHẬN PHỤ TRONG CÂU

TIẾT 27

TRẠNG NGỮ

I – Bài học

– Tìm chủ ngữ – vị ngữ trong những cặp câu sau, rồi nhận xét sự khác nhau giữa các câu trong cùng một cặp câu :

Bác Hồ đã tới thăm đền Hùng.
Mùa thu năm 1954, Bác Hồ đã tới thăm đền Hùng.

Chim kêu ríu rít.
Trên cành cây, chim kêu ríu rít.

a) Ngoài hai bộ phận chính là chủ ngữ – vị ngữ, câu còn có thêm bộ phận nào ?

b) Bộ phận thêm vào đó có tác dụng gì đối với ý nghĩa của câu ?

– Trong những câu có thêm bộ phận khác, nếu lược bỏ chủ ngữ – vị ngữ, thì bộ phận thêm còn lại có thể là câu được không ? Nếu lược bỏ bộ phận thêm, còn lại chủ ngữ – vị ngữ thì có thành câu được không ?

1. Ngoài hai bộ phận chính (chủ ngữ – vị ngữ), câu còn có thể có bộ phận phụ được gọi là *trạng ngữ*. Trạng ngữ bổ sung ý chỉ các tình huống của sự việc (như : thời gian, nơi chốn, mục đích, nguyên nhân, v.v... liên quan đến diễn biến của sự việc nêu trong câu).

Ví dụ :

– *Mùa xuân này*, cả nước đang vui niềm vui xây dựng.

– *Trên mặt biển rộng*, các đoàn thuyền đang lướt nhanh như thuyền trận.

– *Nhờ bạn*, em đã tiến bộ trong học tập.

– *Muốn được khỏe mạnh*, em phải năng tập thể dục.

2. Chủ ngữ – vị ngữ là hai bộ phận *chính* của câu (không thể thiếu được). Trạng ngữ là bộ phận *phụ* (câu có thể có hoặc không có trạng ngữ).

GHI NHỚ

Trạng ngữ là bộ phận phụ của câu. Trạng ngữ bổ sung ý chỉ tình huống cho câu (về thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích v.v...).

Câu có thể có hoặc không có trạng ngữ.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Tìm *chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ* trong các câu sau đây :

Mấy hôm trước, trời mây xám xịt, mưa ngâu rả rích, đường lầy lội.

truongxua.vn

Trong các thửa ruộng, hàng lúa xanh tươi rập rờn theo chiều gió. Xa xa, đám lúa giống mới đã ngả màu vàng.

2. Tìm từ ngữ làm *chủ ngữ, vị ngữ* cho các dòng sau đây :

– Trên đỉnh núi, ...

– Ở quê em, ...

– Hôm qua, ...

– Bỗng nhiên, ...

3. Tìm những từ ngữ làm *trạng ngữ* trong các câu sau đây :

– ..., xe cộ đi lại như mắc cửi.

– ..., em gái của Việt học lớp 3.

– ..., bà con xã viên đang gặt lúa.

– ..., mặt trời mọc.

– ..., trời mưa to.

B – Ở nhà

1. Tìm các *trạng ngữ* (chỉ thời gian, chỉ nơi chốn) trong đoạn văn :

"Tuy "tối dạ" nhưng Bác học thật chăm, khó khăn không nản. Ở lớp, điều gì chưa hiểu, cậu xin thầy giảng lại. Ở nhà, cậu học bài thật thuộc và làm bài đầy đủ. Chỉ ba tháng sau, nhờ siêng năng, cần cù, cậu vượt lên đầu lớp. Trước đây, cậu không biết tí gì về phép tính, bài chép mắc nhiều lỗi chính tả. Thế mà giờ đây, cậu giải được các bài tính đố, viết đúng chính tả và hiểu cặn kẽ bài học."

**2. Viết lại các câu sai trong đoạn văn sau đây :

"Đêm mùa đông. Trời mưa phùn. Trong nhà Hồng đang nằm lắng nghe tiếng mưa rơi. Lúc này. Hồng nghỉ mà thương đàn gà. Hồi chiều. Nghe tin có gió mùa đông bắc tràn về, Hồng đã đi cắt lá chuối khô che kín chuồng gà rồi."

thuongmait

3. Đặt một câu có trạng ngữ và nói rõ đó là trạng ngữ gì ?

TIẾT 28

TRẠNG NGỮ

(Tiếp theo)

I – Bài học

Đoạn văn sau đây gồm có 3 câu :

"(1) Vào một đêm cuối xuân năm 1947, khoảng hai giờ sáng, trên đường đi công tác, Bác Hồ đến nghỉ chân ở một nhà bên đường. (2) Trong nhà, các giường màn sạch sẽ đã có người nằm. (3) Bác lặng lẽ tụt giày, cởi áo, rồi đến nằm bên cạnh các em thiếu nhi đang ôm nhau ngủ".

– Câu nào không có trạng ngữ ? Câu nào chỉ có một trạng ngữ ? Câu nào có nhiều trạng ngữ ?

1. Câu có thể có *một* hay *nhiều trạng ngữ*. Các trạng ngữ trong câu có thể diễn đạt ý cùng loại hoặc khác loại.

Ví dụ :

– Câu (2) trong đoạn văn trên là câu chỉ có một trạng ngữ.

– Câu (1) trong đoạn văn trên là câu có ba trạng ngữ :

+ Trạng ngữ thứ nhất và thứ hai cùng chỉ thời gian.

+ Trạng ngữ thứ ba chỉ nơi chốn (khác loại với hai trạng ngữ trên về ý nghĩa).

– Câu (3) : không có trạng ngữ.

2. Mỗi trạng ngữ của câu có thể do một từ hoặc nhiều từ ngữ tạo thành.

Ví dụ :

– *Mai*, chúng em đi lao động.

– *Vào một đêm cuối xuân năm 1947*, Bác Hồ đến nghỉ chân ở một nhà bên đường.

– *Ở vùng này, lúc hoàng hôn và lúc tảng sáng*, phong cảnh rất nên thơ.

uongxua.vn

GHI NHỚ

Câu có thể có một hay nhiều **trạng ngữ**.

Mỗi trạng ngữ có thể do một từ hoặc do nhiều từ ngữ tạo thành.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Câu sau đây có mấy trạng ngữ ? Nói rõ ý nghĩa từng trạng ngữ của câu (trạng ngữ loại gì ?) :

Hồi ấy ở Sài Gòn, Bác Hồ có một người bạn là bác Lê.

**2. Sắp xếp các từ ngữ sau đây thành câu có các thành phần *trạng ngữ, chủ ngữ – vị ngữ* (dùng dấu phẩy (,) để ngăn cách hoặc dùng từ "và" để nối các trạng ngữ) :

+ Các từ ngữ làm trạng ngữ

lúc tảng sáng ; ở quãng đường này ; lúc chập tối.

+ Các từ ngữ làm chủ ngữ – vị ngữ

Dân làng / qua lại rất nhộn nhịp.

B – Ở nhà

1. Tìm các từ làm *chủ ngữ, vị ngữ* cho những dòng sau đây :

– Sáng sớm, ...

– Đêm qua, ...

– Đằng đông, ...

2. Quan sát các câu đã tìm được trong bài tập 1, trả lời câu hỏi :

Nếu không có chủ ngữ, vị ngữ làm bộ phận chính của câu thì riêng những từ ngữ *sáng sớm, đêm qua, đằng đông* đã có thể thành câu chưa ?

TIẾT 29

ĐỊNH NGỮ

I – Bài học

Xét câu sau đây :

"Điệu hò chèo thuyền của chị Gái vang lên".

Chủ ngữ của câu là những từ ngữ nào ? Trong chủ ngữ đó, từ nào là từ chính ? Từ đó thuộc từ loại nào ? Các từ ngữ xung quanh từ chính có tác dụng gì ?

Cũng hỏi như trên ở câu sau :

"Đêm qua, một bàn tay nào đã giội rửa vòm trời sạch bóng".

1. *Định ngữ* là những từ ngữ bổ nghĩa cho danh từ trong câu.

Ví dụ :

Điệu hò chèo thuyền của chị Gái vang lên.

"Điệu hò chèo thuyền của chị Gái" là bộ phận chủ ngữ của câu. Trong chủ ngữ đó, danh từ chính là *điệu hò*. Các từ ngữ "chèo thuyền", "của chị Gái" bổ nghĩa cho *điệu hò* (*điệu hò* gì ? Của ai ?) là những *định ngữ*.

2. Danh từ ở bất cứ vị trí nào trong câu cũng có thể có *định ngữ*.

Ví dụ :

Một ngày chủ nhật, mẹ đưa Minh đi thăm làng hoa Ngọc Hà.

"Một ngày chủ nhật" có danh từ chính *ngày chủ nhật* với định ngữ "một" ; "làng hoa Ngọc Hà" có danh từ chính *làng hoa* với định ngữ *Ngọc Hà*.

truongxua.vn

GHI NHỚ

Định ngữ bổ nghĩa cho danh từ trong câu.

Danh từ nào trong câu cũng có thể có định ngữ.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Tìm danh từ, định ngữ của danh từ đó trong các câu sau đây :

a) Cây đa nghìn năm đã gắn liền với thời thơ ấu của chúng tôi.

b) Cả người tôi là một màu nâu bóng mỡ rất ưa nhìn.

2. Tìm định ngữ thích hợp cho từng danh từ (từ in nghiêng) trong những câu sau đây :

a) *Con mèo*... vồ được... *con chuột*...

b) ... *học sinh*... làm xong... *bài tập*...

B – Ở nhà

1. Làm theo yêu cầu bài tập 1 (ở lớp) :

a) *Một buổi chiều mùa hè*, chúng tôi rủ nhau ra Đồ Sơn tắm biển.

b) Vịnh Hạ Long là *một cảnh đẹp nổi tiếng của Việt Nam*.

c) *Tất cả học sinh lớp 4* đều đến thăm thầy giáo nhân dịp tết.

**2. Nhận xét phần từ ngữ in nghiêng trong câu (a), câu (b) và câu (c) ở bài tập 1 : phần nào là chủ ngữ, phần nào là trạng ngữ ?

thuongmaitr

TIẾT 30

ĐỊNH NGỮ

(Tiếp theo)

I – Bài học

Xét các định ngữ của danh từ trong các câu sau đây :

– Cò và Vạc là hai anh em.

– Trường của chúng em mới xây trên nền ngôi trường lợp lá cũ.

– Mỗi tổ ong là một tòa nhà vững chãi, ngăn nắp, trật tự.

Các định ngữ : "hai" trong "hai *anh em*" ; "mỗi" trong "mỗi *tổ ong*" ; "một" trong "một *tòa nhà* vững chãi, ngăn nắp, trật tự" đứng ở vị trí nào so với danh từ chính và bổ nghĩa thế nào cho danh từ ?

Các định ngữ "của chúng em" trong "*trường* của chúng em" ; "ngôi trường lợp lá cũ" trong "*nền* ngôi trường lợp lá cũ" ; "nhà", "vững chãi", "ngăn nắp", "trật tự" trong "một *tòa* nhà vững chãi, ngăn nắp, trật tự" đứng ở vị trí nào so với các danh từ chính và bổ nghĩa gì cho danh từ chính ?

1. Định ngữ có loại đứng trước và có loại đứng sau danh từ chính.

a) Định ngữ đứng trước bổ nghĩa cho danh từ chính về :

– khối lượng của sự vật.

Ví dụ :

Cả / thung lũng đẹp như một bức tranh thủy mạc.

– số lượng của sự vật.

Ví dụ :

Cò và Vạc là *hai* / anh em.

b) Định ngữ đứng sau bổ nghĩa cho danh từ chính về đặc điểm riêng của sự vật. Định ngữ đứng sau có thể do một từ hay nhiều từ ngữ tạo thành.

Ví dụ :

Trường / *của chúng em* mới xây trên nền / *ngôi trường lợp lá cũ*.

2. Danh từ trong câu có thể có nhiều định ngữ.

a) Có cả định ngữ đứng trước và định ngữ đứng sau danh từ chính.

Ví dụ :

Mỗi tổ ong là *một* / tòa / nhà / *vững chãi, ngăn nắp, trật tự.*

b) Có thể dùng nhiều định ngữ đứng trước và nhiều định ngữ đứng sau để bổ nghĩa cho một danh từ chính.

Ví dụ :

Tất cả những / học sinh / *học giỏi, có hạnh kiểm tốt của lớp em* đều được khen thưởng.

GHI NHỚ

Định ngữ có thể đứng trước hoặc đứng sau danh từ chính.

– Định ngữ đứng trước chỉ *khối lượng, số lượng*.

– Định ngữ đứng sau chỉ *đặc điểm*.

– Một danh từ trong câu có thể có nhiều định ngữ.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Tìm danh từ chính và định ngữ của danh từ đó trong các câu :

Một con quạ khát nước. Nó tìm thấy một cái lọ có nước.

**2. Quan sát tranh vẽ rồi đặt câu có định ngữ cho các danh từ chỉ sự vật ở trong tranh.

3. Đặt một câu có danh từ và có định ngữ bổ nghĩa cho danh từ đó.

B – Ở nhà

Cho đoạn văn sau :

"Ngay thềm lăng, *mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một hàng quân danh dự* đứng trang nghiêm. *Những cây chò nâu của đất Tổ* từ Vĩnh Phú về sóng đôi suốt dọc đường Hùng Vương".

Viết danh từ chính và định ngữ (trong những phần từ ngữ in nghiêng) vào bảng mẫu sau :

Định ngữ đứng trước	Danh từ chính	Định ngữ đứng sau

thuongmaitr

TIẾT 31

BỔ NGỮ

I – Bài học

Ví dụ :

– Dòng suối *xuyên / qua rừng*, suối *luồn / dưới đá*.

– Hai bờ suối, đồng bào miền núi *dựng / cối giã gạo, đặt / guồng dẫn nước vào ruộng*.

– Các thuyền đánh cá *đầy / ăm ắp* cập bến. Những con cá thu *dài / thuỗn thượt*. Những thúng cá trích *đầy / tận vành*.

Chú ý các từ ngữ in nghiêng :

– Trong các từ ngữ đó, từ nào diễn đạt ý chính ? Những từ đó thuộc từ loại gì ?

– Những từ không diễn đạt ý chính có tác dụng gì đối với các từ chính ?

uongxua.vn

1. Trong câu, động từ thường được các từ ngữ khác bổ sung thêm ý nghĩa (về đối tượng, thời gian, nơi chốn ... của hoạt động). Đó là các *bổ ngữ của động từ*.

Ví dụ :

– Dòng suối *xuyên qua rừng*.

– Đồng bào miền núi *dựng cối giã gạo*.

2. Trong câu, tính từ cũng thường được các từ ngữ khác bổ sung thêm ý nghĩa (về đối tượng, mức độ, v.v... của tính chất). Đó là các *bổ ngữ của tính từ*.

Ví dụ :

– Những con cá thu *dài thuỗn thượt*.

– Những thúng cá trích *đầy tận vành*.

GHI NHỚ

Bổ ngữ bổ nghĩa cho động từ hoặc tính từ trong câu.

Động từ (hoặc tính từ) nào trong câu cũng có thể có bổ ngữ.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Tìm động từ và bổ ngữ (của động từ ấy) :

– Mẹ vuốt tóc Thủy.

– Tiếng trống, tiếng gõ sạp nổi lên giòn giã và liên hồi.

– Chiếc phà sẽ vượt sông trong mười phút.

– Trăm cây trong vườn đều sinh ra từ đất.

2. Tìm tính từ và bổ ngữ (của tính từ ấy) :

– Mẹ Minh biếu bà ngoại một gói trà mạn ướp nhị sen thơm phưng phức.

– Sáng hôm nay, Việt đến trường chậm năm phút.

3. Đặt một câu có động từ (hoặc tính từ) và có bổ ngữ.

B – Ở nhà

1. Tìm các động từ (hay tính từ) thích hợp để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau đây :

"Ông tôi năm nay *đã ... lắm*. Răng ông rụng nhiều nên ông *không thể ... mía như tôi được*. Thế mà hôm nọ, ông *lại ... một cây ổi*, giống ổi Bo, quả to, thơm ngọt."

2. Đặt một câu có động từ (hay tính từ) và có bổ ngữ.

TIẾT 32

BỔ NGỮ

(Tiếp theo)

I – Bài học

Những bổ ngữ trong các ví dụ sau đây đứng ở vị trí nào so với từ chính :

– Mặt trời *đã* // lùi (dần) // *về chân núi phía tây*.

– Ngoài nương rẫy, lúa *đã* // chín // *vàng rực*.

1. *Bổ ngữ* có loại đặt trước và có loại đặt sau từ chính (là một động từ hay một tính từ).

Ví dụ :

Mặt trời *đã* // lùi (dần) // *về chân núi phía tây*.

2. Một động từ (hay tính từ) trong câu có thể có *một* hoặc *nhiều* bổ ngữ.

tuongxua.vn

– Nhiều bổ ngữ đặt trước từ chính.

Ví dụ :

(Các bạn của Minh) *cũng* / *đã* // có mặt // đông đủ / trong buổi học cuối năm.

– Nhiều bổ ngữ đặt sau từ chính.

Ví dụ :

(Tiếng trống, tiếng gõ sạp) nổi lên // *giòn giã* / và *liên hồi*.

(Ai) làm ra // *lúa gạo* /, *vàng bạc*, ai biết dùng thì giờ ?

GHI NHỚ

Bổ ngữ có loại đặt trước và có loại đặt sau từ chính.

Một động từ (hay tính từ) trong câu có thể có một hay nhiều bổ ngữ.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Tìm từ làm bổ ngữ đứng trước các động từ hoặc tính từ (in nghiêng) :

Mới ngày nào, lúa ... *vào dòng*. Ngoảnh đi ngoảnh lại, nay lúa ... *chín*.

**2. Tìm từ làm bổ ngữ đứng sau các động từ hoặc tính từ (in nghiêng) :

Dê Đen và Dê Trắng cùng *qua* ... Dê Đen *đi* ... Dê Trắng *đi*... Con nào cũng muốn tranh sang trước, không con nào *chịu nhường*... Chúng húc nhau, cả hai đều *rơi tòm*...

3. Đặt câu với một tính từ (có bổ ngữ).

B – Ở nhà

1. Tìm động từ và bổ ngữ của các động từ ấy trong đoạn văn sau :

"Chúng tôi đốt đống lửa và nằm nghỉ ngay trên bờ biển. Chiều xuống đẹp tuyệt vời. Nước biển xanh sẫm vỗ vào những tảng đá ở phía dưới, gần chỗ chúng tôi nằm. Trên đầu, trời xanh thăm thẳm, yên lặng và trang nghiêm".

2. Đặt câu với một động từ (có bổ ngữ).

thuongmaitr

TIẾT 33

ÔN TẬP CHƯƠNG IV VÀ CUỐI NĂM

I - Nội dung ôn tập

Thứ tự	Khái niệm	Nội dung
	CÁC BỘ PHẬN PHỤ TRONG CÂU	
1	**Trạng ngữ**	– bộ phận phụ bổ sung ý nghĩa cho bộ phận chính của câu (chủ ngữ – vị ngữ) về thời gian, nơi chốn, mục đích, nguyên nhân, v.v... – do một từ hoặc do nhiều từ ngữ tạo thành. – câu có thể có một hoặc nhiều trạng ngữ, hoặc không có trạng ngữ (nhưng phải có các bộ phận chính).
2	**Định ngữ**	– do một từ hoặc nhiều từ ngữ tạo thành, bổ nghĩa cho danh từ trong câu. – định ngữ có loại đứng trước danh từ (chỉ khối lượng, số lượng) ; có loại đứng sau danh từ (chỉ đặc điểm riêng). – một danh từ có thể có nhiều định ngữ.
3	**Bổ ngữ**	– do một từ hoặc nhiều từ ngữ tạo thành, bổ nghĩa cho động từ (hay cho tính từ) trong câu. – bổ ngữ có loại đứng trước, có loại đứng sau từ chính. – một động từ hay một tính từ có thể có nhiều bổ ngữ.

uongxua.vn

Sơ đồ cấu tạo câu có hai bộ phận chính :

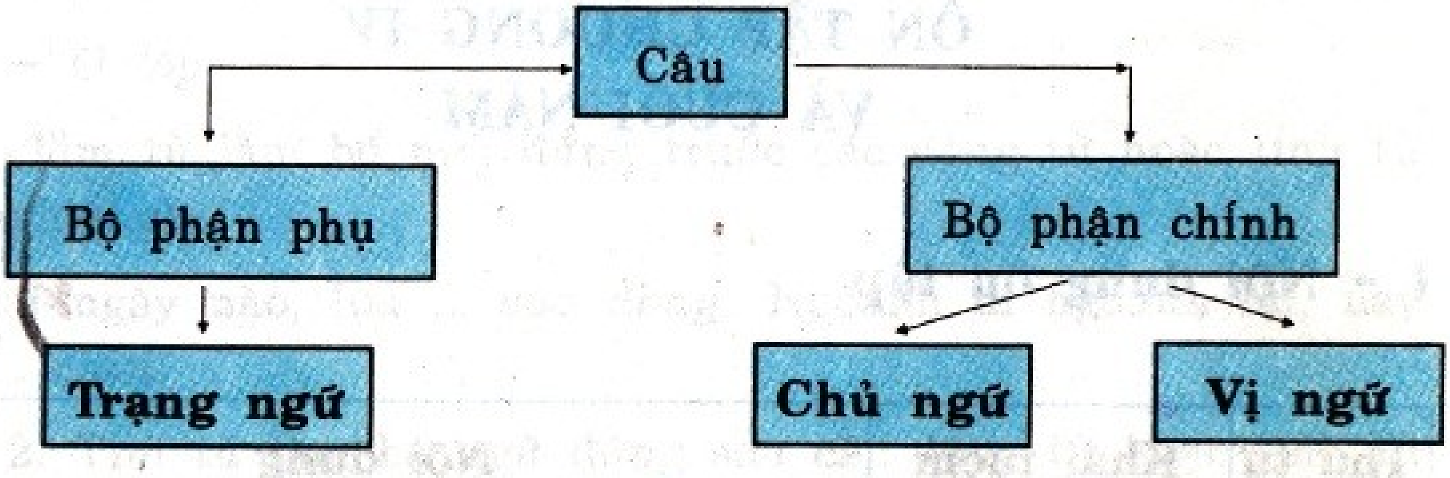

Sơ đồ vị trí của định ngữ và bổ ngữ so với từ chính trong câu :

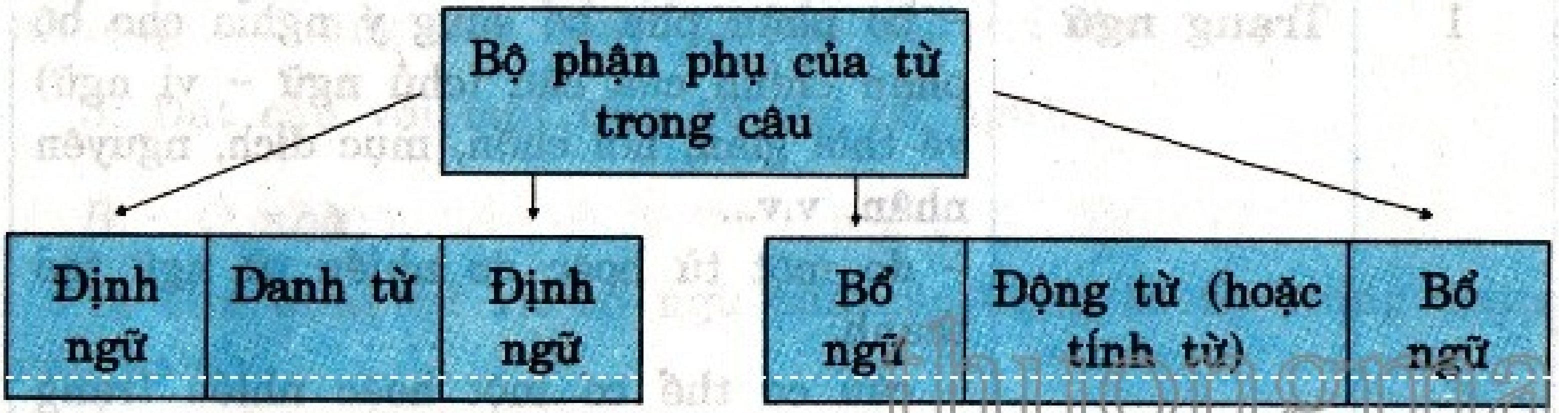

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Ghi lại các câu sau đây và thêm từ ngữ làm *định ngữ*, *bổ ngữ* cho rõ nghĩa :

Quyển sách // hay.
Bạn Việt // học tập.
Bút // hỏng.

2. Ghi lại câu sau và thêm từ ngữ làm *trạng ngữ* cho rõ nghĩa :

Một đơn vị bộ đội đang hành quân qua làng.

3. Tìm *chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ* của các câu trong đoạn văn :

"Mùa này, bãi ngô của hợp tác xã quê em rất xanh tốt. Mới dạo nào, những cây ngô còn lấm tấm như mạ non. Chỉ ít lâu

sau, ngô đã thành cây cao lớn. Quanh thân cây, những lá ngô rộng, dài trổ ra mạnh mẽ, nõn nà. Trên ngọn, một thứ búp như kết bằng nhung và phấn vươn lên".

(Nguyên Hồng)

B – Ở nhà

1. Phân tích bài tập 3 (mục A) theo yêu cầu :

– Viết các danh từ, động từ, tính từ theo 3 cột.

**– Những danh từ nào trong câu có *định ngữ* ? Nêu các định ngữ của từng danh từ.

**– Những động từ, tính từ nào trong câu có *bổ ngữ* ? Nêu các bổ ngữ của từng động từ, từng tính từ.

2. Đặt một câu gồm 2 từ (như các câu trong bài tập 1 mục A) rồi lần lượt :

– Thêm *định ngữ* bổ nghĩa cho từ làm chủ ngữ.

– Thêm *bổ ngữ* bổ nghĩa cho từ làm vị ngữ.

– Thêm *trạng ngữ* cho cả câu.

uongxua.vn

Phụ lục : MẪU PHÂN TÍCH NGỮ PHÁP MỘT CÂU ĐƠN BÌNH THƯỜNG

Trình tự các bước phân tích :

Tách câu thành 2 bộ phận : bộ phận chính và bộ phận phụ.

Tách chủ ngữ – vị ngữ (trong bộ phận chính) và trạng ngữ (trong bộ phận phụ) của câu.

Tách từ chính của bộ phận phụ trong chủ ngữ.

Tách từ chính của bộ phận phụ trong vị ngữ và trong trạng ngữ.

Tách các bộ phận phụ của từ chính trong câu (định ngữ và bổ ngữ)

Tách các từ (từ loại) dùng làm các bộ phận (chính và phụ) trong câu.

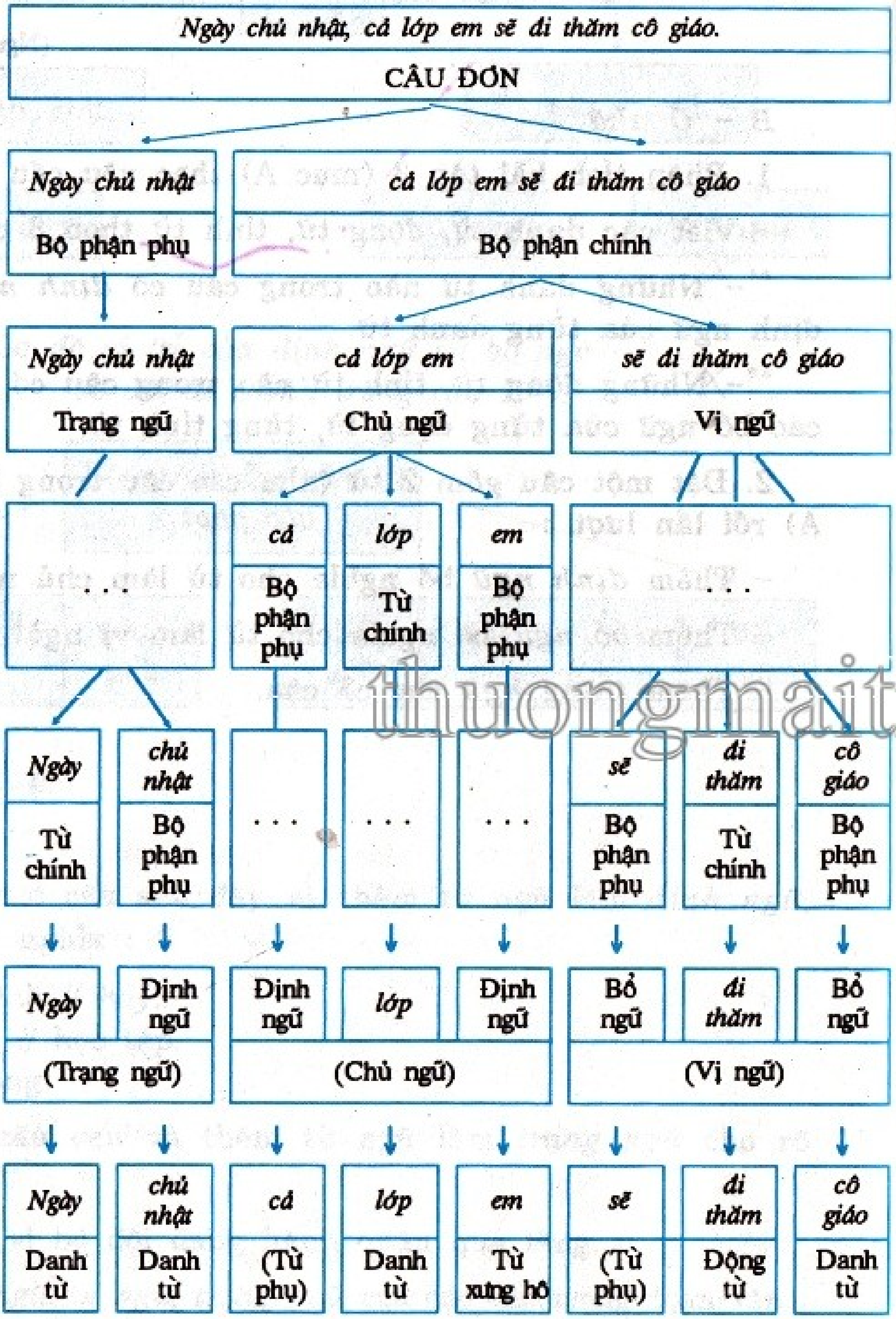

* *cả, sẽ :* từ phụ (thuộc các từ loại khác chưa học ở lớp 4).

** *em :* danh từ chỉ người dùng trong xưng hô như đại từ.

CHÍNH TẢ

TIẾT 18

CHÍNH TẢ *(trí nhớ)*

I – Bài viết : Hành quân giữa rừng xuân

(Viết cả bài)

II – Viết đúng

– rừng xuân, suối, ngụy trang, dõi, sá gì.

– vi vu, tiền tuyến, ba lô nặng, thánh thót.

III – Luyện tập

1. Điền vào chỗ trống : *s* hay *x* ?

Học ...inh ở kí túc ...á ; trạm ...á ở gần trụ ...ở Ủy ban nhân dân ...ã ; khám bệnh ở trạm ...á.

Phố ...á độ này ...ạch ...ẽ hơn trước.

2. Điền dấu thanh ? hoặc dấu thanh ~ vào các cụm từ có tiếng in nghiêng sau đây :

nơ hoa, sinh *nơ*, sao *nơ* như vậy, niềm *nơ*, nảy *nơ*, *nơ* một nụ cười, *nơ* lòng nào.

3. Đọc các thành ngữ :

– Xớm nắng chiều mưa
– Xẽ áo nhường cơm
– Sôi hỗng bỗng không
– Soay như chong chóng
– Xinh xau đễ muộn
– Sẽ núi ngăn sông
– So tài đọ xức
– Sem giỗ bỗ thóc

Tìm những tiếng viết sai chính tả (*s*, *x* và thanh ?, thanh ~) trong các thành ngữ trên rồi viết lại cho đúng.

tongxua.vn

TIẾT 19

CHÍNH TẢ *(so sánh)*

Phân biệt s / x

I – Bài viết : Về với Mẹ*

Chiếc tàu dẫn đầu đưa đàn con đi đày ải về với Mẹ đã xa tít ngoài khơi. Dắt díu theo sau là ba mươi chiếc ghe bồng bềnh lướt sóng.

Xa xa đất nước đã in hình một vệt dài xanh ngắt.

Suốt trong mấy giờ liền, chúng tôi đứng cả trên mạn xuồng lòng rạo rực. Còn bao nhiêu hơi sức, chúng tôi hát, hát cho vang mặt biển, hát cho át tiếng sóng và nhất là để che giấu xúc động.

(Trần Trung Kiên)

* Mẹ : Tổ quốc.

Đoạn văn này lược trích hồi kí của Trần Trung Kiên viết về các chiến sĩ cách mạng bị thực dân Pháp cầm tù ở Côn Đảo được giải phóng trở về Tổ quốc, khi Cách mạng tháng Tám 1945 mới thành công.

Nhận xét :

Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *s* hoặc *x* ?

II – Phân biệt

x	s
xa : xa gần, *xa* xôi, *xa* lạ, hỏa *xa*, *xa* xỉ.	*sa : sa* lầy, *sa* đà, *sa* thải, *sa* xuống, phù *sa*, *sa* mạc.
xanh : màu *xanh*, *xanh* xao, tuổi *xanh*, rau *xanh*, đậu *xanh*.	sanh : bảo *sanh*, sạch sành *sanh*.
xuồng : chèo xuồng, xuồng máy.	*suồng : suồng* sã.

xúc : xúc đất, *xúc* tép, *xúc* động, *xúc* tiến, *xúc* phạm.	*súc : súc* gỗ, *súc* vải, *súc* vật, gia *súc*, *súc* miệng.
xúc : xúc dầu, *xúc* nước hoa.	*sức : sức* khỏe, *sức* lực, *sức* học, *sức* sống.

III – Luyện tập

Điền vào chỗ trống : *s* hoặc *x* ?

– Nước sôi ; nước xúp ; thịt xá xíu ; bún xáo ; nóng sốt ; xôi đỗ xanh ; lạp xường ; sản xuất.

– Cây xanh ; cây sim ; cây xoài ; cây sung.

– Con sóc ; con ốc sên ; cá sấu ; con sò.

uongxua.vn

Con sóc

Con ốc sên

Con sếu

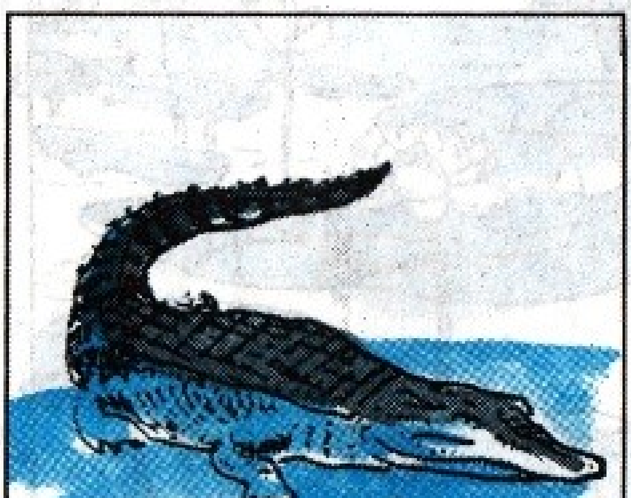

Con cá sấu

Ghi nhớ

1. Một số từ chỉ tên thức ăn có tiếng với phụ âm đầu viết *x* như : xôi, xà-lách, xúp, lạp xường, thịt xá xíu.

2. Một số từ chỉ tên cây và tên con vật có tiếng với phụ âm đầu viết s :

– cây : sen, sim, sung, si, sấu, sậy, sú, sanh, sến, sả ... (trừ xoan, xoài).

– vật : sóc, sên, sếu, sẻ, sậu, sò, sáo...

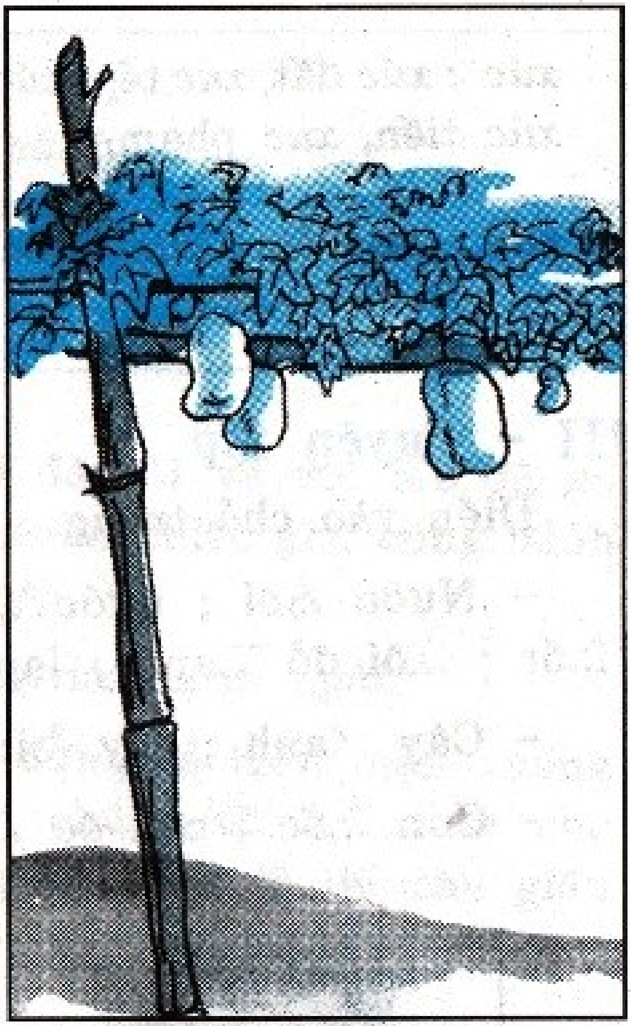

Giàn su su

Cây sen

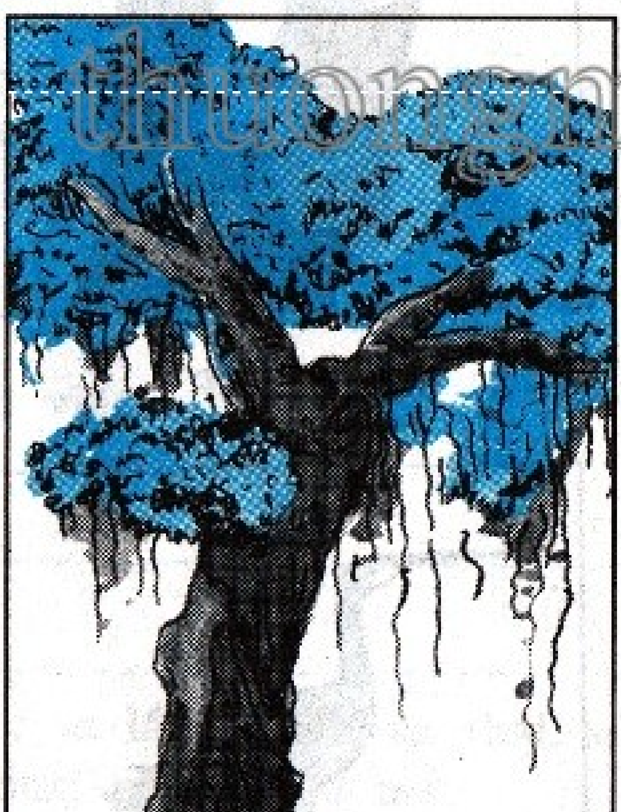

Cây si

TIẾT 20

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I – Bài viết : Chim rừng Tây Nguyên

("Những cơn gió nhẹ... hòa âm")

II – Viết đúng

Hồ I-rơ-pao, mênh mông, ríu rít, chao lượn, rợp mặt đất, hòa âm.

Trường Sơn, hàng trăm, chiếc đàn, chân vàng, mỏ đỏ, vỗ cánh, vi vu vi vút.

III – Luyện tập

1. Tìm 5 tiếng có phụ âm đầu viết *v* và *d* (hoặc gi). Ví dụ : *với, giới ; vệt, dệt* (vải) ...

2. Tìm 4 từ láy có phụ âm đầu viết *r* mô phỏng tiếng động. Ví dụ : *ríu rít.*

uongxua.vn

3. Tìm 5 tiếng có vần viết *oa*. Ví dụ : *hòa, dọa.*

4. Phân biệt : *vang, dang, giang.*

TIẾT 21

CHÍNH TẢ *(so sánh)*

Phân biệt ênh / ên

I – Bài viết

1. Không có việc gì khó
   Chỉ sợ lòng không bền
   Đào núi và lấp biển
   Quyết chí ắt làm nên.

2. Bác Hồ thức năm canh không ngủ,
   Nghe phong ba gào thét đá ghềnh

Vững tay lái ôi người thủy thủ
Đã từng quen bốn biển lênh đênh...

3. Tảng sáng, vòm trời cao, xanh mênh mông. Gió từ trên đỉnh núi tràn xuống mát rượi. Xế trưa, trời bắt đầu đổ mưa. Mưa như trút nước, hết trận này đến trận khác. Lúc các nhà ở hai bên đường đã lên đèn thì nước lũ lênh láng cả cánh đồng.

Nhận xét :

– Những tiếng nào có vần viết *ên* ?

– Những tiếng nào có vần viết *ênh* ?

II – Phân biệt

ên	ênh
bền : *bền* vững, *bền* chí, *bền* lòng, vải *bền*, *bền* màu.	*bềnh* : bồng *bềnh*, bập *bềnh*, lềnh *bềnh*, *bềnh* bệch.
lên : *lên* xuống, *lên* cân, *lên* đèn, *lên* đạn, *lên* dây, *lên* men, *lên* tiếng.	*lênh* : *lênh* đênh, *lênh* láng, *lênh* khênh, công *lênh*.
bên : *bên* phải, *bên* cạnh, *bên* này, *bên* kia, *bên* nội.	*bênh* : *bệnh* vực, bấp *bênh*.

III – Luyện tập

Tìm 3 từ có vần viết *ên*, 3 từ có vần viết *ênh*. (Không viết lại những từ đã có trong các mục trên).

TIẾT 22

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I – Bài viết : Trên đường chiến dịch

("Bộ đội lặng lẽ đi... Trời tối hẳn".)

thuongmaitr

II – Viết đúng

chiến dịch, lặng lẽ, loang lổ, co quắp, rũ rượi, chỉ trỏ, tiếng sắt, trời tối hẳn.

III – Luyện tập

1. Tìm 5 từ có "q" đứng đầu. Ví dụ : quả, quân đội.

Nhận xét xem "q" thường đứng trước nguyên âm nào, vần nào ?

2. Tìm 5 từ có vần viết *oang*. Ví dụ : loang tin,...

3. Điền vào chỗ trống : *tr* hay *ch* ?

...iến dịch, ...iến sĩ, ...iến hữu, giao ...iến, ...iến ...inh, ...iến ...ận, ...iến ...ường, ...iến ...anh, ...iệu ...ứng, ...ong ...áng.

TIẾT 23

CHÍNH TẢ *(trí nhớ)*

tuongxua.vn

I – Bài viết : Nghệ nhân Bát Tràng

(Viết cả bài)

II – Viết đúng

– Nghệ nhân Bát Tràng, nở đầy sắc hoa, lũy tre đầu xóm, bút chao, gợn nước.

– lá trúc, tròn trĩnh, lất phất, lăn tăn.

III – Luyện tập

1. Điền vào chỗ trống : *l* hay *n* ?

đất cao ...anh, răng ...anh, bay ...ả bay ...a, xây thành đắp ...ũy.

2. Điền vần : *oa* hay *a* ?

– t... nhà đồ sộ, chiếu t..., t... án, t... áo, học sinh t... ra khắp các nẻo đường.

– x... tay, đường x..., tóc x..., cười x..., x... phòng, h... hồng.

TIẾT 24

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I – Bài viết : Bắt giặc lái Mĩ

("Một cái phản lực... không bỏ mồi")

II – Viết đúng

– chuồn ra biển, máy bay, tốp chanh, giặc lái, F4

– cái vung nồi, gầm rú, dữ dội, chung quanh

III – Luyện tập

1. Điền vào chỗ trống :

– *ch* hay *tr* : bức ...anh đẹp, quả cam ... anh, đứng ...ung quanh, ...ung với nước, con ...uồn ...uồn.

– *d/gi* hay *r* : máy bay ...ính đạn, băng ...ính, vang ...ội, ...ội nước, gầm ...ú, gà ...ù.

2. Tìm 5 từ có vần viết *uôn*, 5 từ có vần viết *uông*. Ví dụ : chuồn chuồn, nỗi buồn ; chuồng gà, buồng chuối ...

3. Phân biệt : *rời*, *dời*.

TIẾT 25

CHÍNH TẢ *(so sánh)*

Phân biệt ươu / ưu / iu / iêu / êu

I – Bài viết : Hươu và Rùa

Hươu và Rùa, con sống trong rừng, con sống dưới nước, nhưng rất thân nhau.

Một hôm, trời về chiều, gió thổi hiu hiu. Hươu đi ăn, chẳng may trúng cạm của người dưới bản. Hươu cố giãy giụa, nhưng không tài nào thoát ra được. Hươu kêu cứu vang cả núi rừng.

Rùa ở dưới nước nghe tiếng Hươu kêu cứu, vội vã bơi vào bờ tìm cách cứu Hươu thoát nạn.

(Hoàng Hạc)

– *Cạm* (có nơi gọi là *bẫy*) : dụng cụ để nhử bắt các loài vật.

Nhận xét :

Những tiếng nào có vần viết *ươu, ưu, iu, iêu, êu* ?

II – Phân biệt

Đọc đúng, viết đúng chính tả các từ có vần viết *ươu, ưu, iu, iêu, êu* sau đây :

Vần / Phụ âm đầu	ươu	ưu	iu	iêu	êu
h	(con) *hươu*	về *hưu*	(gió thổi) *hiu hiu*	(có) *hiếu*	trắng *hếu*
kh	(con) *khướu*	*khứu* giác	*khíu* áo	(năng) *khiếu*	*khêu*
k			*kỉu* kịt	*kiêu* ngạo	*kêu*
b	(cái) *bướu* *bươu* đầu (ốc) *bươu*	*bưu* điện	*bíu* chặt	*biếu* quà	*bêu* nắng *bêu* xấu

uongxua.vn

III – Luyện tập

Điền vào chỗ trống :

– *ưu* hay *iu* : ngượng ngh... ; m... trí ; quả l... đạn ; cái r...

– *ưu* hay *ươu* : con kh... ; con ốc b... ; xe cấp c...

– *iêu* hay *iu* : đ... hát ; đ... bộ ; th... th... ngủ ; phì nh..., gió thổi h... h...

** – *êu, iu, iêu, ưu* hay *ươu* :

chiếc khăn th... ; buồn th... buồn th... ; buổi ch... ; cánh d... ; nắng d... d... ; cao l... đ... ; chai r... ; l... luyến.

Con ốc b...

thuongmaitr

Chai r...

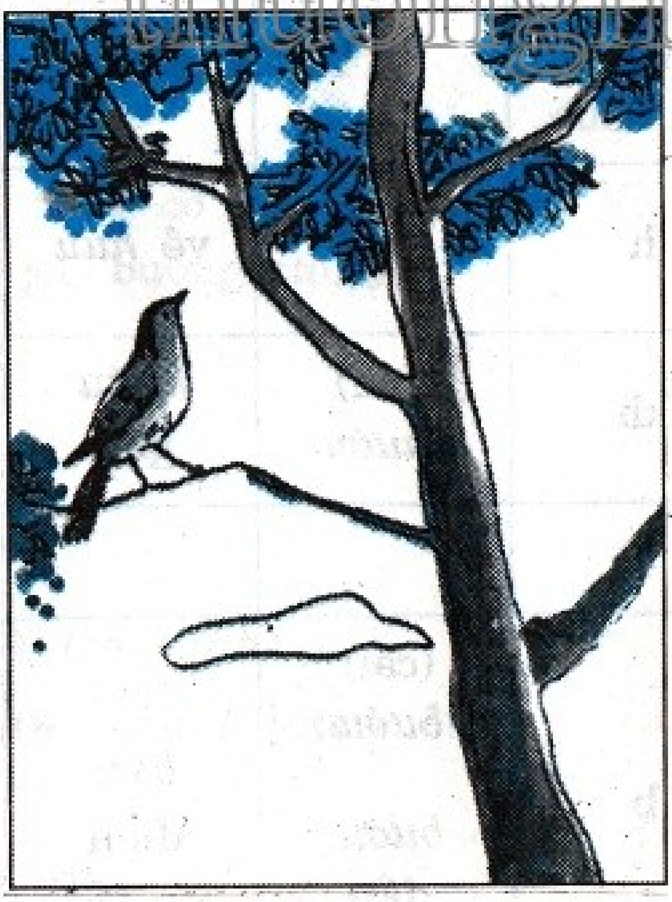

Con kh...

TIẾT 26

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I – Bài viết : Đi làm nương

("Trên nương mỗi người... ngủ lại trong lều")

II – Viết đúng

– đi làm nương, ven suối, thổi cơm, cúi lom khom, địu ấm, trong lều.

– đánh trâu ra cày, nhặt cỏ, tra ngô.

III – Luyện tập

1. Điền vào chỗ trống :

– *s* hay *x* : chiếc bè trôi ...uôi dòng, dòng ...uối, tiếng chó ...ủa trong nắng ...ớm như ...ua tan màn ...ương mai màu ...ám đục.

– *om* hay *ơm, ôm* :

con đ... đ..., sáng s... ; đ... trắng ; đ... cá.

trông n..., con cái, gió n... ; lo n... nớp ; cúi l... kh... ; cua bò l... ng...

uongxua.vn

2. Tìm 5 từ có vần viết *ay*, *ây*.

Ví dụ : – cái cày, ...

– con cấy, ...

3. Tìm :

– 2 từ láy có phụ âm đầu viết *nh* (nhùng nhằng).

– 2 từ láy có phụ âm đầu viết *d* (dông dài).

– 2 từ láy có phụ âm đầu viết *gi* (giãy giụa).

TIẾT 27

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I – Bài viết : Miền Tây gặt lúa

("Một buổi sớm... từng nhà")

II – Viết đúng

– buổi sớm, ướt đẫm sương, nặng trĩu, lắt lẻo, rất sắc, bóc hết vỏ, gùi.

– ra nương, cỏ may, gốc cây, thoăn thoắt, xúm lại.

III – Luyện tập

1. Những cặp từ sau đây giống nhau, khác nhau thế nào ?

sai – xai ; sếp – xếp ; cúi – cuối ; mũi – muối ; rạ – dạ – giạ ; rai – giai – dai ; ...

2. Tìm 3 từ có vần viết *op*, 3 từ có vần viết *ơp* và 3 từ có vần viết *ôp*.

(Ví dụ : lớp học, đất xốp, con cọp).

3. Tìm các từ viết sai phụ âm đầu *tr, ch* trong 2 khổ thơ sau rồi viết lại cho đúng :

Quê hương là trùm khế ngọt
Cho con chèo hái mỗi ngày
Quê hương là đường đi học
Con về rợp bướm vàng bay

... Quê hương là cầu che nhỏ
Mẹ về nón lá nghiêng tre
Quê hương là đêm chăng tỏ
Hoa cau rụng chắng ngoài hè.

TIẾT 28

CHÍNH TẢ *(so sánh)*

Phân biệt l / n

I – Bài viết : Chị Chấm

Không thể lẫn lộn chị Chấm với bất cứ người nào khác. Chị có một thân hình nở nang rất cân đối. Hai cánh tay béo lẳn, chắc nịch, hai vai tròn và cái cổ cao. Đôi lông mày không tỉa

bao giờ, nó mọc lòa xòa tự nhiên, làm cho đôi mắt sắc sảo của chị dịu dàng đi.

Chị Chấm mộc mạc như hòn đất. Hòn đất ấy bầu bạn với nắng với mưa để cho cây lúa mọc lên hết vụ này qua vụ khác, hết năm này qua năm khác.

Đào Vũ
(Cái sân gạch)

Nhận xét :

1. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *l, n* ?
2. Những từ láy nào có tiếng viết với thanh hỏi (?) ?
3. Những từ láy nào có tiếng viết với thanh ngã (~) ?

II – Phân biệt

tuongxua.vn

1. Đọc đúng, viết đúng các từ có phụ âm đầu viết *l, n* :

l	n
– *lộn :* lẫn *lộn, lộn* ngược, *lộn* nhào, *lộn* sòng, *lộn* xộn.	– *nộn :* phì *nộn.*
– *lở :* đất *lở, lở* loét, vỡ *lở.*	– *nở :* hoa *nở*, gà *nở, nở* mặt *nở* mày, niềm *nở,* nức *nở.*
– *lang :* thầy *lang*, khoai *lang, lang* sói, hành *lang.*	– nang : nở *nang,* mo *nang*, nể *nang*, cẩm *nang.*
– *lắng : lo lắng, lắng* xuống, *lắng* nghe, *lắng* tai.	– *nắng :* trời *nắng, nắng* ráo, *nắng* nôi.

2. Đọc đúng, viết đúng các từ có tiếng viết với thanh ?, thanh ~ :

?	~
– *lẩn* : *lẩn* trốn, *lẩn* lút, *lẩn* quất, *lẩn* thẩn.	– *lẫn* : *lẫn* lộn, *lẫn* cẫn, giúp đỡ *lẫn* nhau, trộn *lẫn*, cả già *lẫn* trẻ.
– *nở* : (xem trên) phân biệt *lở* với *nở*.	– nỡ : *nỡ* nào, không *nỡ*.

III – Luyện tập

Viết lại cho đúng những từ ngữ có các tiếng đã so sánh, phân biệt trong mục II trên đây.

Ghi nhớ

1. Một số từ đơn (một tiếng) dùng để chỉ trỏ có phụ âm đầu *n* (không viết với *l*). Ví dụ : *này, nọ, ni, nó, nào*.

2. Phụ âm *l* thường đứng trước những vần bắt đầu bằng *oa, oe, uâ, uy* (Ví dụ : *mù lòa, loăng quăng, lòe loẹt, luân phiên, lũy tre*).

thuongmaitr

TIẾT 29

CHÍNH TẢ *(trí nhớ)*

I – Bài viết : Qua cầu sông Đuống

(Viết cả bài)

II – Viết đúng

– sông Đuống, máy Diêm, ghẹo, khung trời, sáng sao.

– gỗ, ngủ, cửa, giữa, vẫn, mở.

III – Luyện tập

1. Tìm dấu thanh thích hợp cho các tiếng in nghiêng trong những từ sau :

– *cô* họng, *cô* lòng, *cô* xe, *cô* áo, ăn *cô*, *cô* gắng, truyện *cô*, xe *cô*, *cô* vũ.

2. Điền vào chỗ trống : *im* hay *iêm* ?

hoa s..., quả hồng x..., tiết k..., ch... bao.
ngọt l..., thanh k..., con nh..., l... khiết.

Lúa ch... lấp ló đầu bờ
Hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên.

TIẾT 30

CHÍNH TẢ (*so sánh*)

Phân biệt an / ang

I – Bài viết

Chim vàng anh

Một buổi sớm mùa hè rực rỡ, trên cành cây vải cao nhất vượt lên giữa bầu trời xanh thẳm, có một đàn vàng anh con đậu. Đàn chim sắc lông chưa óng ánh vì chưa trải qua nắng gió. Đàn chim tung cánh bay chuyền theo chim bố, chim mẹ, từ cây này sang cây khác. Chúng chuyền lên ngọn bạch đàn cao nhất như muốn từ đó nhìn bao quát xóm làng... Bỗng đâu một đàn vàng anh khác không biết từ nơi nào đến bay ngang qua. Tức thì đàn chim con tung cánh bay nhập vào thành một đàn lớn.

Nguyễn Quỳnh
(*Bầu trời ngoài cửa sổ*)

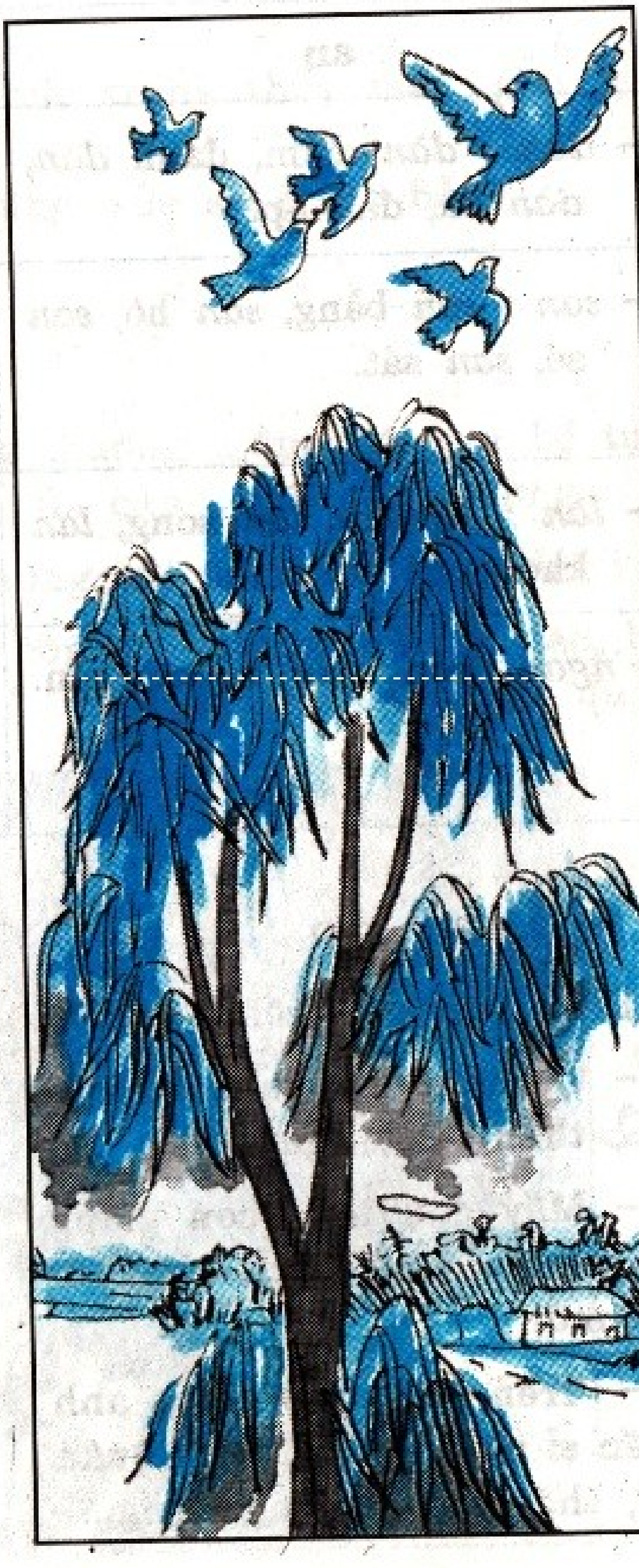

Đàn chim v*àng* anh đ*ang* bay lượn.

truongxua.vn

Nhận xét :

1. Những tiếng nào có vần viết *an, ang ?*

2. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *ch, tr ?*

II – Phân biệt

Đọc đúng, viết đúng các từ có vần viết *an*, *ang* :

an	ang
– *dàn : dàn* chim, đánh *dàn*, *dàn* bà, đàn áp.	– *dàng : dàng* hoàng, *dàng* - đường.
– *san : san* bằng, *san* hô, *san* sẻ, *san* sát.	– *sang : sang* sông, *sang* trang, *sang* tên, *sang* sáng, *sang* trọng, *sang* sảng.
– *làn : làn* tre, *làn* sóng, *làn* khói.	– *làng : làng* xóm, *làng* nước, *làng* nhàng.
– *ngan :* con *ngan*, *ngan* ngán.	– *ngang :* chiếu *ngang*, *ngang* sức, *ngang* hàng, *ngang* ngược, hiên *ngang*.

III – Luyện tập

Điền vào chỗ trống : *an* hoặc *ang* ?

– Ở thành phố quê hương tôi, nhà cửa s... sát, phố xá dọc ng... thẳng h... ngay lối.

– Mấy chú ng... con giăng hàng ng... lạch bạch chạy đi tìm mồi.

– Trên đài qu... sát, anh chiến sĩ nhìn s... trận địa quân thù, thấy xe pháo ngổn ng...

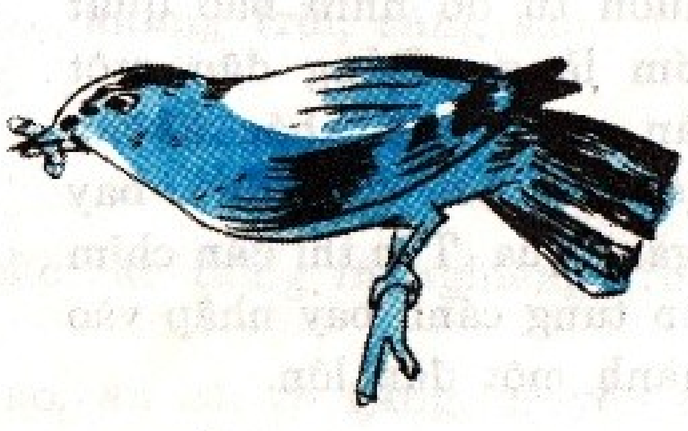

Chim v... anh đ... tha mồi.

thuongmaitr

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I – Bài viết :

Một ngày ở Đê Ba

("Sáng sớm ... dệt vải")

II – Viết đúng

– sương tan dần, chóp núi, bức tranh thủy mạc, giặt giũ, ché rượu cần, khung cửi.

– sáng sớm, lượn lờ, thung lũng, sửa soạn, gỡ bẫy.

III – Luyện tập

1. Điền vào chỗ trống :

– *s hay x :* Buổi ...áng trong ...ương ...ớm, các em bé tuổi ...àn ...àn như nhau đang ...ắp ...ửa cắp ...ách đến trường.

Các bà, các chị ...ửa ..oạn khung cửi để ...ẵn ...àng dệt vải.

– *ay hay ây :* Sáng d..., trời còn đ..̃. sương mù d..̃. đặc, b..̉. anh thanh niên đã đi b..̃. gà, b..̃. chim để làm món thịt qu...

Phụ nữ ...uây ...uần ...ặt ...ũ ...anh ...ếng nước.

truongxua.vn

2. Tìm 3 tiếng có vần viết "*ưi*", 3 tiếng có vần viết "*ươi*".

Ví dụ : *gửi* (thư), *cười*.

3. Phân biệt : *vải*, *vãi*.

Dệt ...

C... ngựa đi săn

TIẾT 32

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I – Bài viết : Con ngan nhỏ

... Con ngan nhỏ mới nở được ba hôm, trông chỉ to hơn cái trứng một tí. Nó có bộ lông vàng óng. Một màu vàng đáng yêu như màu những con tơ non mới guồng. Nhưng đẹp nhất là đôi mắt với cái mỏ. Đôi mắt chỉ bằng hột cườm, đen nhánh hạt huyền lúc nào cũng long lanh đưa đi đưa lại như có nước làm hoạt động hai con ngươi bóng mỡ. Một cái mỏ màu nhung hươu vừa bằng ngón tay đứa bé mới đẻ và có lẽ cũng mềm mại như thế, mọc ngay ngắn trước cái đầu xinh xinh vàng xuộm. Ở dưới bụng, lủn chủn hai chân bé tí màu đỏ hồng.

(Tô Hoài)

II – Viết đúng

truongxua.vn

mới nở, bộ lông, long lanh, lủn chủn, vàng xuộm, cái trứng, hạt huyền, nhung hươu.

III – Luyện tập

1. Tìm 3 tiếng có phụ âm đầu viết *tr* và 3 tiếng có phụ âm đầu viết *ch*.

2. Tìm phụ âm đầu hoặc vần thích hợp để điền vào chỗ trống của các tiếng trong bài "Tiếng đàn Ba-la-lai-ca trên sông Đà" :

...ên ...ông ...à

Một đêm ...ăng ...ơi vơi

Tôi đã ...e tiếng B... la-lai ...a

Một ...ô gái ...a mái tóc m̀... hạt ...ẻ

..ón t... đan ...ên những ...ợi dây đồng.

TIẾT 33

CHÍNH TẢ *(kiểm tra học kì II)*

Bài viết : **Những cánh bướm bên bờ sông**

(Có thể viết một bài khác)

thuongmaitr

TẬP LÀM VĂN

TIẾT 18

TẢ CẢNH

(Làm văn miệng ở lớp)

I – Đề bài

Tả quang cảnh trường em trước buổi học.

II – Hướng dẫn

1. Yêu cầu của đề bài là tả *cảnh khu trường em trước buổi học*. Đó là cảnh khu trường : các lớp học, văn phòng, sân trường, vườn trường, v.v...

Em phải nắm chắc yêu cầu của đề bài. Trước tiết học, em chọn một vị trí thích hợp để quan sát trực tiếp khu trường. Vị trí quan sát của em có thể từ xa đến gần hoặc ngược lại. Em quan sát bao quát toàn cảnh rồi quan sát lần lượt đến từng bộ phận : cảnh cần chú ý nhiều hơn là khu vực các lớp học và tiếp theo là cảnh văn phòng, sân trường, vườn trường, v.v...

2. Khi quan sát, cần thấy được những nét nổi bật, đặc sắc, hoặc những nét gợi ra được kỉ niệm thân thiết đáng nhớ của em về nhà trường. Em ghi chép vào vở nháp những điều quan sát được :

a) Các đặc điểm cụ thể (toàn cảnh hay bộ phận) về hình khối, kích thước, màu sắc, hương vị, âm thanh v.v...

b) Những cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, thích thú v.v... khi ngắm nhìn cảnh trường.

c) Những suy nghĩ, mong ước của em đối với trường (trước mắt và sau này).

3. Quan sát xong em làm dàn bài (xem ở mục III – Ghi nhớ) vào vở nháp. Trong phần Thân bài, em chọn lọc sắp xếp

truongxua.vn

những điều đã ghi chép được thành một dàn ý chi tiết, cụ thể, theo một trình tự hợp lí về khung cảnh chung và diễn biến cảm xúc của em.

III – Ghi nhớ

1. Yêu cầu của bài văn miệng : dùng lời nói trôi chảy, có hình ảnh để tả, làm cho người nghe hình dung được quang cảnh trường em và những cảm xúc của em đối với trường.

2. Yêu cầu của dàn bài :

– Mở bài : Giới thiệu cảnh sẽ tả (Ở đâu ? Vào lúc nào ? Vào dịp nào ?).

– Thân bài : Tả bao quát toàn cảnh (những nét chung, nét nổi bật).

Tả từng cảnh (bộ phận) theo trình tự hợp lí.

– Kết luận : Nêu cảm xúc và suy nghĩ của em về trường.

TIẾT 19

TẢ CẢNH

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Tả quang cảnh trường em trước buổi học.

II – Hướng dẫn

Trong tiết học, theo sự chỉ dẫn của thầy giáo (cô giáo), sau khi sửa chữa, bổ sung, em chuyển dàn bài chi tiết đã chuẩn bị ở tiết làm văn miệng thành bài văn hoàn chỉnh, chép vào vở Tập làm văn.

Trước khi nộp bài cho thầy giáo (cô giáo) chấm, em phải đọc kĩ và sửa lỗi chính tả, lỗi dùng từ, đặt câu... để bài văn được hoàn hảo.

thuongmaitr

III – Ghi nhớ

Trong bài văn tả cảnh, tuy yêu cầu tả thiên nhiên là chính, nhưng cũng nên kết hợp tả thêm đôi nét về sự hoạt động của người. Cảnh luôn luôn gắn bó với tình. Vì vậy, nên kết hợp nêu cảm nghĩ trong khi miêu tả.

TIẾT 20

TẢ CẢNH

(Trả bài làm văn viết)

I – Đề bài

Tả quang cảnh trường em trước buổi học.

II – Hướng dẫn

Em theo dõi lời nhận xét của thầy giáo (cô giáo) và ghi vào vở Tập làm văn. Rút kinh nghiệm về :

- Cách quan sát, tìm ý, lập dàn bài.
- Kết hợp tả cảnh với tả tình.
- Những lỗi cần tránh về chính tả, dùng từ, đặt câu, bố cục.

Tìm đọc các bài làm được điểm cao của các bạn.

uongxua.vn

TIẾT 21

TẢ CẢNH

(Làm văn miệng ở lớp)

I – Đề bài

Tả ngôi nhà em đang ở.

II – Hướng dẫn

1. Để chuẩn bị cho tiết học, em phải nắm yêu cầu của đề bài, rồi quan sát kĩ ngôi nhà (hoặc căn phòng) em đang ở (thực hiện trước tiết học). Em ghi nhớ những điều quan sát được, chú ý xem nhà em ở có những đặc điểm gì về vị trí, hình dáng, kích thước, chất liệu xây dựng... ; về sự sắp đặt nơi ăn ở, làm việc, học tập... ; về cách bày biện đồ đạc, cách trang trí... Góc nào em được sử dụng nhiều nhất hoặc thấy thích thú hơn, em nên quan sát và ghi nhớ kĩ. Cần gắn liền các nhận xét với những cảm xúc của em.

2. Em suy nghĩ chọn một trình tự miêu tả thích hợp để sắp xếp các điều đã nhận xét được và lập một dàn bài chi tiết gồm ba phần : Mở bài – Thân bài – Kết luận.

Trong phần Thân bài, em có thể ghi xen kẽ thêm nhận xét về sinh hoạt thường ngày của những người trong ngôi nhà. Sau đó, em ghi dàn bài chi tiết vào vở nháp.

thuongmaitr

TIẾT 22

TẢ CẢNH

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Tả ngôi nhà em đang ở.

II – Hướng dẫn

Em sửa và bổ sung dàn bài ở tiết Tập làm văn miệng rồi viết thành bài văn hoàn chỉnh vào vở Tập làm văn.

Trước khi nộp bài cho thầy giáo (cô giáo) chấm, em phải đọc kĩ lại và sửa các lỗi như những bài làm văn viết trước.

TIẾT 23

TẢ CẢNH

(Trả bài làm văn viết)

I – Đề bài

Tả ngôi nhà em đang ở.

II – Hướng dẫn

– Thực hiện như các lần trả bài trước.

– Chú ý cách nêu cảm xúc trong khi miêu tả.

TIẾT 24

TẢ CẢNH

(Làm văn miệng ở lớp)

I – Đề bài

Tả con đường quen thuộc từ nhà em đến trường.

tuongxua.vn

Con đường quen thuộc từ nhà em đến trường.

II – Hướng dẫn

1. Yêu cầu của đề bài là tả con đường quen thuộc từ nhà em tới trường với cảnh cây cối, nhà cửa và các cảnh vật khác ở hai bên đường.

2. Em quan sát trực tiếp con đường, đoạn đường định tả (thực hiện trước tiết học), xem nó có những đặc điểm gì về hình dáng, kích thước, chất liệu ... từ mặt đường, lề đường đến cảnh vật hai bên đường. Đoạn đường nào, cảnh vật nào làm em chú ý nhiều nhất và thân thiết đối với em.

3. Em suy nghĩ, chọn trình tự miêu tả thích hợp để sắp xếp các ý đã tìm được thành dàn bài chi tiết (ghi dàn bài này vào vở nháp).

4. Một số gợi ý để quan sát và tìm ý cho bài làm văn miệng :

– Hình dáng và kích thước con đường : đường dài, ngắn, to, nhỏ, thẳng tắp hay quanh co, khúc khuỷu...

– Cấu tạo : mặt đường, lề đường, hè đường...

– Cảnh vật hai bên đường : cây cối hay cánh đồng, sông ngòi, mương máng, nhà cửa...

– Cảnh trên đường vào thời điểm cụ thể mà em định tả : người và xe cộ đi lại nhộn nhịp hay thưa thớt ?

– Kết hợp với quan sát, em có thể nhớ lại những kỉ niệm mà em đã gắn bó với con đường.

TIẾT 25

TẢ CẢNH

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Tả con đường quen thuộc từ nhà em đến trường.

thuongmaitr

II - Hướng dẫn

Thực hiện như các bài làm văn viết trước. Chú ý không biến bài văn miêu tả cảnh vật thành bài kể lể các điều trông thấy trên con đường.

TIẾT 26

TẢ CẢNH

(Trả bài làm văn viết)

I - Đề bài

Tả con đường quen thuộc từ nhà em tới trường.

II - Hướng dẫn

- Thực hiện như các lần trả bài trước.
- Chú ý cách tả cảnh vật : nêu hình ảnh, màu sắc, cảm xúc...

uongxua.vn

TIẾT 27

TẢ CẢNH

(Làm văn miệng ở lớp)

I - Đề bài

Tả vườn rau (hoặc vườn hoa) gần nơi em ở.

II - Hướng dẫn

1. Đề bài yêu cầu chọn 1 trong 2 đối tượng để tả : vườn rau hoặc vườn hoa. Với học sinh ở thành phố, thị xã, thị trấn, nên tả vườn hoa. Còn với học sinh ở ngoại thành, nông thôn thì nên tả vườn rau.

2. Quan sát trực tiếp và ghi chép những điều nhận xét được (thực hiện trước tiết học).

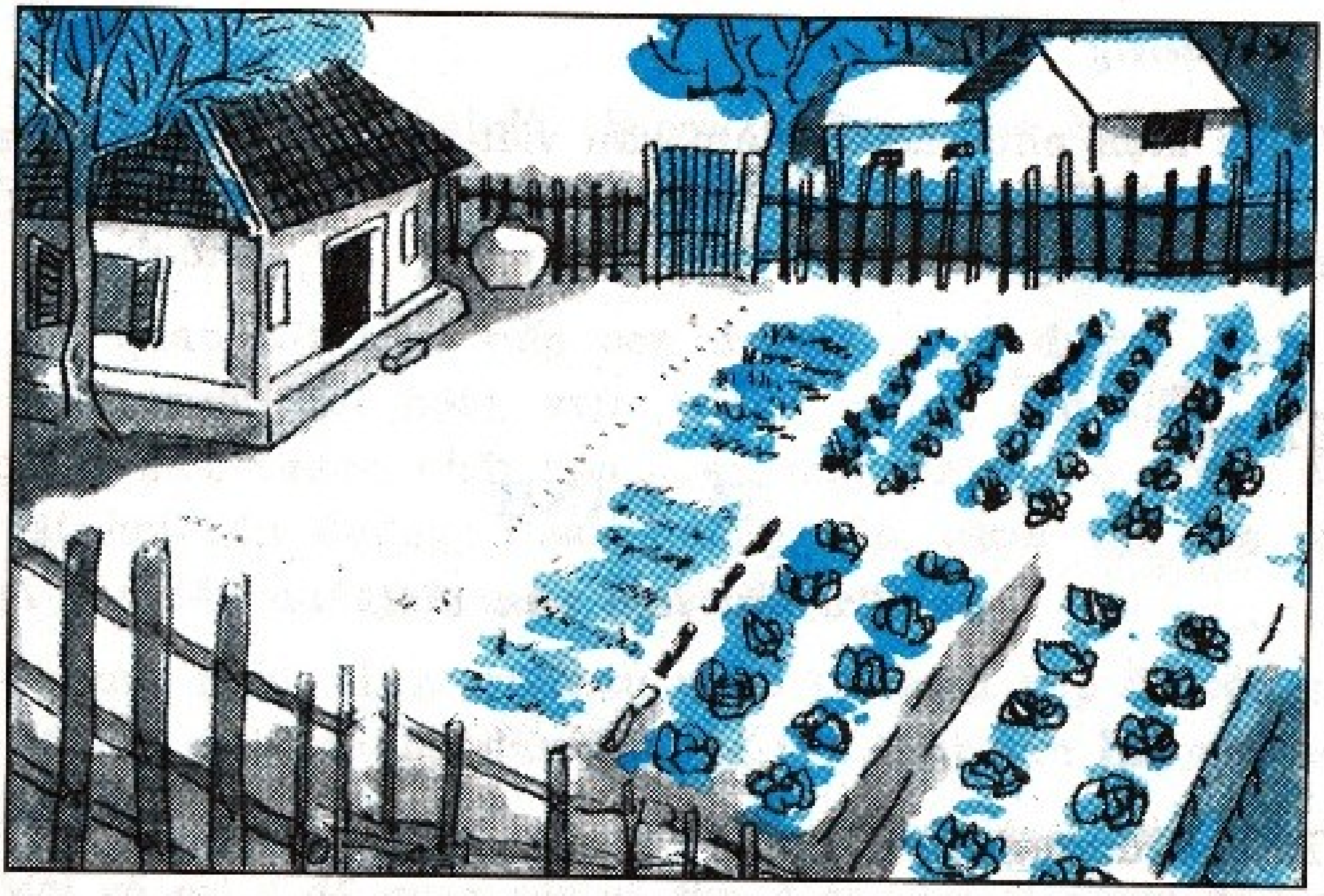

Vườn rau

3. Chọn lọc, sắp xếp các ý đã tìm được thành dàn bài chi tiết (ghi vào vở nháp).

Cảnh mà đề bài yêu cầu tả là một vườn rau hoặc vườn hoa. Vườn thường được chia thành nhiều khu vực, nhiều luống, trồng những giống rau (hoa) khác nhau.

thuongmaitr

Em cần suy nghĩ chọn một vị trí quan sát, một trình tự miêu tả thích hợp để tả đủ các loại cây có trong vườn. Mặt khác, em cần chọn để tả kĩ một khu (luống), một thứ cây chính. Khi tả, không những tả rõ hình dáng, màu sắc... của cây, lá, hoa... mà còn chú ý tả cả hương thơm của hoa và vẻ tươi mát của lá...

4. *Gợi ý*

Dàn bài làm văn miệng :

1. Mở bài

Giới thiệu vườn rau (hoặc vườn hoa) : Vườn của ai ? Tên gọi (nếu có) ? Ở đâu ? Em đến đó vào lúc nào, để làm gì ?

2. Thân bài

– Tả bao quát : Đặc điểm chung của cả khu vườn (hình dạng, kích thước, bờ rào, tường chắn xung quanh).

– Tả chi tiết : Cách phân chia, sắp xếp các khu vực, các luống (cùng một loài cây hoặc xen một số loài cây), lối đi lại.

– Vườn trồng rau gì (hoặc hoa gì) ? Rau (hoa) tươi tốt ra sao ? Hình dáng, màu sắc, hương vị nổi bật của mỗi loại rau (hoa).

– Tả cảnh người chăm sóc cây rau (hoa), có thể tả xen kẽ vào những ý trên.

3. Kết luận

Cảm nghĩ (hoặc những ấn tượng, kỉ niệm) của em về vườn rau (hoa).

TIẾT 28

TẢ CẢNH

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Tả vườn rau (hoặc vườn hoa) gần nơi em ở.

truongxua.vn

II – Hướng dẫn

Thực hiện như các bài làm văn viết trước. Chú ý cách dùng từ tả *màu sắc, hương thơm*.

TIẾT 29

TẢ CẢNH

(Trả bài làm văn viết)

I – Đề bài

Tả vườn rau (hoặc vườn hoa) gần nơi em ở.

II – Hướng dẫn

Thực hiện như các lần trả bài trước.

III - Giới thiệu một số đề bài tả cảnh

1. Ở quê em, có một công trình mới xây dựng xong (có thể là ngôi trường, trạm y tế, hoặc nhà văn hóa, v.v...) mái ngói đỏ tươi, tường vôi trắng xóa. Em hãy tả lại.

2. Cánh đồng lúa và hoa màu quê em xanh tốt mượt mà. Em hãy tả lại cánh đồng đó vào một buổi sáng đẹp trời.

3. Quê m lúa đang mùa chín rộ. Nhìn cánh đồng lúa chín ai cũng thấy đẹp, thấy vui. Hãy tả cảnh đồng lúa chín quê em.

4. Ngày chủ nhật, em được bố cho đi tham quan một cảnh đẹp (ví dụ : *ngôi chùa cổ, nhà bảo tàng, công viên, ...*). Em hãy tả lại cảnh đẹp đó.

TIẾT 30

KỂ CHUYỆN

(Làm văn miệng ở lớp)

thuongmaitr

I - Đề bài

Em hãy kể lại truyện đã đọc : "Cây tre trăm đốt".

II - Hướng dẫn

1. Đề bài yêu cầu em kể lại truyện "Cây tre trăm đốt" đã đọc. Em cần nhớ lại hoặc xem lại truyện, nắm được cốt truyện và nhân vật để kể lại được.

2. Kể chuyện là một kiểu bài Tập làm văn. *Kể* khác với *tả*. Tả dựa vào quan sát thực tế, còn kể chủ yếu dựa vào trí nhớ (đã ghi lại, hoặc đã được biết trực tiếp hay gián tiếp). Khi kể thường chú ý vào sự việc phát sinh, diễn biến của cốt truyện và kết thúc ; cần xen vào các chi tiết tả. Kể phải dẫn dắt câu chuyện đến một kết thúc có chủ định : chê trách, phê phán cái xấu ; khen ngợi, khuyến khích cái tốt, giúp người đọc (nghe) đồng tình với nhận xét, đánh giá câu chuyện của người kể. Người kể phải kể bằng lời nói sinh động, gợi được cảm xúc và nói đầy đủ, không thiếu, không lặp và thừa chi tiết.

3. Vì vậy, khi làm văn kể chuyện phải nhớ đủ các sự việc và phải nêu chi tiết, tỉ mỉ sự việc chính, sự việc cốt lõi của truyện. Trình tự kể thường gồm có :

– Phần kể nguyên nhân phát sinh câu chuyện (thời gian, nhân vật, sự việc, v.v...).

– Phần kể diễn biến các sự việc theo thứ tự (phát triển sự việc chính, cốt lõi).

– Phần kể sự việc kết thúc (theo ý định người kể).

Em đọc và nhớ lại truyện "Cây tre trăm đốt", ghi vào vở nháp các sự việc theo các phần của truyện, lập một dàn bài chi tiết để kể cho mạch lạc, đầy đủ.

III – Ghi nhớ

Dàn bài làm văn miệng (gợi ý) :

1. Mở bài : giới thiệu thời gian xảy ra truyện, sự việc làm nguồn gốc phát sinh câu chuyện (nhân vật, hoàn cảnh, nguyên nhân, v.v...).

2. Thân bài : kể diễn biến phát triển các sự việc tiếp nối nhau, tập trung vào sự việc cốt lõi.

3. Kết luận : sự việc kết thúc như thế nào ? Người kể nêu ý nghĩa của truyện hoặc nêu cảm nghĩ, nhận xét truyện sau khi kể xong.

truongxua.vn

TIẾT 31

KỂ CHUYỆN

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Em hãy kể lại truyện đã đọc : "Cây tre trăm đốt".

II – Hướng dẫn

Em dựa vào dàn bài ở tiết làm văn miệng để viết thành bài văn kể chuyện hoàn chỉnh.

Chú ý : kể bằng lời kể của chính em, không sao chép, bắt chước y nguyên lời văn trong sách.

III – Ghi nhớ

Để kể lại một truyện đã đọc (hoặc đã nghe người khác kể) cần phải :

– Nắm vững ý nghĩa và nội dung cốt truyện.

– Kể lại đầy đủ những diễn biến, sự việc chính, những chi tiết lí thú, hấp dẫn.

– Kể theo đúng trình tự diễn biến của truyện bằng lời kể của em. Khi kể, cần biểu lộ cảm xúc và thái độ (ca ngợi, phê phán, yêu, ghét ...).

TIẾT 32

KỂ CHUYỆN

(Trả bài làm văn viết)

thuongmaitr

I – Đề bài

Em hãy kể lại truyện đã đọc : "Cây tre trăm đốt".

II – Hướng dẫn

Thực hiện như các lần trả bài trước. Chú ý cách kể bằng lời văn của em và kể có cảm xúc.

TIẾT 33

KỂ CHUYỆN

(Làm văn miệng ở lớp)

I – Đề bài

Em hãy kể lại truyện đã đọc ở lớp 2 : "Sơn Tinh, Thủy Tinh".

II – Hướng dẫn

Sơn Tinh chuẩn bị giao tranh với Thủy Tinh

1. Đây là một truyện cổ, có nhiều yếu tố tưởng tượng, thể hiện ước mơ chiến thắng lũ lụt của người xưa. Truyện đã nêu cao tinh thần chống thiên tai, bảo vệ cuộc sống của nhân dân.

2. Để chuẩn bị cho tiết học, em cần thực hiện tuần tự các việc như mục " Hướng dẫn " ở Tiết 30.

Nhớ lại hoặc đọc lại truyện để nắm vững cốt truyện, không bỏ sót những sự việc chính, những chi tiết lí thú như :

– Sự việc : vua Hùng kén rể. Hai thần thi tài. Sơn Tinh mang lễ vật đến trước nên lấy được Mị Nương. Thủy Tinh ghen tức, dâng nước đánh nhau với Sơn Tinh, gây ra nạn lũ lụt hằng năm.

– Chi tiết : tài trí của Sơn Tinh, Thủy Tinh ; các thứ đồ lễ do vua Hùng đặt ra ; cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh ; nước dâng cao bao nhiêu, núi dâng cao bấy nhiêu.

3. Dựa vào dàn bài vắn tắt, em tập kể miệng ở nhà vài lượt cho quen. Cần kể bằng lời văn của mình, không đọc thuộc nguyên văn truyện trong sách.

TIẾT 34

KỂ CHUYỆN

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Em hãy kể lại truyện đã đọc ở lớp 2 : "Sơn Tinh, Thủy Tinh".

II – Hướng dẫn

– Thực hiện như các bài làm văn viết trước.

– Chú ý không bỏ sót các sự việc chính, những chi tiết lí thú và kể bằng lời văn của mình.

thuongmaitr

TIẾT 35

KỂ CHUYỆN

(Trả bài làm văn viết)

I – Đề bài

Em hãy kể lại truyện đã đọc ở lớp 2 : " Sơn Tinh, Thủy Tinh".

II – Hướng dẫn

– Thực hiện như các lần trả bài trước.

– Chú ý cách kể bằng lời văn của em và kể có cảm xúc.

TIẾT 36

KỂ CHUYỆN

(Làm văn miệng ở lớp)

I - Đề bài

Mượn lời cô bé trong truyện "Cô chủ không biết quý tình bạn" (đã đọc ở lớp 3), em hãy kể lại truyện đó.

II - Hướng dẫn

ruongxua.vn

Cô chủ không biết quý tình bạn.

1. Ở các tiết học trước, em là người kể chuyện và dẫn truyện. Nhưng ở tiết này, em thực hiện yêu cầu của đề bài là "mượn lời cô bé để kể chuyện". Em tự coi mình là cô chủ nhỏ để kể

lại truyện xảy ra, do mình đã đối xử không tốt với bạn bè là Gà Trống, Gà Mái, Vịt và Chó Con.

2. Sau khi xác định rõ yêu cầu của đề bài, em chuẩn bị cho bài làm văn miệng tương tự như những tiết học trước.

Nhớ lại cốt truyện, gồm các sự việc, các chi tiết chính :

– Thân với Gà Trống nhưng rồi lại đổi Gà Trống lấy Gà Mái.

– Thân với Gà Mái nhưng rồi lại đổi Gà Mái lấy Vịt.

– Thân với Vịt nhưng rồi lại đổi Vịt lấy Chó Con.

– Thân với Chó Con nhưng Chó Con thấy cô chủ của mình không biết quý tình bạn nên đã bỏ đi.

3. Bằng cách để cho nhân vật tự kể như vậy, phần Mở bài và Kết luận có một số điểm thay đổi cho phù hợp :

– Mở bài : tự giới thiệu về bản thân và về câu chuyện của mình.

– Kết luận : thấm thía lỗi lầm, tự rút ra cho mình bài học về tình bạn.

thuongmaitr

TIẾT 37

KỂ CHUYỆN

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Mượn lời cô bé trong truyện " Cô chủ không biết quý tình bạn " (đã đọc ở lớp 3), em hãy kể lại truyện đó.

II – Hướng dẫn

– Thực hiện như các bài làm văn viết trước.

– Chú ý cách kể phù hợp với kiểu bài "nhân vật tự kể chuyện của mình".

TIẾT 38

KỂ CHUYỆN

(Trả bài làm văn viết)

I - Đề bài

Mượn lời cô bé trong truyện "Cô chủ không biết quý tình bạn" (đã đọc ở lớp 3), em hãy kể lại truyện đó.

II - Hướng dẫn

- Thực hiện như các lần trả bài trước.
- Chú ý cách kể cho phù hợp với kiểu bài.

III - Giới thiệu một số đề bài kể chuyện

1. Trong các truyện đã đọc về danh nhân thế giới, em thích nhất truyện nào ?

Hãy kể lại truyện đó và cho biết cảm nghĩ của em.

2. Mượn lời *Trâu* trong truyện "Trí khôn của ta đây !" (đã đọc ở lớp 2), em hãy kể lại truyện đó.

tongxua.vn

3. Em nằm mơ thấy mẹ Thánh Gióng kể chuyện về con mình. Hãy kể lại giấc mơ ấy.

TIẾT 39

THUẬT CHUYỆN

(Làm văn miệng ở lớp)

I - Đề bài

Em hãy thuật lại một việc tốt mà em đã làm hay đã chứng kiến ở trường (hoặc ở lớp).

II - Hướng dẫn

1. Từ tiết học này, các em chuyển sang kiểu bài thuật chuyện về người thực việc thực. So với kiểu bài trước, kiểu bài này

đòi hỏi sáng tạo nhiều hơn. Em phải tự chọn lấy chuyện có thực, tự tìm ý và sắp xếp thành câu chuyện. *Thuật chuyện* vừa giống kiểu bài *tả* vừa giống kiểu bài *kể*.

2. Việc tốt có thể là : nhặt của rơi trả lại người mất ; giúp đỡ bạn học tập, hoàn thành tốt công tác được tập thể giao ; đấu tranh với sai lầm của bạn trong học tập, trong sinh hoạt...

3. Thuật lại một câu chuyện có thực, một việc có thực đã được nhiều người chứng kiến thì yêu cầu trước hết là tính trung thực, sự chính xác của từng chi tiết. Điều gì em nắm chưa chắc thì cần tìm hiểu thêm để biết rõ hơn, vì chỉ một chi tiết thuật sai sự thực sẽ làm người nghe đánh giá câu chuyện là không đáng tin cậy.

Người thuật chuyện cũng có thể bày tỏ xen kẽ cảm xúc và nhận xét của mình khi thuật lại các chi tiết, sự việc ...

4. Để chuẩn bị cho tiết thuật chuyện miệng, em cần nhớ lại và ghi vào vở nháp những điều xoay quanh việc làm tốt mà em sẽ thuật :

– Việc tốt đó là việc gì ? Do ai làm ?

thuongmaitr

– Việc tốt diễn ra trong hoàn cảnh nào ? Do nguyên nhân nào ? Những ai có mặt hoặc liên quan đến việc đó ? Người trực tiếp làm việc tốt đó đã làm những gì ? Làm như thế nào ?

– Việc tốt đem lại kết quả cụ thể gì ? Ảnh hưởng đến những ai ? Ảnh hưởng như thế nào ?

III – Ghi nhớ

1. Thuật chuyện *việc thực, người thực* trước hết phải thuật đúng với sự thực. Câu chuyện phải có đầu có cuối. Để câu chuyện sinh động hấp dẫn, em cần biết cách xen kẽ miêu tả khi thuật lại chuyện.

2. Dàn bài thuật chuyện có 3 phần (tương tự dàn bài văn kể chuyện).

TIẾT 40

THUẬT CHUYỆN

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Em hãy thuật lại một việc tốt mà em đã làm hay đã chứng kiến ở trường (hoặc ở lớp).

II – Hướng dẫn

Thực hiện như các bài làm văn viết trước. Chú ý tính chân thực, sinh động khi thuật chuyện.

III – Ghi nhớ

Để người nghe đánh giá đúng mức việc làm tốt, khi thuật chuyện, em cần trình bày rõ người làm việc tốt đó đã phải cố gắng vượt qua những khó khăn trở ngại nào ? Câu chuyện có ảnh hưởng gì tới mọi người và gợi cho em những cảm nghĩ gì ?

uongxua.vn

TIẾT 41

THUẬT CHUYỆN

(Trả bài làm văn viết)

I – Đề bài

Em hãy thuật lại một việc tốt mà em đã làm hay đã chứng kiến ở trường (hoặc ở lớp).

II – Hướng dẫn

– Thực hiện như các lần trả bài trước.

– Chú ý cách thuật chân thực, sinh động.

TIẾT 42

THUẬT CHUYỆN

(Làm văn miệng ở lớp)

I – Đề bài

Em hãy thuật lại một việc tốt mà em đã làm ở gia đình.

II – Hướng dẫn

1. Việc tốt ở gia đình có thể là : bố mẹ đi làm (ở ngoài đồng), trời sắp đổ mưa, em mang áo ni lông và nón đi đón ; cả nhà đi vắng, em vừa trông nhà, vừa dỗ em ; em bé ốm, em ở nhà chơi và trông em ; bố mẹ bận việc, em thổi cơm, dọn dẹp nhà cửa gọn sạch...

2. Em đọc lại mục Hướng dẫn ở Tiết 39 để nắm nội dung và cách chuẩn bị cho tiết tập thuật miệng : tìm ý – lập dàn bài vắn tắt – luyện nói theo dàn bài.

Đề bài yêu cầu thuật việc tốt do chính em đã làm. Em cần thuật kĩ những suy nghĩ của em trước khi làm, trong khi làm, sau khi làm việc tốt đó. Người nghe không những được biết kết quả việc em làm mà còn biết cả những cố gắng cụ thể của em để có được kết quả đó. Như vậy, thuật lại câu chuyện càng cụ thể, chân thật thì càng hấp dẫn và càng có sức thuyết phục.

III – Ghi nhớ

Thuật một việc tốt, cần chú ý đến những suy nghĩ của người làm việc tốt đó để ý nghĩa giáo dục của việc tốt càng thêm sâu sắc.

TIẾT 43

THUẬT CHUYỆN

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Em hãy thuật lại một việc tốt mà em đã làm ở gia đình.

thuongmaitr

II – Hướng dẫn

– Thực hiện như các bài làm văn viết trước.

– Chú ý thuật cụ thể việc tốt và suy nghĩ của em khi làm việc tốt đó.

TIẾT 44

THUẬT CHUYỆN

(Trả bài làm văn viết)

I – Đề bài

Em hãy thuật lại một việc tốt mà em đã làm ở gia đình.

II – Hướng dẫn

Thực hiện như các lần trả bài trước. Chú ý cách thuật chân thực, cụ thể để ý nghĩa của việc tốt mà em đã làm càng có sức thuyết phục.

tongxua.vn

TIẾT 45

THUẬT CHUYỆN

(Làm văn miệng ở lớp)

I – Đề bài

Em hãy thuật lại một việc làm tốt mà em đã chứng kiến tại nơi em ở.

II – Hướng dẫn

1. Với yêu cầu của đề bài này, việc làm tốt có thể thuộc về nhiều mặt : sản xuất, học tập, công tác, nếp sống văn minh,

kinh doanh, đấu tranh chống tiêu cực, quan hệ cư xử... Người làm việc tốt có thể thuộc các lứa tuổi, các ngành nghề khác nhau... Do đó, em cần cân nhắc kĩ để chọn một việc tốt nổi bật nhất. Em cần tìm hiểu thật kĩ, nắm thật chắc và tỉ mỉ về việc làm tốt đó.

2. Việc chuẩn bị tiết này cũng tiến hành tương tự như ở các Tiết 39 và 42 (tìm ý – làm dàn ý – chuyển dàn ý thành bài văn hoàn chỉnh). Cố gắng rút kinh nghiệm các bài văn thuật chuyện đã làm, tránh biến bài văn thành bản thành tích khô khan, chỉ thấy việc làm mà không thấy được người làm.

TIẾT 46

THUẬT CHUYỆN

(Làm văn viết ở lớp)

thuongmaitr

I – Đề bài

Em hãy thuật lại một việc làm tốt mà em đã được chứng kiến tại nơi em ở.

II – Hướng dẫn

Khi làm bài, cần chú ý hai yêu cầu sau :

– Xác thực : việc có thực, người thực (có thể nêu tên tuổi, chỗ ở...).

– Hấp dẫn : câu chuyện được thuật lại phải có nhiều chi tiết đẹp, nổi bật, kết hợp thuật với tả làm nổi rõ đức tính của người làm việc tốt.

– Nêu nhận xét của em về người tốt, việc tốt đó.

TIẾT 47

THUẬT CHUYỆN

(Trả bài làm văn viết)

I – Đề bài

Em hãy thuật lại một việc làm tốt mà em đã được chứng kiến tại nơi em ở.

II – Hướng dẫn

– Thực hiện như các lần trả bài trước.

– Chú ý cách thuật chân thực, sinh động (kết hợp thuật với tả).

III – Giới thiệu một số đề bài thuật chuyện

1. Một việc làm tốt trong gia đình em (do ông bà, bố mẹ hoặc anh chị em... của em đã làm) đã để lại cho em một kỉ niệm sâu sắc. Em hãy thuật lại việc tốt đó.

2. Trong phong trào thi đua làm theo "5 điều Bác Hồ dạy", em và các bạn em đã làm được nhiều việc tốt. Em hãy thuật lại một việc mà em cho là tốt nhất.

truongxua.vn

TIẾT 48

KIỂM TRA HỌC KÌ II

(Làm văn viết ở lớp)

TIẾT 49

TRẢ BÀI LÀM VĂN VIẾT

(Kiểm tra học kì II)

MỤC LỤC

Phân môn	Tiết	Tên bài	Trang
TẬP ĐỌC		**Chủ đề ĐẤT NƯỚC** (tiếp theo)	
	35	Trong cơn lốc biển	3
	36	Đi tàu trên sông Von-ga	5
	37	Luông Pha-bang	6
	38	Ăng-co Vát	8
		Chủ đề NHÂN DÂN	
	39	Trên đường chiến dịch	10
	40	Những bông hoa tím	11
	41	Mẹ	13
	42	Bắt giặc lái Mĩ	14
	43	Thợ rèn	16
	44	Nghệ nhân Bát Tràng	17
	45	Người thợ lặn	19
	46	Chiếc xe lu	20
	47	Đi làm nương	22
	48	Bài ca vỡ đất	23
	49	Miền Tây gặt lúa	25
	50	Đi cấy	27
	51	Lều vịt	28
	52	Cứu muối	29
	53	Qua cầu sông Đuống	31
	54	Giữ đê	32
	55	Buổi chợ trung du	33
	56	Ngày hội đua voi ở Tây Nguyên	35
	57	Nhà bác học và bà con nông dân	37
	58	Páp-lốp	39
	59	Câu đố	41
	60	Tục ngữ về thời tiết	43
	61	Một ngày ở Đê Ba	44
	62	Tiếng đàn Ba-la-lai-ca trên sông Đà	45
	63	Tục ngữ về đạo đức của nhân dân ta	48
	64	Phong cảnh Pác Bó	49
	65	Việt Bắc	50
	66	Vào hè	52
TỪ NGỮ	18	Khí hậu-Thời tiết	53
	19	Ôn tập	57
	20	Quân đội	58
	21	Quân đội (tiếp theo)	61
	22	Công nghiệp nặng	62
	23	Công nghiệp nặng (tiếp theo)	64

thuongmaitr

Phân môn	Tiết	Tên bài	Trang
	24	Việc đồng áng	65
	25	Việc đồng áng (tiếp theo)	67
	26	Ôn tập	68
	27	Nghiên cứu khoa học	–
	28	Nghiên cứu khoa học (tiếp theo)	70
	29	Hội hè – Văn nghệ	71
	30	Hội hè – Văn nghệ (tiếp theo)	73
	31	Đạo đức nhân dân	75
	32	Đạo đức nhân dân (tiếp theo)	76
	33	Ôn tập	77
		Chương III : HAI BỘ PHẬN CHÍNH CỦA CÂU–CÁC TỪ LOẠI CƠ BẢN (tiếp theo)	
NGỮ PHÁP	18	Chủ ngữ	79
	19	Vị ngữ	83
	20	Danh từ	85
	21	Danh từ (tiếp theo)	87
	22	Đại từ chỉ ngôi	89
	23	Động từ	92
	24	Động từ (tiếp theo)	95
	25	Tính từ	97
	26	Ôn tập chương III	99
		Chương IV : CÁC BỘ PHẬN PHỤ TRONG CÂU	
	27	Trạng ngữ	102
	28	Trạng ngữ (tiếp theo)	104
	29	Định ngữ	106
	30	Định ngữ (tiếp theo)	108
	31	Bổ ngữ	111
	32	Bổ ngữ (tiếp theo)	113
	33	Ôn tập chương IV và cuối năm	115
		Phụ lục : **Mẫu phân tích ngữ pháp một câu đơn bình thường**	118
CHÍNH TẢ	18	Chính tả (trí nhớ)	119
	19	Chính tả (so sánh) : Phân biệt *s/x*	120
	20	Chính tả (nghe đọc)	123
	21	Chính tả (so sánh) : Phân biệt *ênh/ên*	–
	22	Chính tả (nghe đọc)	124
	23	Chính tả (trí nhớ)	125
	24	Chính tả (nghe đọc)	126
	25	Chính tả (so sánh) : Phân biệt *ươu/ưu/iu/iêu/êu*	–
	26	Chính tả (trí nhớ)	129
	27	Chính tả (nghe đọc)	–
	28	Chính tả (so sánh) : Phân biệt *l/n*	130

uongxua.vn

Phân môn	Tiết	Tên bài	Trang
	29	Chính tả (trí nhớ)	132
	30	Chính tả (so sánh) : Phân biệt *an/ang*	133
	31	Chính tả (nghe đọc)	135
	32	Chính tả (nghe đọc)	137
	33	Chính tả (kiểm tra học kì II)	138
TẬP LÀM VĂN	18	Tả cảnh (làm văn miệng ở lớp)	139
	19	Tả cảnh (làm văn viết ở lớp)	140
	20	Tả cảnh (trả bài làm văn viết)	141
	21	Tả cảnh (làm văn miệng ở lớp)	–
	22	Tả cảnh (làm văn viết ở lớp)	142
	23	Tả cảnh (trả bài làm văn viết)	143
	24	Tả cảnh (làm văn miệng ở lớp)	–
	25	Tả cảnh (làm văn viết ở lớp)	144
	26	Tả cảnh (trả bài làm văn viết)	145
	27	Tả cảnh (làm văn miệng ở lớp)	–
	28	Tả cảnh (làm văn viết ở lớp)	147
	29	Tả cảnh (trả bài làm văn viết)	–
	30	Kể chuyện (làm văn miệng ở lớp)	148
	31	Kể chuyện (làm văn viết ở lớp)	149
	32	Kể chuyện (trả bài làm văn viết)	150
	33	Kể chuyện (làm văn miệng ở lớp)	–
	34	Kể chuyện (làm văn viết ở lớp)	152
	35	Kể chuyện (trả bài làm văn viết)	–
	36	Kể chuyện (làm văn miệng ở lớp)	153
	37	Kể chuyện (làm văn viết ở lớp)	154
	38	Kể chuyện (trả bài làm văn viết)	155
	39	Thuật chuyện (làm văn miệng ở lớp)	–
	40	Thuật chuyện (làm văn viết ở lớp)	157
	41	Thuật chuyện (trả bài làm văn viết)	–
	42	Thuật chuyện (làm văn miệng ở lớp)	158
	43	Thuật chuyện (làm văn viết ở lớp)	–
	44	Thuật chuyện (trả bài làm văn viết)	159
	45	Thuật chuyện (làm văn miệng ở lớp)	–
	46	Thuật chuyện (làm văn viết ở lớp)	160
	47	Thuật chuyện (trả bài làm văn viết)	161
	48	Kiểm tra học kì II (làm văn viết ở lớp)	–
	49	Trả bài làm văn viết (kiểm tra học kì II)	–

thuongmaitr

truongxua.vn